

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phan Thị Vân

Giảng viên hướng dẫn : TS. Nguyễn Văn Tĩnh

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phan Thị Ván

Giảng viên hướng dẫn : TS. Nguyễn Văn Tĩnh

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phan Thị Vân

Mã SV: 1354010104

Lớp: QT 1301K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH may Thiên Nam

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Về lý luận: Hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh và hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

- Về thực tiễn: Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH may Thiên Nam.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng tình hình, số liệu năm 2012.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH may Thiên Nam, KM số 3 - đường Phạm Văn Đồng - phường Anh Dũng - quận Dương Kinh - thành phố Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Tĩnh

Học hàm, học vị: Tiến sỹ kinh tế

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH May Thiên Nam

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Phan Thị Vân

TS. Nguyễn Văn Tĩnh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Có ý thức, trách nhiệm cao với đề tài, cần cù, chăm chỉ học hỏi, chịu khó tìm tòi, nghiên cứu, sưu tập, tham khảo tài liệu, số liệu, tình hình phục vụ cho đề tài.
- Khiêm tốn, cầu thị, tranh thủ ý kiến của giáo viên hướng dẫn, vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế sinh động, tiếp thu nhanh, có ý thức vươn lên.
- Thái độ đúng mực, chấp hành triệt để các quy định của nhà trường về lịch trình, kế hoạch, thời gian, tiến độ,...

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Các yêu cầu, nội dung đề ra trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp được đảm bảo, bài viết có chất lượng, kết cấu hợp lý, rõ ràng, ngắn gọn.
- Đã hệ thống được những vấn đề cơ bản về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- Trình bày thực trạng tình hình kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh ở cơ sở đến thực tập ngắn gọn, đầy đủ, xúc tích, với số liệu minh chứng rõ ràng. Đánh giá nhận xét về doanh nghiệp đến thực tập có căn cứ thực tiễn. Các kiến nghị mang tính khả thi, tính thuyết phục. Các số liệu biểu mẫu, mô hình, sơ đồ đưa ra có sự lựa chọn, cân nhắc kỹ càng.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số : 9,8

Bằng chữ : Chín phẩy tám

Hải Phòng, ngày 14 tháng 06 năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Nguyễn Văn Tĩnh

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, để tồn tại và phát triển các doanh nghiệp phải tổ chức sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế. Sản xuất các sản phẩm hàng hoá mà thị trường đang cần với chất lượng tốt, giá thành sản phẩm thấp, đẩy nhanh tiêu thụ thu tiền về, tăng vòng quay của vốn. Muốn đạt được điều đó doanh nghiệp phải cải tiến, đổi mới tổ chức sản xuất và quản lý sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật mới, tiên tiến trên thế giới để tăng năng xuất lao động, hạ giá thành sản xuất sản phẩm, tiêu thụ nhanh gọn... và quan tâm chú ý tới công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp để có những thông tin kịp thời, chính xác phục vụ cho chỉ đạo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Từ những nhận thức nêu trên, trong thời gian thực tập tại công ty TNHH may Thiên Nam, em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu về kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty và đã chọn đề tài cho khoá luận tốt nghiệp của bản thân là: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH may Thiên Nam”

Khoá luận ngoài mở đầu và kết luận được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1 : Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2 : Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH May Thiên Nam.

Chương 3 : Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH May Thiên Nam.

Do điều kiện thời gian eo hẹp và kiến thức còn hạn chế, bỏ ngỡ với thực tế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những sai sót khiếm khuyết. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của ban giám đốc, các cô chú trong phòng kế toán, các phòng ban của công ty TNHH may Thiên Nam, các thầy, cô giáo để em sửa chữa bổ sung khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin trình bày toàn bộ khóa luận:

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1 Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

➤ *Đối với doanh nghiệp*

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

➤ *Đối với nhà nước*

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng đối với nhà nước:

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia. Từ đó, nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh – xã hội tốt nhất.
- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính trị quốc gia sẽ có cơ sở đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

- Riêng đối với các DN có nguồn vốn Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

➤ ***Đối với nhà đầu tư***

Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính, các nhà đầu tư sẽ phân tích và đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

➤ ***Đối với các tổ chức tài chính trung gian***

Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

➤ ***Đối với nhà cung cấp***

Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán. . .

1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

➤ ***Nhiệm vụ của kế toán doanh thu***

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ kịp thời và giám đốc chặt chẽ các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

- Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của từng đơn vị.

- Phản ánh. Ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và biến động tăng giảm về mặt số lượng và mặt giá trị các loại sản phẩm, hàng hóa. Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, ngân sách Nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hóa bán ra.

- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời lập báo cáo tiêu thụ.

➤ ***Nhiệm vụ của kế toán chi phí***

- Ghi chép đầy đủ các khoản mục chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Căn cứ thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán chi phí phải vận dụng các phương pháp kế toán (phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho, phương pháp tính giá thành, phương pháp khấu hao) cho phù hợp.

- Tiến hành tập hợp phân bổ các khoản chi phí hợp lý.

➤ ***Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh***

- Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động, từng thời kỳ.

- Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp các thông tin phục vụ cho việc quyết toán, ra quyết định của nhà quản trị.

- Phân tích đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

1.2 Một số vấn đề cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1 Một số vấn đề cơ bản về doanh thu

1.2.1.1 Khái niệm doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bao gồm toàn bộ tiền bán hàng, bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản, cung cấp dịch vụ sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu thương mại. Giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.. .

1.2.1.2 Vai trò, vị trí doanh thu

Doanh thu là cơ để có kết quả kinh doanh, nó có vai trò rất quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Đối với quá trình tiêu thụ, nếu tiêu thụ tốt sẽ góp phần làm tăng doanh thu, tăng tốc độ chu chuyển vốn của doanh nghiệp, làm cho đồng vốn kinh doanh không bị ứ đọng, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo.

Qua quá trình tiêu thụ, DN thu về các khoản doanh thu bán hàng. Đây là nguồn thu quan trọng, chủ yếu của doanh nghiệp để bù đắp chi phí, trang trải cho số vốn bỏ ra, thanh toán lương và làm tròn nghĩa vụ đóng thuế với Nhà nước.

Đối với các doanh nghiệp, doanh thu bao gồm nhiều loại khác nhau. Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của doanh nghiệp.

Doanh thu là nguồn tài chính, một trong những yếu tố để doanh nghiệp làm tăng vốn chủ sở hữu, có thể tham gia vốn góp cổ phần, liên doanh, liên kết với các đơn vị khác và đầu tư vào công ty con.

Doanh thu còn là yếu tố làm tăng thu nhập của doanh nghiệp, của người lao động có tác dụng khuyến khích người lao động và các đơn vị ra sức phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

1.2.1.3 Các nguyên tắc xác định doanh thu

- Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Giá trị hợp lý : Là giá trị tài sản có thể được thay đổi (Hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

- Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được quy định tại Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC, nếu không thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu thì không hạch toàn vào doanh thu.

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế GTGT).

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB, thuế xuất khẩu)

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

1.2.1.4 Điều kiện ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

1.2.1.5 Thời điểm ghi nhận doanh thu

Thời điểm ghi nhận doanh thu thường được xác định theo các phương thức bán hàng sau:

- **Phương thức bán hàng trực tiếp:** Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chùng từ bán hàng, nếu hội tụ đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đã thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.

- **Phương thức gửi đại lý, ký gửi:** Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp.

- **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:** Theo phương pháp này khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và sẽ phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511) mà được hạch toán như một khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515). Doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.

- **Phương thức bán hàng đổi hàng:** Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì ghi nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng. Kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào.

Giá trao đổi là giá bán sản phẩm, hàng hóa đó trên thị trường.

$$\text{DT sản phẩm đem trao đổi} = \text{Số lượng sản phẩm đem trao đổi} * \text{Giá bán của sản phẩm trên thị trường tại thời điểm trao đổi.}$$

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách tin cậy.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

1.2.1.6 Phân loại doanh thu

Theo quy định của Nhà nước và Chuẩn mực kế toán thì doanh thu được phân ra làm 4 loại sau:

➤ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** : Là tổng giá trị được thực hiện do việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

➤ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ** : Là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

➤ **Doanh thu hoạt động tài chính** : Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm :

- Tiền lãi : Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, . .
- Cổ tức, lợi nhuận được chia,...
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh. Đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái, Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

➤ **Doanh thu thu nhập khác** : Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm :

- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tích trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên;

1.2.1.7 Các khoản giảm trừ doanh thu

Theo chế độ quy định của Nhà nước và Chuẩn mực kế toán thì các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản làm giảm doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản mà doanh nghiệp giảm giá cho người mua do người mua đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ) với số lượng lớn trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết về mua bán hàng.

- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu. Ngoài ra, tính vào khoản giảm giá hàng bán còn bao gồm các khoản thưởng khách hàng trong một thời gian nhất định đã tiến hành mua khối lượng hàng hóa trong một đợt.

- **Hàng bán bị trả lại:** là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thu, nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như: hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

- **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Là một loại thuế gián thu đánh vào tiêu dùng của xã hội, doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Mục tiêu của loại thuế này là nhằm điều tiết mạnh vào các loại hàng hóa, dịch vụ cao cấp hay những sản phẩm tiêu dùng không có lợi cho sức khỏe...

- **Thuế xuất khẩu:** được đánh vào tất cả các mặt hàng hóa, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất ra khỏi biên giới.

- **Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp:** Là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

1.2.1.8 Doanh thu thuần

- Doanh thu thuần là tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu

- Doanh thu thuần là một trong các yếu tố cơ bản để xác định kết quả kinh doanh.

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Tổng doanh thu bán hàng} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Tổng các chi phí}$$

1.2.1.9 Các biện pháp nhằm tăng doanh thu

- Không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm về cả hình thức và mẫu mã để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.
- Tăng cường hoạt động quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, và giữ vững thị trường hiện có và phát triển thị trường mới.
- Có chính sách thu hút khách hàng như: Giảm giá, chiết khấu...
- Hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác phân tích tình hình doanh thu tiêu thụ nói riêng.

1.2.2 Một số vấn đề về chi phí

1.2.2.1 Khái niệm chi phí

Chi phí là tổng các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

1.2.2.2 Vai trò và vị trí của chi phí

- Chi phí là yếu tố để tạo ra doanh thu, nó được đối trừ với doanh thu để xác định kết quả kinh doanh. Do đó cũng như doanh thu thì chi phí được trình bày theo tính chất của các hoạt động mà nó phát sinh ra từ hoạt động đó.
- Chi phí trong doanh nghiệp được phản ánh là chi phí sản xuất kinh doanh (đối với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh), giá thành sản phẩm, dịch vụ (đối với doanh nghiệp thương mại và dịch vụ); phản ánh giá trị hàng hóa, vật tư mua vào, trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ bán ra; phản ánh chi phí

bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc ngành, các thành phần kinh tế.

- Chi phí có vai trò quan trọng trong các doanh nghiệp vì chi phí là các khoản mà công ty phải chi trả mua các nguyên liệu phục vụ sản xuất, chi phí cho các hoạt động bán hàng, hoạt động quản lý và các hoạt động khác.

- Ngoài ra chi phí còn có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tới sự tồn tại của doanh nghiệp trên thương trường. Đây là những chi phí cần thiết để thực hiện quá trình sản xuất và lưu chuyển hàng hoá.

- Chi phí là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đây là một trong những căn cứ cơ bản nhất để đánh giá hoạt động giữa các kỳ với nhau hoặc với các đơn vị cùng ngành khác, biểu hiện của trình độ quản lý chi phí sản xuất kinh doanh là các khai thác biểu hiện rõ nét của việc khai thác trình độ tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, sự áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật như áp dụng phương tiện và các hình thức vận chuyển tiến bộ, chế độ hoạch toán... hướng đến mục tiêu tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được kết quả mong muốn.

- Như vậy, chi phí có vai trò quan trọng và công tác quản lý chi phí thực sự là một môn khoa học, chi phí là đòn bẩy là động lực kinh tế quan trọng

1.2.2.3 Nguyên tắc, điều kiện ghi nhận chi phí

- Việc ghi nhận giá vốn phải dựa theo nguyên tắc: Khi phát sinh một khoản thu bán sản phẩm thì mới ghi nhận một khoản giá vốn tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu.

- Chi phí phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí, trừ những nội dung chi phí sau: Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ; Chi phí bán hàng; chi phí quản lý doanh nghiệp; chi phí kinh doanh bất động sản; Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản; Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác.

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí. Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý của từng ngành,

từng doanh nghiệp mà chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được theo dõi chi tiết.

1.2.2.4 Các loại chi phí trong doanh nghiệp

➤ **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị thực tế xuất kho của số thành phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mau hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ **Chi phí bán hàng:** Là những khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí bán hàng bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, Chi phí vật liệu bao bì, Chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, Chi phí khấu hao tài sản cố định, Chi phí bảo hành sản phẩm, Chi phí dịch vụ mua ngoài, Chi phí bằng tiền khác.

➤ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, Chi phí vật liệu quản lý, Chi phí đồ dùng văn phòng, Chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ văn phòng, Thuế, phí và lệ phí, Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, Chi phí dịch vụ mua ngoài, Chi phí bằng tiền khác

➤ **Chi phí hoạt động tài chính:** Phản ánh những khoản chi phí bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, Chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

➤ **Chi phí khác:** Đây là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp, cũng có thể là các khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

Nội dung của chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác

➤ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Là tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận của một kỳ. Trong đó:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc thu được trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Phương pháp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thuế TNDN} & & \text{Thu nhập} & & \text{Thuế suất} & & \\ \text{phải nộp} & = & \text{chịu thuế} & * & \text{thuế TNDN} & & \end{array}$$

1.2.2.5 Các biện pháp nhằm giảm chi phí

- Kiểm soát chi phí thích hợp là việc làm có tổ chức, linh hoạt và được điều chỉnh thường xuyên để chi phí hoạt động của doanh nghiệp giảm bớt mà không ảnh hưởng quá nhiều đến chất lượng, hiệu quả và cơ hội kinh doanh.

- Các nhà quản lý cũng cần kiểm soát chi phí một cách hợp lý bằng các biện pháp lập kế hoạch chi phí và lượng hóa chi phí. Để thực hiện, nhà quản lý doanh

ngành cần xác định các khoản chi cần thiết và xây dựng định mức chi phí cho các chi phí này. Việc xây dựng định mức chi phí sẽ là một cơ sở để đánh giá hiệu quả kinh doanh.

- Thay vì tăng giá thành sản phẩm để tăng lợi nhuận thì các doanh nghiệp cần phải đẩy mạnh tiết kiệm chi phí trong đó chú trọng cải tiến về công nghệ sản xuất và sản phẩm thay đổi cách thức quản lý điều hành hợp lý và hiệu quả, tạo ra thế cạnh tranh về giá để mở rộng thị trường xuất khẩu, tìm ra những phân khúc thị trường phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp. Một trong những biện pháp tiết kiệm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh mà nhiều doanh nghiệp đang thực hiện là chủ động tìm các nguồn nguyên vật liệu thay thế nhằm giảm giá thành, tránh phụ thuộc quá nhiều vào thị trường thế giới.

- Cần xây dựng ý thức tiết kiệm chi phí cho toàn thể đội ngũ cán bộ, công nhân viên. Để việc tiết kiệm chi phí được thực hiện thành công, cần khuyến khích sự tham gia của toàn thể đội ngũ lãnh đạo và nhân viên, đồng thời có chế độ động viên hợp lý để mỗi thành viên hiểu và trân trọng phần đóng góp của cá nhân mình trong doanh nghiệp

1.2.3 Kết quả kinh doanh

1.2.3.1 Khái niệm kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư) chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Kết quả hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa thu nhập hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

- **Kết quả hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp.

1.2.3.2 Ý nghĩa, vai trò và tác dụng của việc xác định kết quả kinh doanh

Trong nền kinh tế hiện nay, các DN muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo nguyên tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các DN, nó thể hiện KQKD và chất lượng hoạt động của DN. Xác định KQKD và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí bỏ ra phục vụ cho sản xuất kinh doanh, nếu doanh thu lớn hơn chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại DN sẽ bị lỗ. Việc xác định KQKD được làm vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh của DN, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho DN mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý,...

Với việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của DN, xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận của DN...Ngoài ra còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng các quỹ hợp lý, giải quyết hài hòa giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

1.2.3.3 Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Các loại hoạt động trong doanh nghiệp bao gồm: Hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

Hoạt động SXKD: Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành XSKD chính và XSKD phụ.

Hoạt động tài chính: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của DN.

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Doanh thu về} & & \text{Các khoản} & & \text{Giá vốn} & & & & \\ \text{hoạt động} & = & \text{bán hàng và} & - & \text{giảm trừ} & - & \text{hàng} & - & & & \text{Chi phí} \\ \text{SXKD} & & \text{cung cấp dịch vụ} & & \text{DT} & & \text{bán} & & & & \text{BH,QLDN} \end{matrix}$$

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	=	Doanh thu từ hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính		
Lợi nhuận từ hoạt động khác	=	Doanh thu từ hoạt động khác	-	Chi phí khác		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận từ HĐ SXKD	+	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	+	Lợi nhuận khác
Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		-	Chi phí thuế TNDN	

1.2.4 Quan hệ giữa doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh và vấn đề phân đầu tăng kết quả kinh doanh (Lợi nhuận) trong doanh nghiệp

1.2.4.1 Quan hệ giữa doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh có mối quan hệ mật thiết hữu cơ với nhau. Trong doanh thu là kết quả tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp, còn chi phí là những khoản tiền bỏ ra để có được doanh thu, lợi nhuận là hiệu số của doanh thu và chi phí.

Mối quan hệ giữa doanh thu, chi phí và lợi nhuận được thể hiện qua phương trình kinh tế cơ bản sau:

$$\text{Lợi nhuận} = \text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí}$$

- Nếu:
- Doanh thu tăng, chi phí không tăng thì lợi nhuận tăng và ngược lại.
 - Doanh thu tăng, chi phí giảm thì lợi nhuận tăng nhiều hơn và ngược lại.
 - Doanh thu không tăng, chi phí giảm thì lợi nhuận vẫn tăng và ngược lại.
 - Doanh thu tăng, chi phí cũng tăng theo cùng tỷ lệ thì lợi nhuận cũng tăng và ngược lại.
- Vậy : Để tăng lợi nhuận(tăng kết quả kinh doanh) thì phải phân đầu tăng doanh thu hoặc giảm chi phí hoặc vừa tăng doanh thu vừa giảm chi phí.

1.2.4.2 Vấn đề phân đấu để tăng kết quả kinh doanh

Lợi nhuận là mục đích cuối cùng mà mỗi DN trong quá trình sản xuất kinh doanh luôn hướng tới. Tuy nhiên để đạt được mục tiêu này trong điều kiện hiện nay khi mà cạnh tranh giữa các doanh nghiệp để bán hàng nó rất khốc liệt, giá cả, chi phí thì thường tăng cao cho nên phải phân đấu:

- Tăng doanh thu bằng cách tăng sản xuất và tiêu thụ, tăng cung cấp dịch vụ với điều kiện chi phí, giá thành không tăng. Phân đấu tăng năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu tiêu hao trong sản xuất, đầu tư đổi mới máy móc thiết bị,... để tăng sản phẩm sản xuất.

- Giảm các chi phí như giảm giá vốn hàng bán (giảm chi phí sản xuất), giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng,... để giảm giá thành sản phẩm, tăng lượng tiêu thụ, tăng lợi nhuận.

- Hoặc doanh nghiệp vừa phải phân đấu tăng doanh thu vừa phải phân đấu giảm chi phí cùng một lúc để lợi nhuận tăng nhiều hơn.

1.3 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.3.1 Các trường hợp hạch toán hàng tồn kho và tính thuế GTGT

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện nay do Bộ tài chính ban hành:

- *Có hai phương pháp hạch toán hàng tồn kho:*
 - + Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
 - + Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.
- *Có hai phương pháp tính thuế GTGT:*
 - + Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
 - + Tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- *Từ phần tính ở trên thì doanh nghiệp có thể hạch toán hàng tồn kho và tính thuế GTGT theo các phương pháp sau:*

1. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

2. Hạch toàn hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

3. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

4. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

Trong 4 trường hợp nêu trên thì phổ biến là các doanh nghiệp dùng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Bởi vậy trong nghiên cứu cũng như trong bài viết này em chỉ giới hạn và đi sâu vào kế toán hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Còn phương pháp khác em không có điều kiện nghiên cứu và xin không trình bày ở khóa luận này.

1.3.2 Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập trong doanh nghiệp

1.3.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

➤ Các chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Phiếu thu, giấy báo có
- Tờ khai thuế GTGT
- Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi

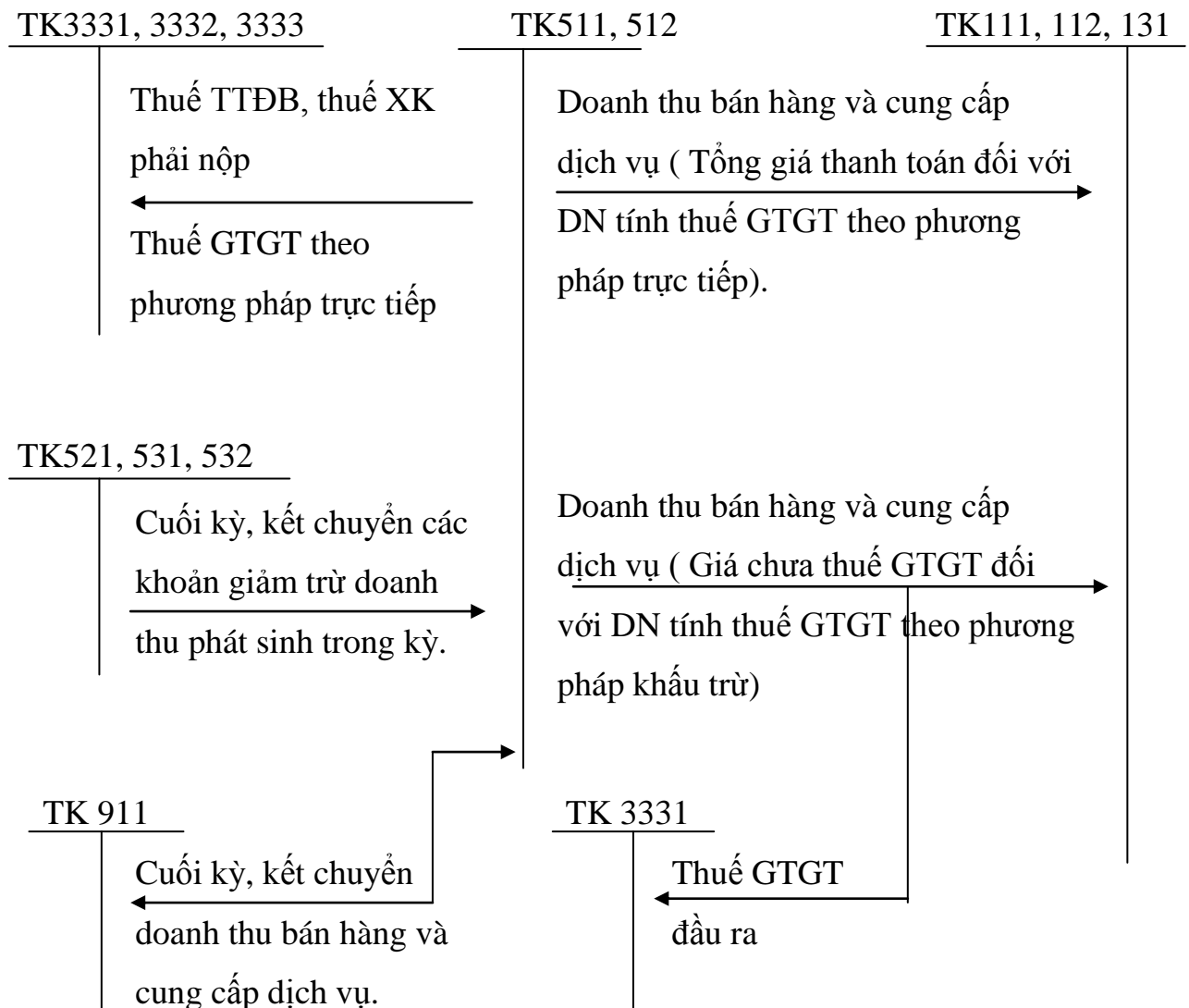
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ cái và sổ chi tiết tài khoản 511,
 - Sổ nhật ký chung
 - Bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính
- Tài khoản sử dụng:
- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- ✓ Các tài khoản cấp 2:
 - TK 5111- Doanh thu bán hàng hóa
 - TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
 - TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
 - TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- ✓ Kết cấu tài khoản 511:

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của DN trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

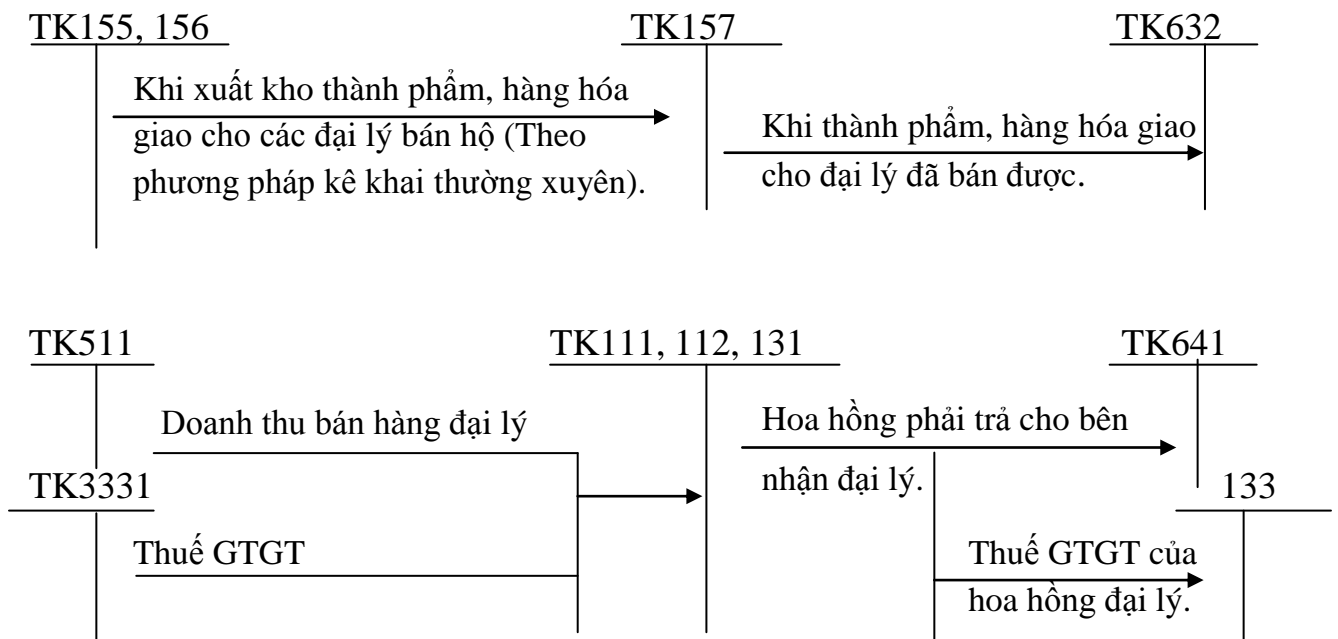
Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TTĐB, thuế XK phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán. - Số thuế GTGT phải nộp của DN tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Doanh thu bán hàng bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - K/c doanh thu thuần vào TK 911 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
TK 511 không có số dư cuối kỳ		

➤ Phương pháp hạch toán:

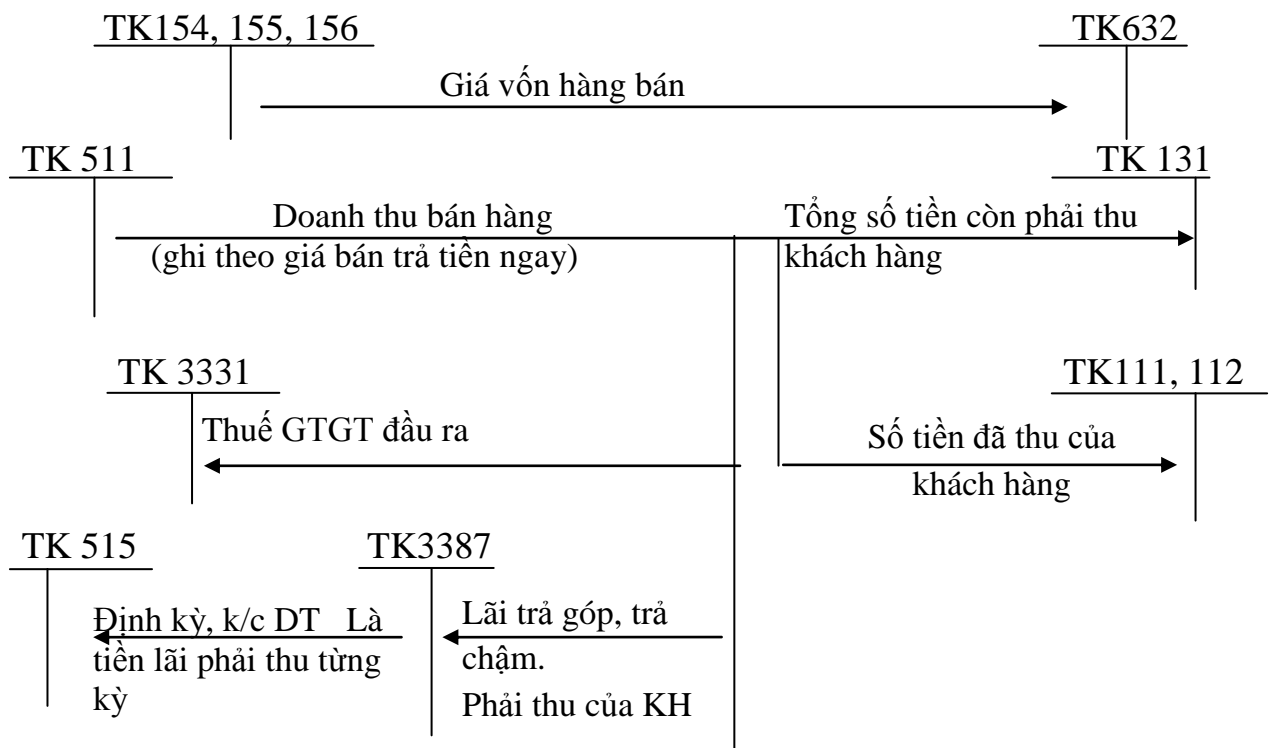
Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp trực tiếp



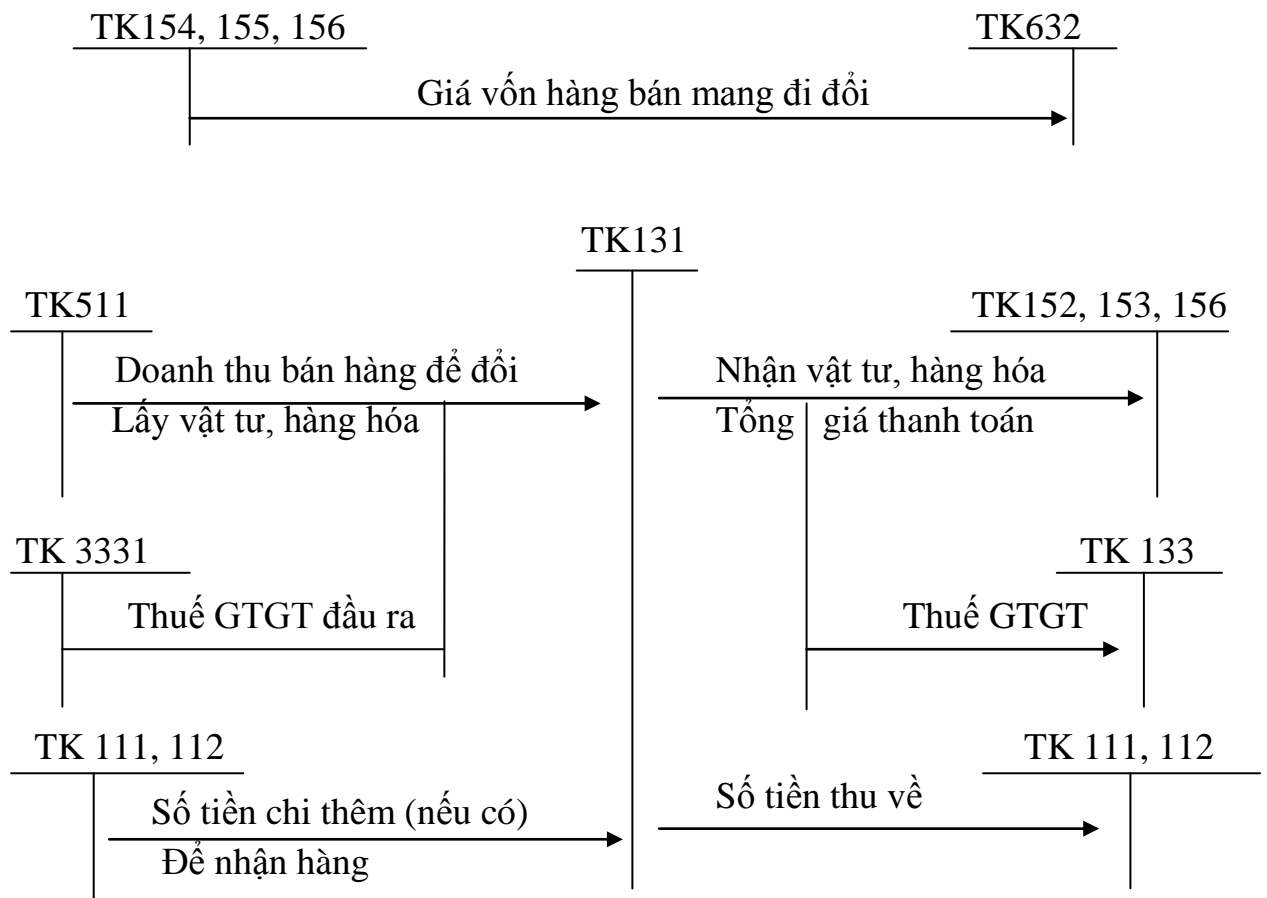
Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán đại lý



Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.



Sơ đồ 1.4: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng.



1.3.2.2 Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá nội bộ.

- Chứng từ số sách sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
 - Tờ khai thuế GTGT
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái và sổ chi tiết tài khoản 512
 - Bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính
- Tài khoản sử dụng:
- Tài khoản 512 – Doanh thu tiêu thụ nội bộ

✓ Các tài khoản cấp 2:

- TK 5121 - Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

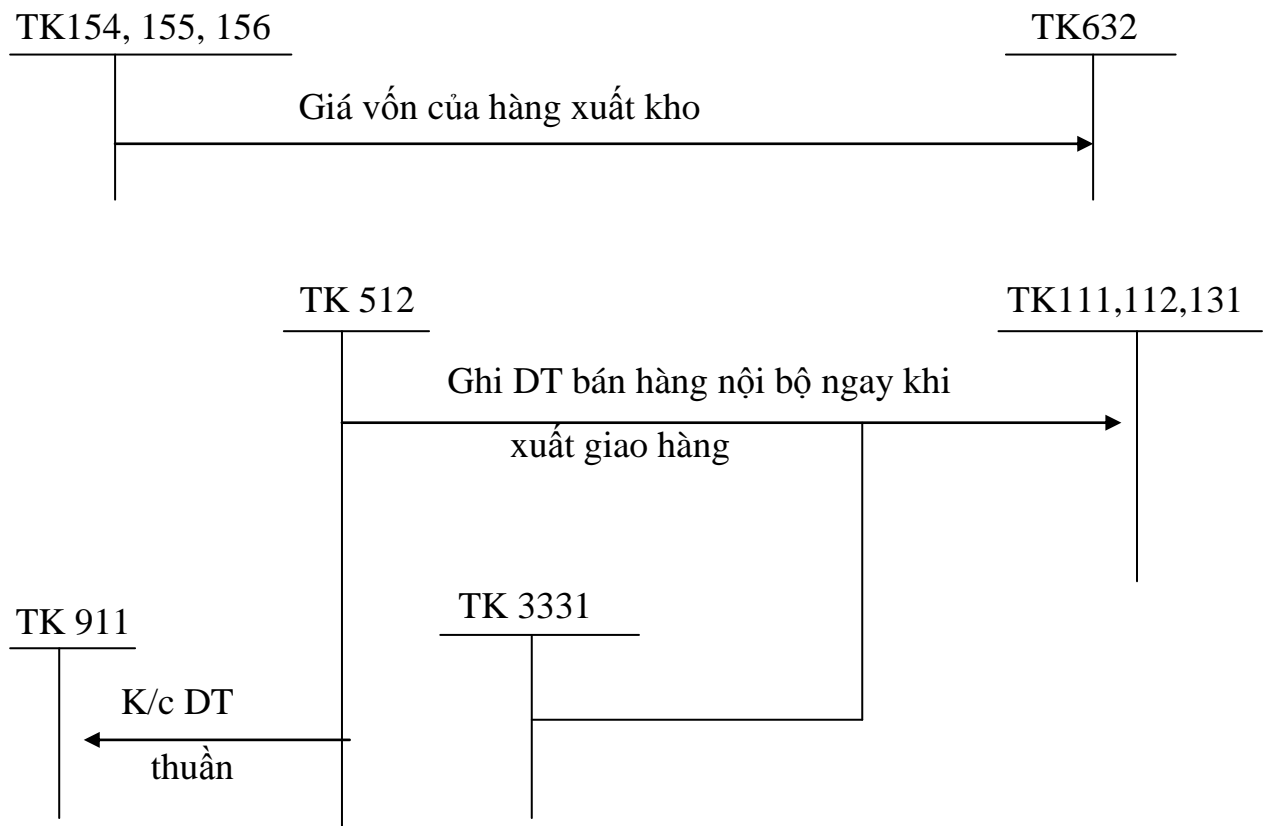
✓ Kết cấu tài khoản:

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ DN. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ. Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm hàng hóa xuất biểu tặng, xuất trả lương, thưởng, xuất dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh...

Nợ	TK 512	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm trừ hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán. - Số thuế TTĐB phải nộp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ. - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ. - K/cDTBH nội bộ thuần vào TK911 	<p>Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.</p>	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
TK 512 không có số dư cuối kỳ		

➤ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.5: Hạch toán doanh thu bán hàng nội bộ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.



1.3.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

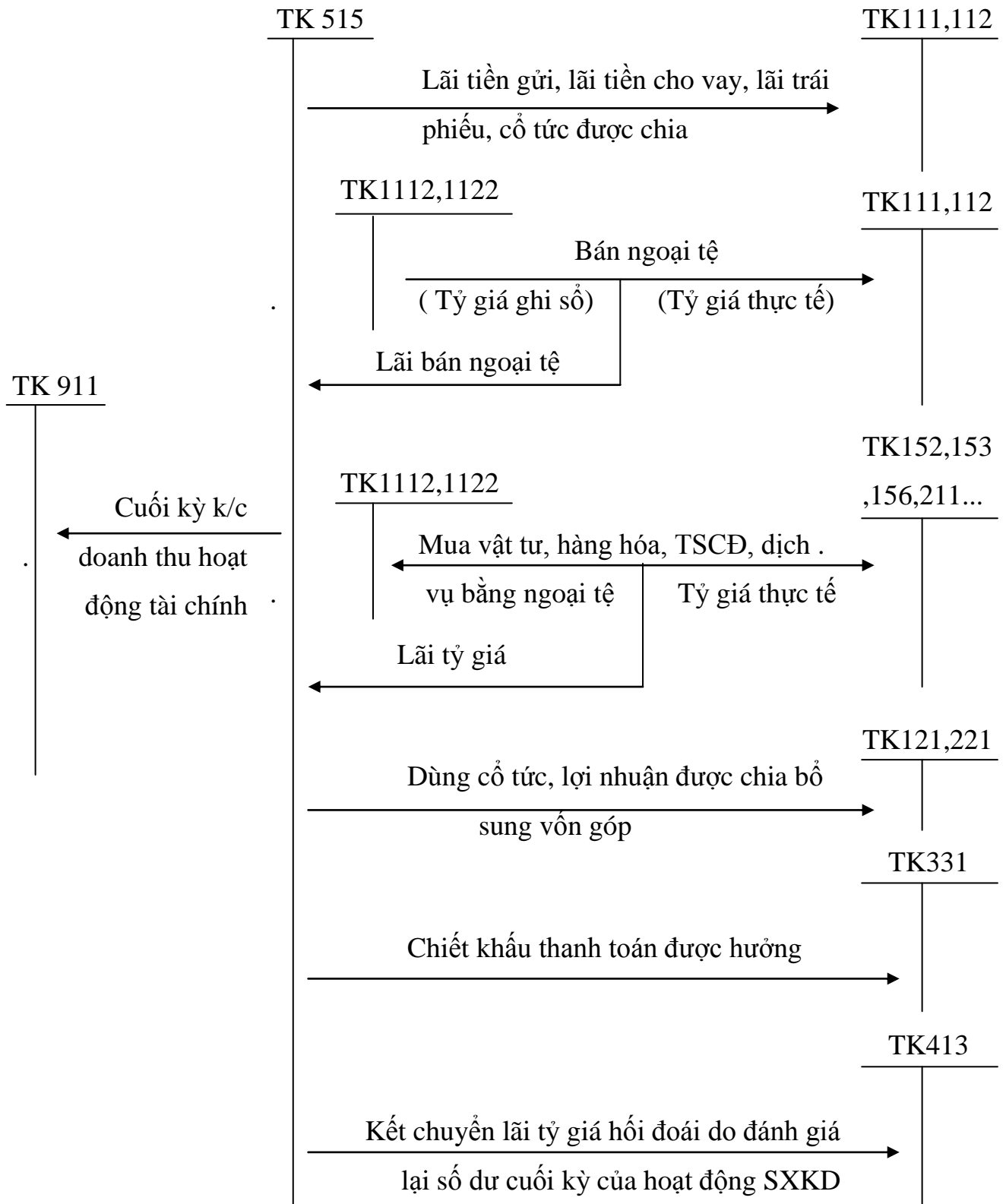
Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá nội bộ.

- Chứng từ, sổ sách sử dụng:
 - Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản, giấy báo có của ngân hàng, phiếu kế toán,...
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái và sổ chi tiết tài khoản 515
 - Các chứng từ, sổ sách liên quan
- Tài khoản sử dụng:
 - Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
- ✓ Kết cấu của tài khoản 515:

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911-“Xác định kết quả kinh doanh” 		<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết. - Chiết khấu thanh toán được hưởng - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động inh doanh. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ; - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của HĐKD; - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
TK 515 không có số dư cuối kỳ		

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



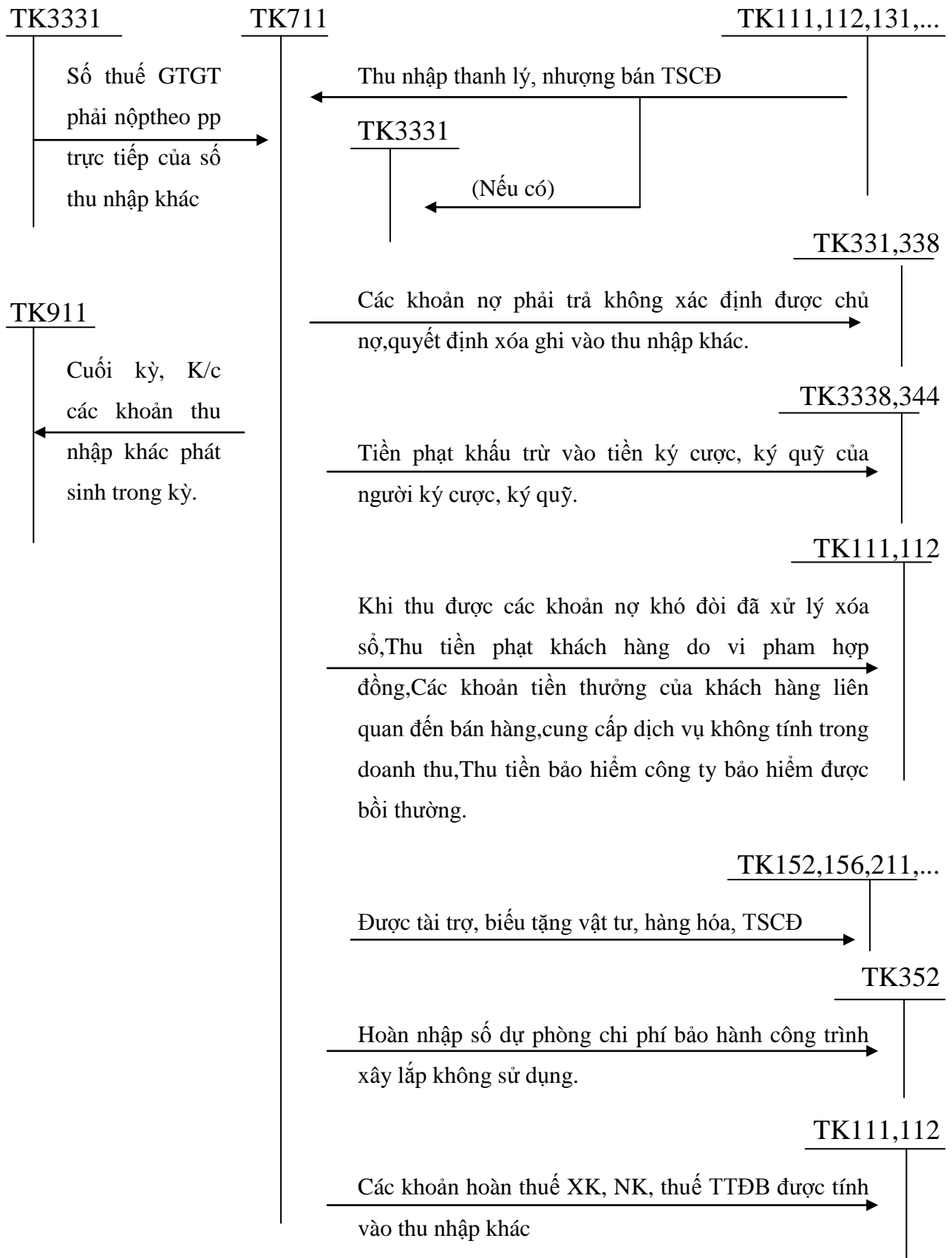
1.3.2.4 Kế toán thu nhập khác trong doanh nghiệp

- Chứng từ số, sách sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT
 - Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng...
 - Các chứng từ liên quan khác như: Biên bản thanh lý TSCĐ, Hợp đồng kinh tế...
 - Sổ chi tiết bán hàng
 - Sổ theo dõi TSCĐ,CCDC tại nơi sử dụng;
 - Sổ cái và sổ chi tiết TK 711
 - Sổ nhật ký chung
- Bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính;
- Tài khoản sử dụng
- Tài khoản 711 – Thu nhập khác
- ✓ Kết cấu tài khoản 711:

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp(nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. 	
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có	
TK 711 không có số dư cuối kỳ		

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác



1.3.3 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Trong công tác kế toán hạch toán doanh thu có những khoản làm giảm doanh thu của doanh nghiệp như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại...

- Chứng từ, sổ sách sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Hợp đồng mua bán hàng hóa
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái và sổ chi tiết tài khoản 521, 531, 532
 - Bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính
 - Các chứng từ, sổ sách liên quan

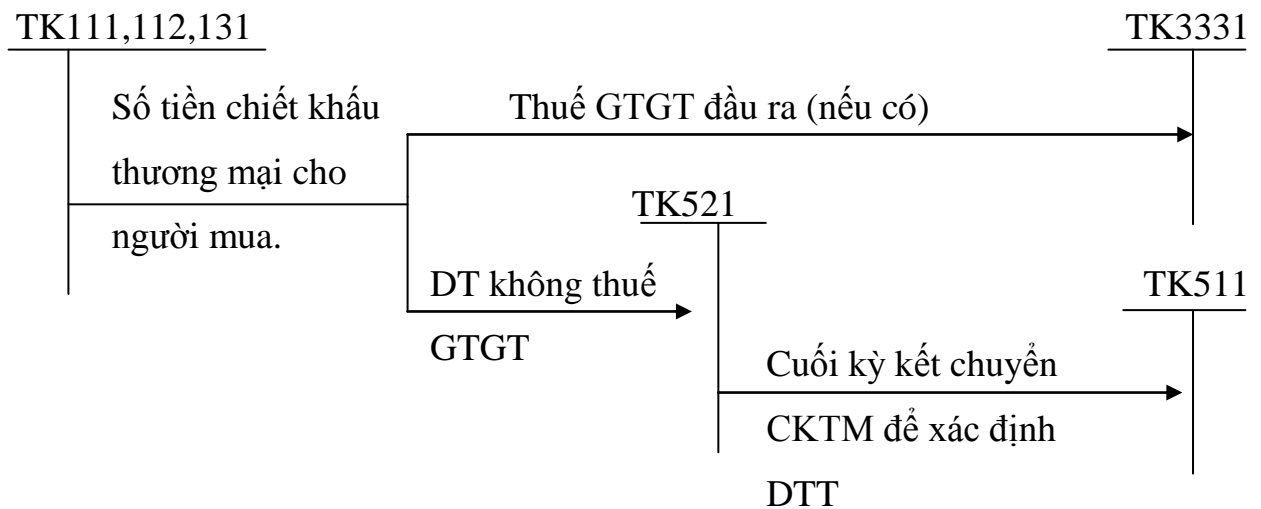
1.3.3.1 Chiết khấu thương mại – Tài khoản 521

- Tài khoản sử dụng
- Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại
- ✓ Các tài khoản cấp 2:
 - TK 5211 - Chiết khấu hàng hóa
 - TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm
 - TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ
- ✓ Kết cấu tài khoản 521

Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng; 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
TK 521 không có số dư cuối kỳ		

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.8: Kế toán tổng hợp chiết khấu thương mại



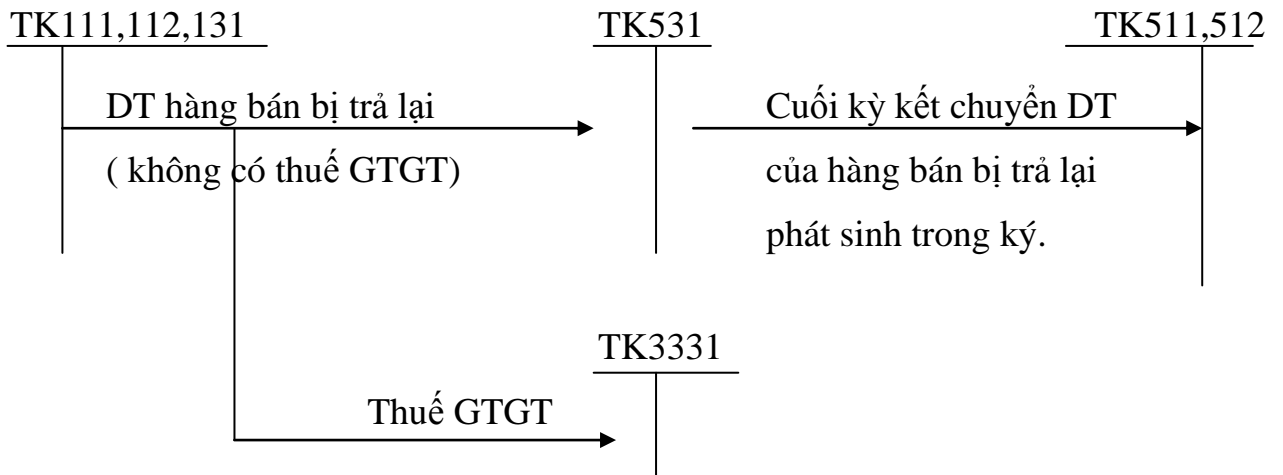
1.3.3.2 Hàng bán bị trả lại – Tài khoản 531

- Tài khoản sử dụng
- Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại
- ✓ Kết cấu tài khoản 531

Nợ	TK 531	Có
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.		- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
TK 531 không có số dư cuối kỳ		

- Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.9: Kế toán tổng hợp hàng bán bị trả lại



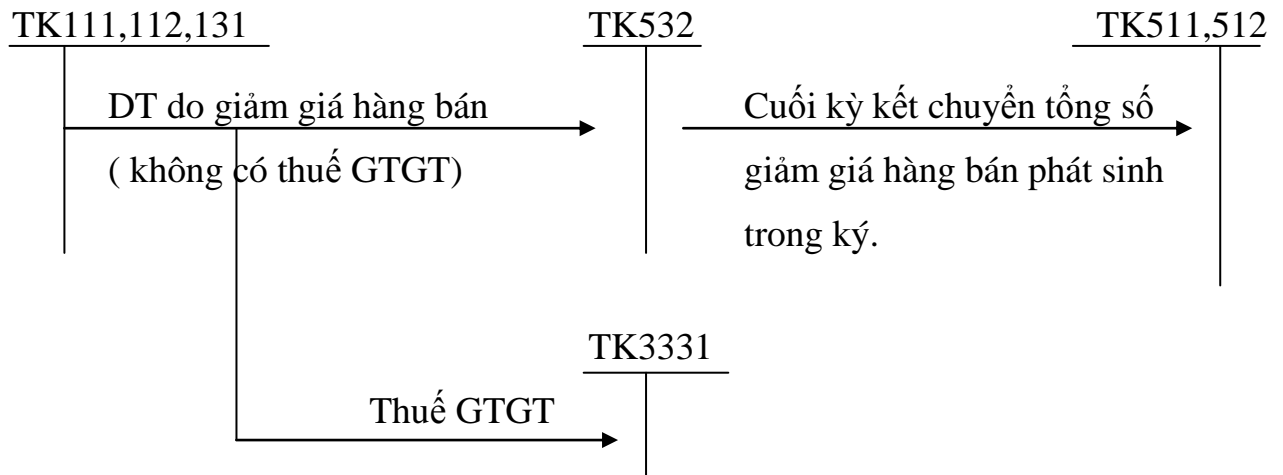
1.3.3.3 Giảm giá hàng bán – Tài khoản 532

- Tài khoản sử dụng
- Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán
- ✓ Kết cấu tài khoản 532

Nợ	TK 532	Có
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 512.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
TK 532 không có số dư cuối kỳ		

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.10: Kế toán tổng hợp giảm giá hàng bán



1.3.4 Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

1.3.4.1 Kế toán giá vốn hàng bán

- Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán : Gồm 4 phương pháp
 - Phương pháp tính theo giá đích danh: Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.
 - Phương pháp bình quân gia quyền: Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân}$$

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của HTK đầu kỳ} + \text{Giá mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Giá thực tế} = \text{Trị giá mua thực tế ghi trên hóa đơn} + \text{Chi phí thu mua} - \text{Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua được hưởng}$$

- Phương pháp nhập trước- xuất trước: Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

- Phương pháp Nhập sau – Xuất trước: Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập sau thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập đầu tiên.

➤ Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT, Hợp đồng kinh tế
- Báo cáo bán hàng, Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái và sổ chi tiết TK 632
- Bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

➤ Tài khoản sử dụng

➤ Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp(đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

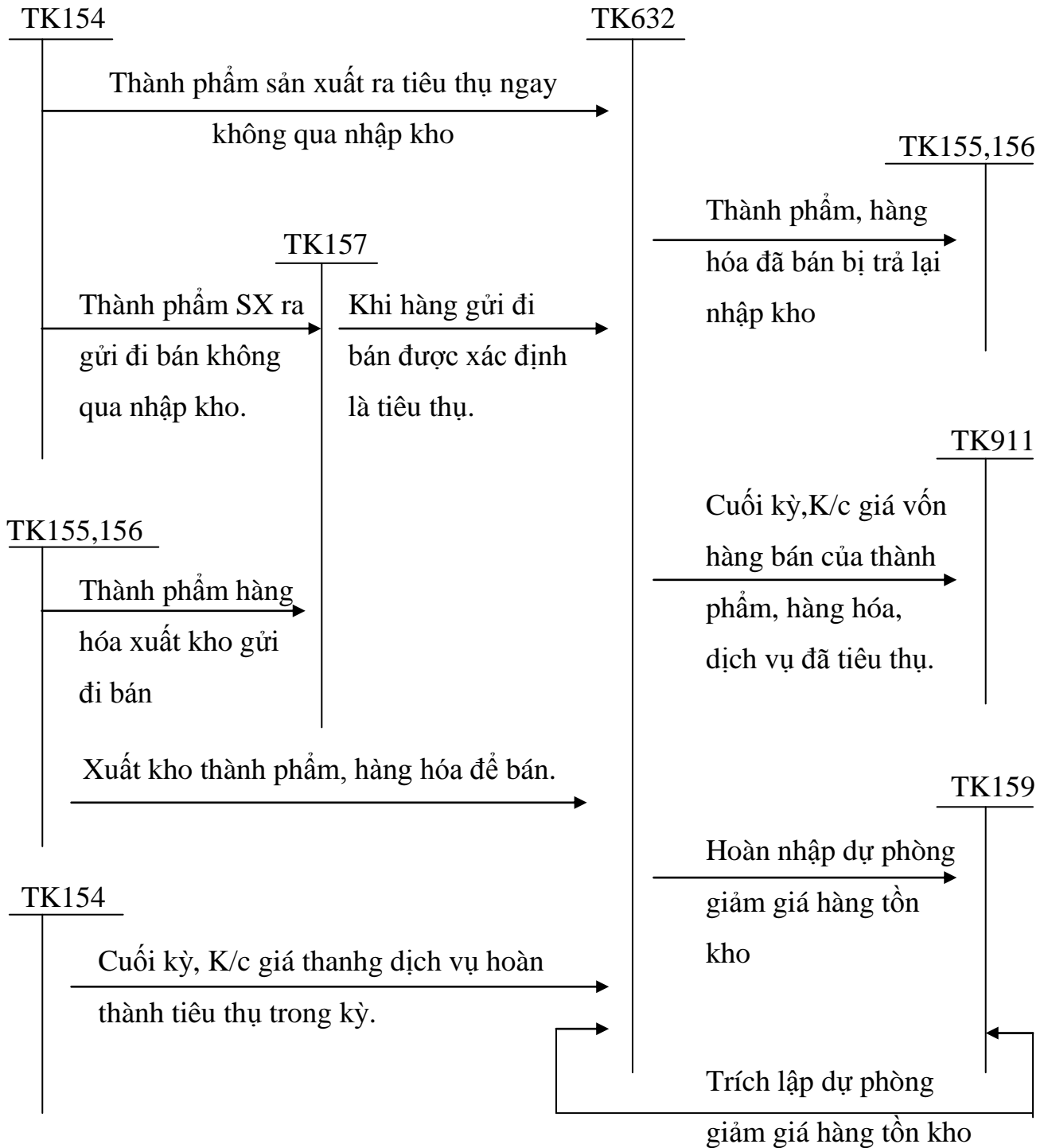
- Các tài khoản có liên quan: TK 155, TK156, TK631,...(đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

➤ Kết cấu tài khoản 632

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do tách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911. - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước) - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
TK 632 không có số dư cuối kỳ		

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.11: Kế toán giá vốn hàng bán
(theo phương pháp kê khai thường xuyên)



1.3.4.2 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ các loại sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và các quản lý chi phí chung khác có liên quan đến hoạt động của toàn doanh nghiệp.

➤ Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu – Công cụ dụng cụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng tính và phân bổ tiền lương
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái và sổ chi tiết TK641, TK642
- Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính

➤ Tài khoản sử dụng:

➤ Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

✓ Các tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

✓ Kết cấu TK 641

Nợ	TK 641	Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.		- K/c chi phí bán hàng vào TK911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
TK 641 không có số dư cuối kỳ		

➤ Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

✓ Các tài khoản cấp 2:

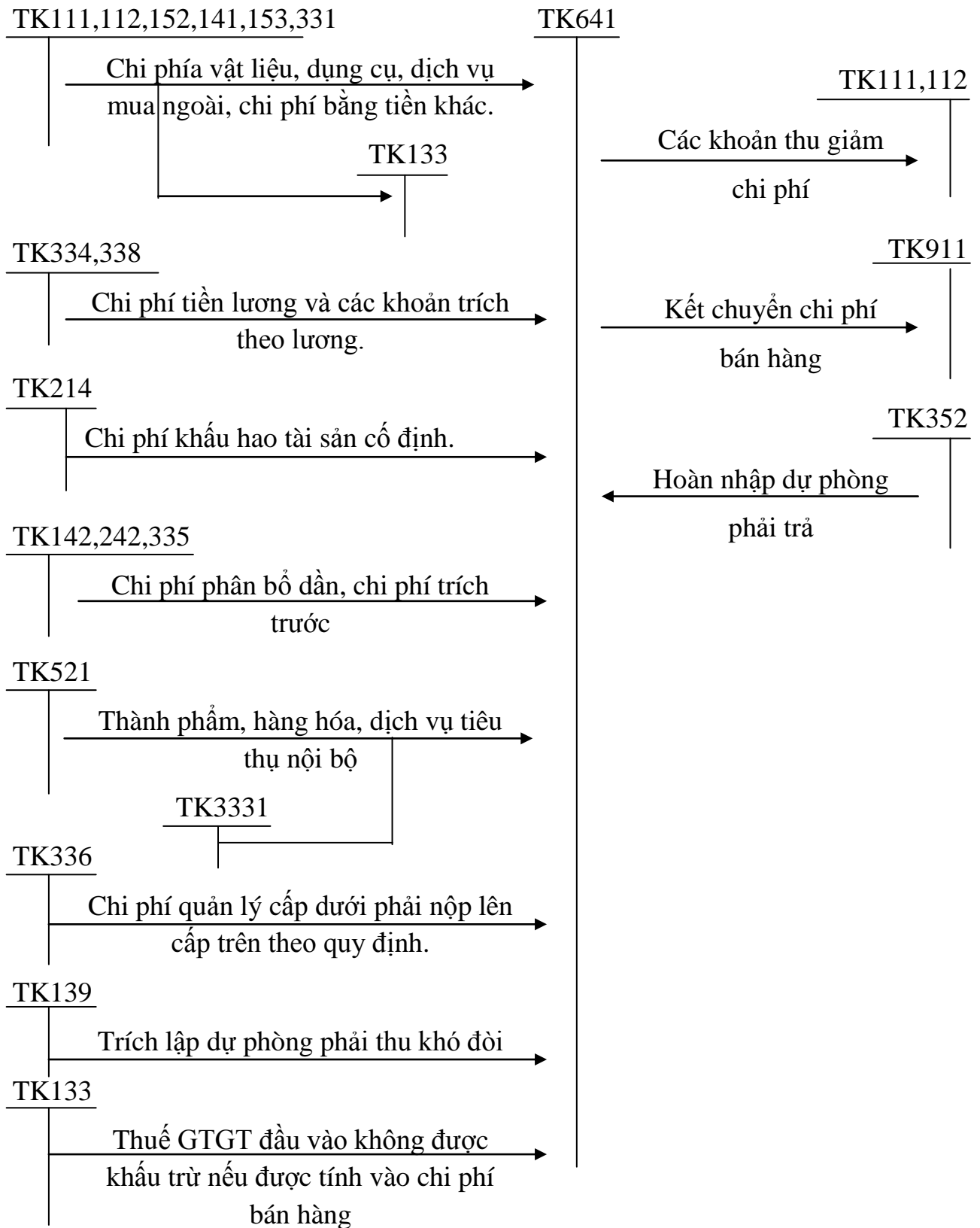
- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

✓ Kết cấu tài khoản 642:

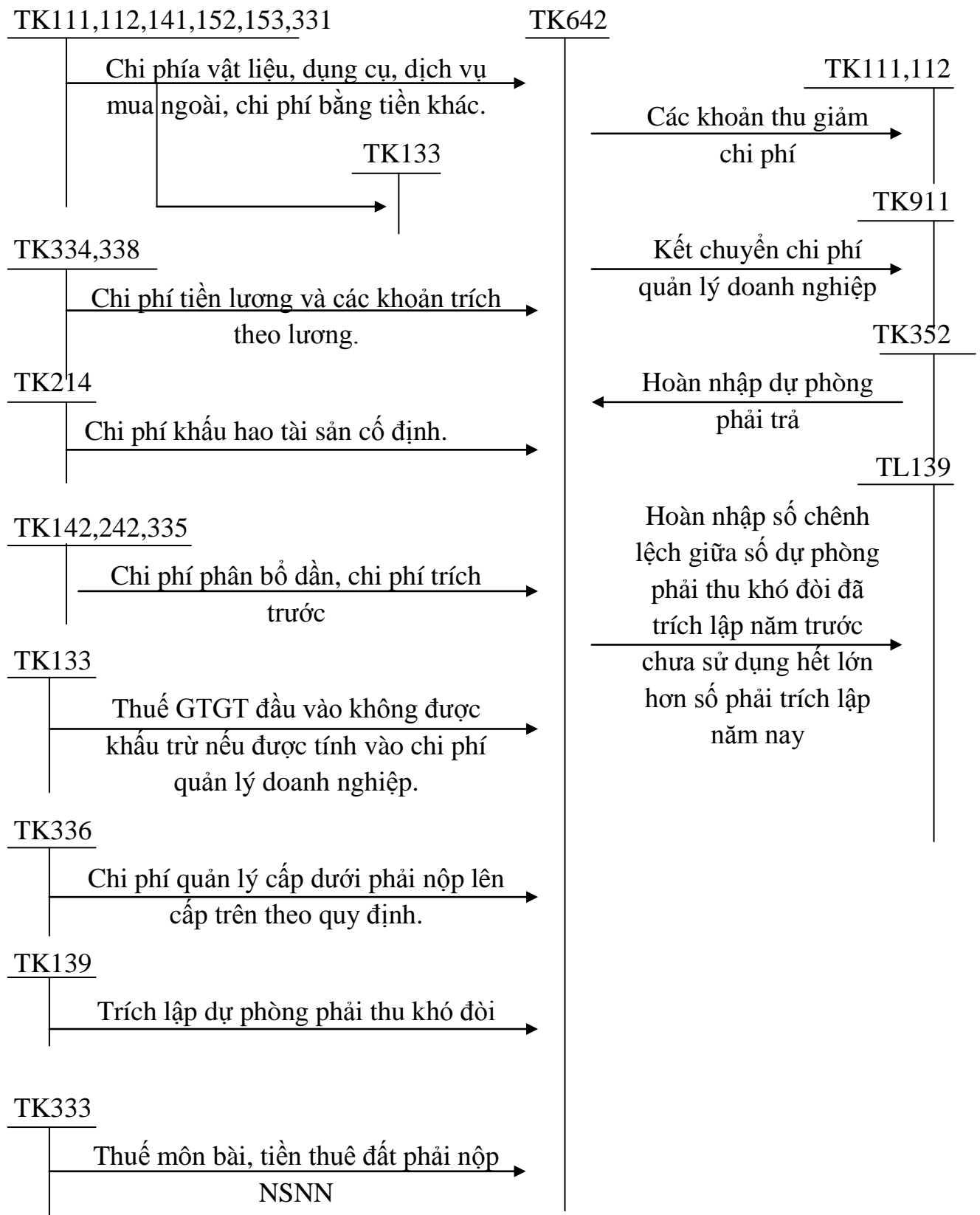
Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Trích lập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). Dự phòng trợ cấp mất việc.		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
TK 642 không có số dư cuối kỳ		

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.12: Kế toán chi phí bán hàng



Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.3.4.3 Kế toán chi phí tài chính

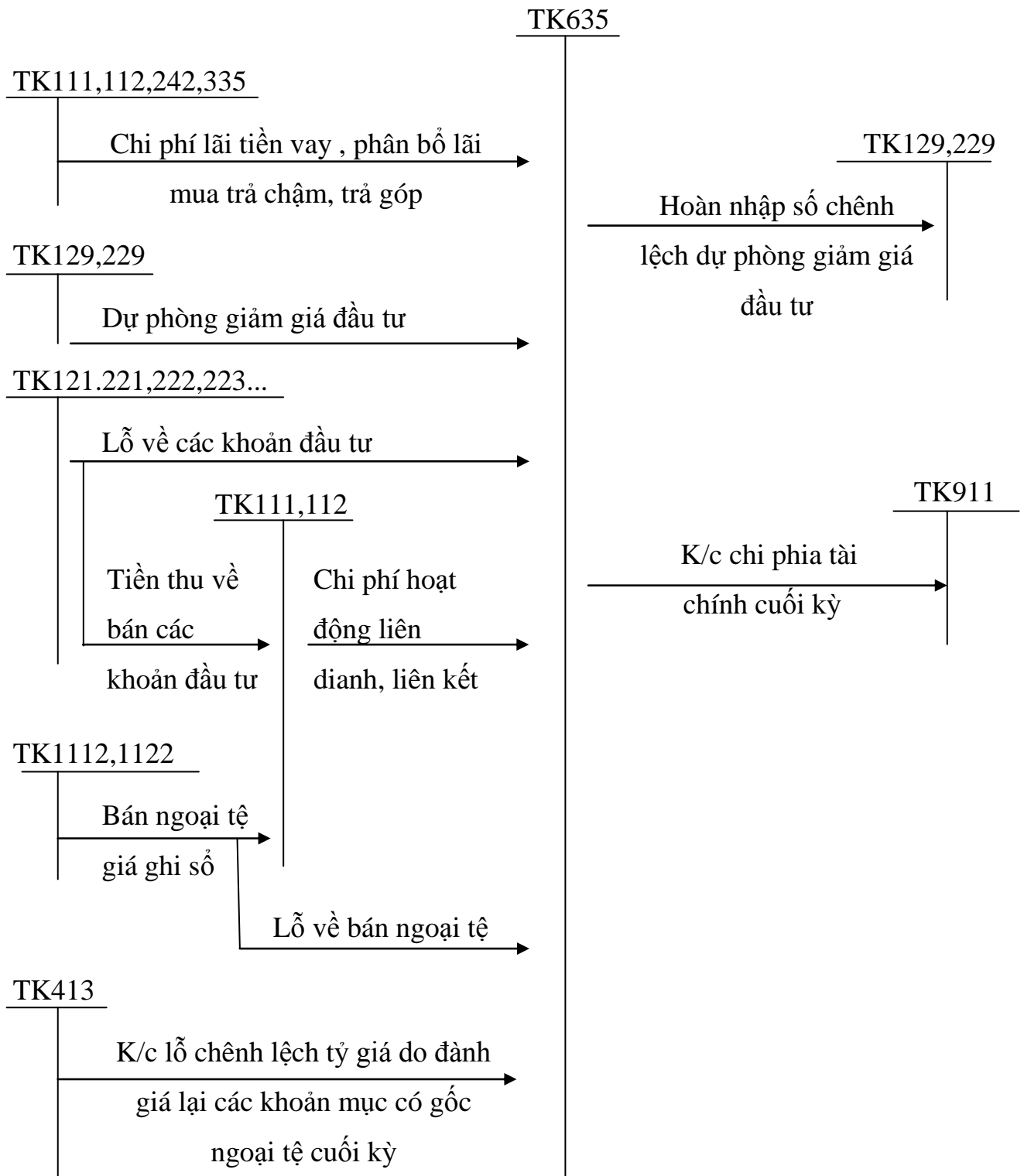
Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn...

- Chứng từ sổ sách sử dụng:
 - Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu kế toán
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái và sổ chi tiết TK 635
- Tài khoản sử dụng:
- Tài khoản 635 – Chi phí tài chính
- Kết cấu và nội dung TK 635:

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lãi tiền vay, Lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. - Lỗ bán ngoại tệ. - Chiết khấu thanh toán cho người mua. - Các khoản lỗ do nhượng bán, thanh lý các khoản đầu tư. - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh. - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết) - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
TK 635 không có số dư cuối kỳ		

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.14: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.3.4.4 Kế toán chi phí khác

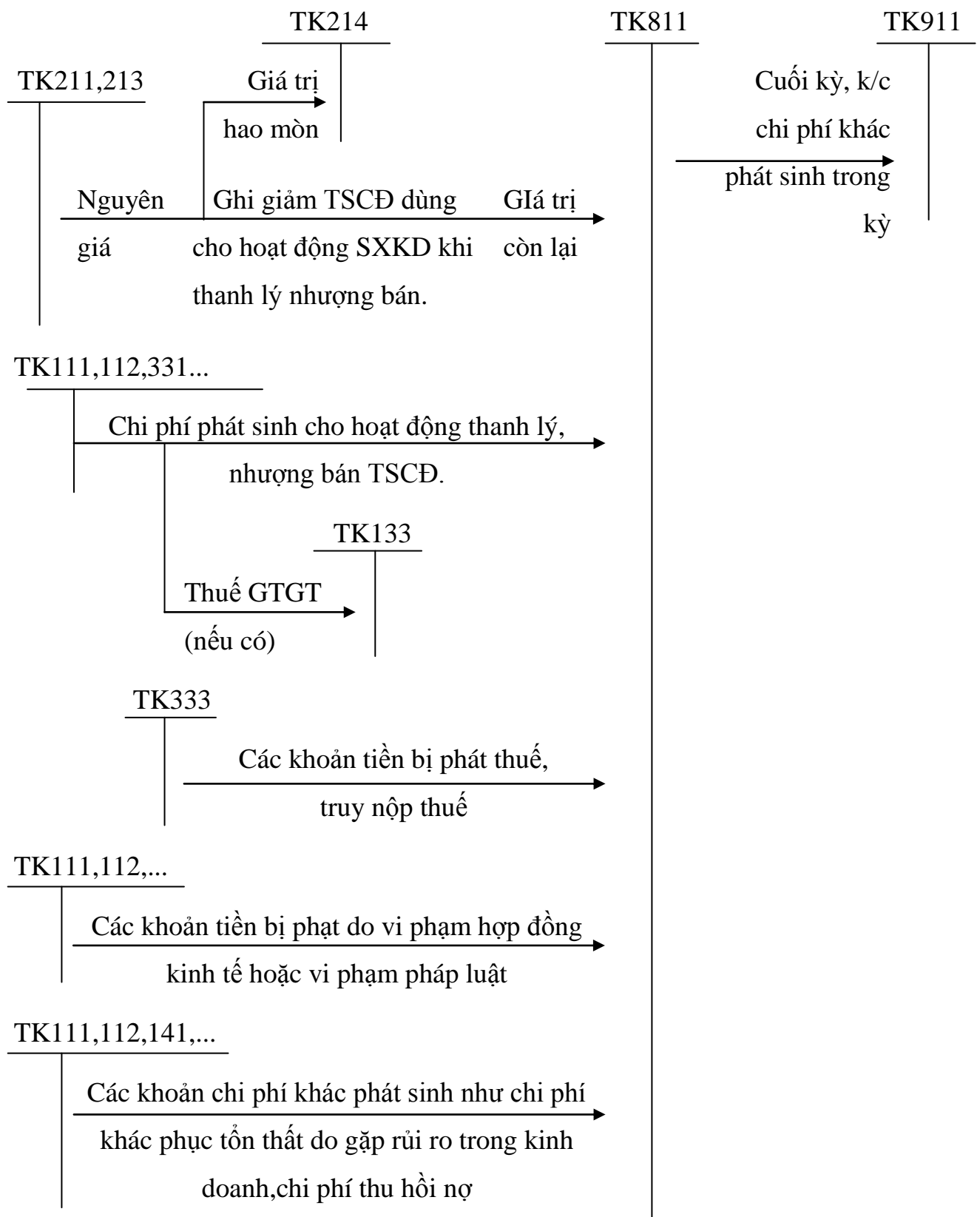
Chi phí khác là những khoản chi phí của hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- Chứng từ số sách sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT;
 - Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ
 - Phiếu kế toán
 - Sổ cái và sổ chi tiết TK 811
 - Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính;
 - Các chứng từ, sổ sách liên quan;
- Tài khoản sử dụng:
- Tài khoản 811 – Chi phí khác
- ✓ Kết cấu tài khoản 811

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ		

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.15: Kế toán chi phí khác



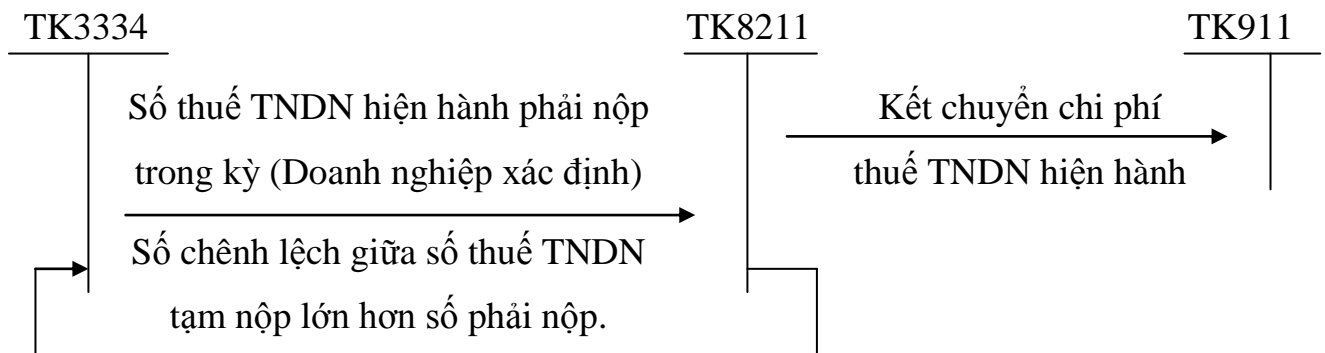
1.3.4.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chứng từ sổ sách sử dụng:
 - Phiếu kê toán;
 - Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái tài khoản 821
 - Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính
- Tài khoản sử dụng:
- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- ✓ Các tài khoản cấp 2
 - TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
 - TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
- ✓ Kết cấu và nội dung tài khoản 821

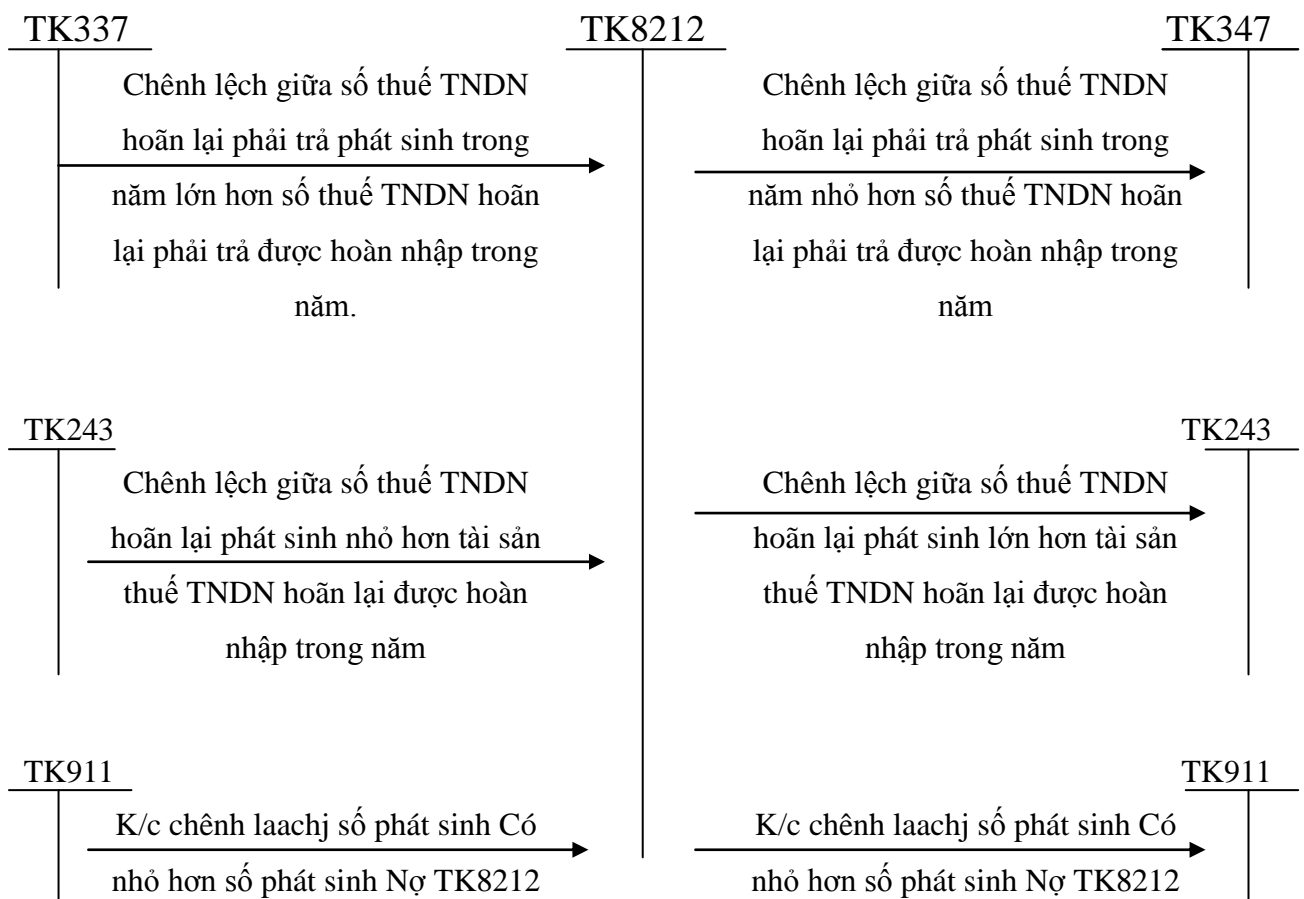
Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm. - Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại. - Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm). 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm. - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại. - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ		

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.16: Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



Sơ đồ 1.17: Kế toán thuế TNDN hoãn lại



1.3.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả doanh nghiệp đã đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí}$$

- Chứng từ, sổ sách sử dụng:
 - Phiếu kế toán.
 - Sổ cái TK 911 và TK 421;
 - Sổ nhật ký chung;
 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh;
 - Sổ chi tiết và sổ cái các tài khoản;
 - Báo cáo kết quả kinh doanh;
 - Các chứng, từ sổ sách liên quan;
- Tài khoản sử dụng:
- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- ✓ Kết cấu và nội dung của tài khoản 911

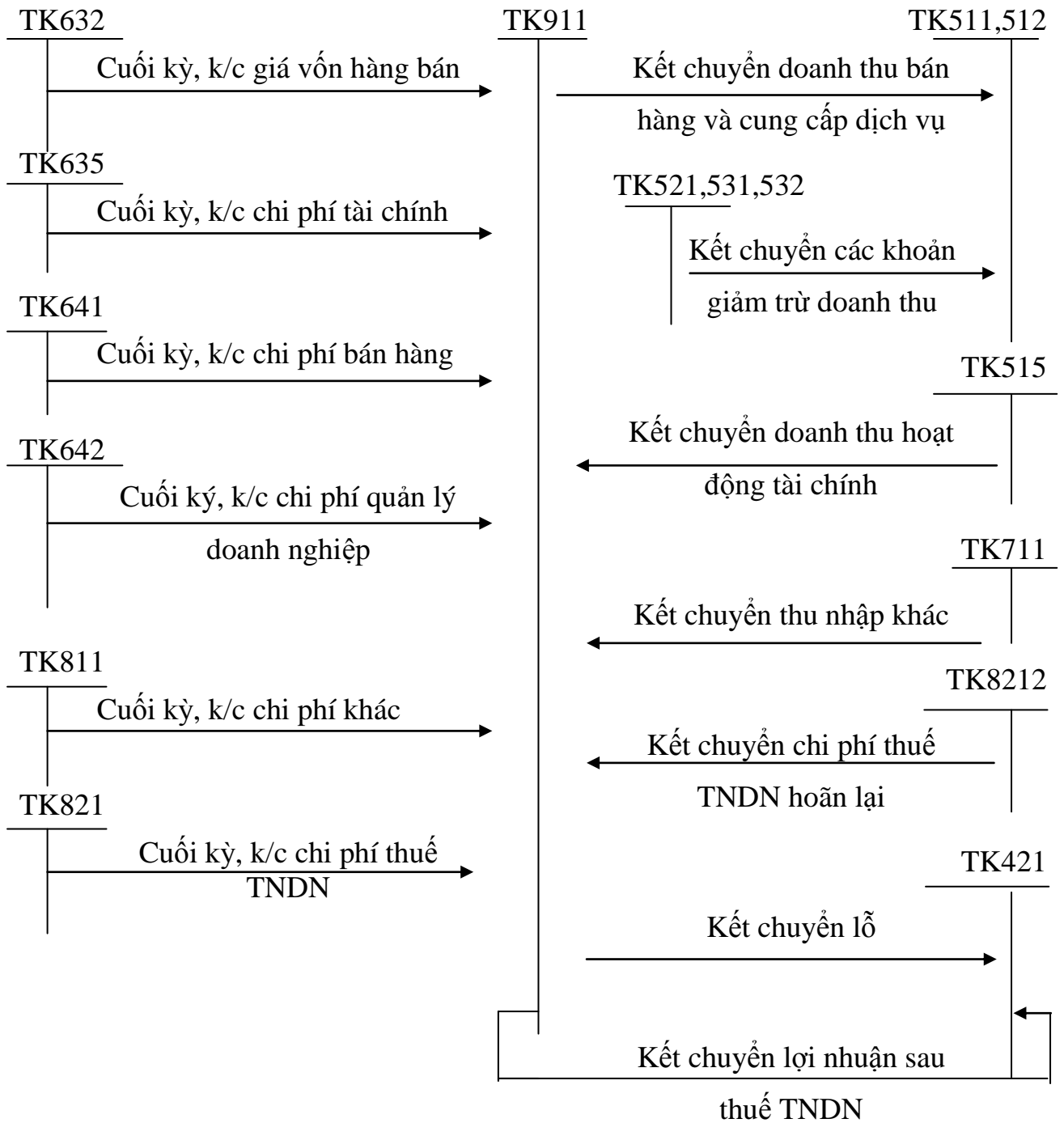
Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán ra trong kỳ. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN. - Kết chuyển lỗ. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ		

- Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối
- ✓ Kết cấu và nội dung TK 421

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. - Trích lập các quỹ của DN. - Chia cổ tức, chia lợi nhuận cho các cổ đông, các bên tham gia liên doanh... - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh. - Nộp lợi nhuận lên cấp trên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của Dn trong kỳ. - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên cấp trên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù. - Sử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý		Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.18: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM

2.1 Tổng quan về công ty TNHH May Thiên Nam

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH May Thiên Nam

2.1.1.1 Quá trình hình thành của công ty

Công ty TNHH may Thiên Nam được thành lập ngày 22/06/2004 theo giấy phép KD số 02000016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp. Với số vốn điều lệ là 10.000.000.000 VNĐ.

Tên giao dịch quốc tế của Công Ty: THIEN NAM GARMENT CO.,LTD

Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH

Địa chỉ :Km số 3 - Đ-ờng Phạm Văn Đồng - Ph-ờng Anh Dũng - Quận D-ơng Kinh - TP. Hải Phòng

Doanh nghiệp có t- cách pháp nhân, có con dấu riêng và mở tài khoản tại ngân hàng ACB theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Số tài khoản: 9706349 tại Ngân hàng Á Châu - Hải Phòng

Mã số thuế: 0200593607

Diện tích đất sử dụng: 24.628,40m²

Số điện thoại : 031.3581956

Số Fax : 031.3581703

Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất kinh doanh hàng may mặc tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Sản phẩm chủ yếu:

sơ mi nam, nữ

Thị trường:

Châu Âu, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc...

Năng lực sản xuất:

1.5 triệu sản phẩm/ năm

Số lao động:

610

Tổng số thiết bị:

580 (máy may công nghiệp)

Đối tác bạn hàng chính: Seidensticker, Itochu, Miles, HadeisgeseIchaft, JCPenney, Mangharam, Sinolanka, New M, Supereme, K- Mart, Target, MAST, Lifung, May, Resources, Mitsui, Senga, Primo....

Thương hiệu của may 10: Pharaon, Bigman, Chambray, Freeland, Cleopatre, PrettyWoman, Jackhot, Tennisus, May 10.

Thị trường EU: Pierre Cardin, Alain Delon, Seidensticker, Dornbush, Jacques Britt, Barrisan, Camel, Celio, Port Louis, Pattic Oconnor, Jactissot, Royal Class, Burton, Devred Ben Sherman, VanHeusen...

Thị trường Mỹ: VanHeusen, PerryEllis, Portfolio, Geofferey Beene, DKNY, Arrow, Security, Liz Claiborn, Izod, Foxeroft, Express, LernerNY, St, John Bay, Town Craft, Azirona, Gap, Old Navy, Tommy, Hifigher ...

Thị trường Nhật: Leo- Storm, Reputation, Hiroko, Koshio, Tak- Q.com, Tinroad, Aoyama...

Chính sách chất lượng của công ty:

Hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9000 – 2000.

Hệ thống quản lý môi trường: ISO 14000

2.1.1.2 Quá trình phát triển của công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tổng doanh thu	69.806	76.656	78.933,7
Tổng chi phí	67.232	74,030	76.178,8
Tổng lợi nhuận trước thuế	2.574	2.626	2.754,9
Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh	489,1	527	553
Tổng lợi nhuận sau thuế	2.084,9	2.098	2.201,6
Tổng số lao động Thu nhập bình quân	2,7	3,295	3.382

-Sản lượng sản xuất tăng qua từng năm. Cụ thể là năm 2010 đạt 1.667.175 sp, năm 2011 đạt 1.878.536 sp, năm 2012 đạt 1.934.353 sp.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất Kinh doanh, quy trình công nghệ.

Công ty TNHH May Thiên Nam là đơn vị hoạt động uy tín trong các lĩnh vực: Sản xuất hàng dệt may; Kinh doanh thương mại, vật tư, máy móc thiết bị ngành dệt may; Tiếp nhận đầu tư, xuất nhập khẩu uỷ thác; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá. Trong suốt quá trình hoạt động, Thiên Nam không ngừng nỗ lực thực hiện mục tiêu trở thành Công ty hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh hàng may mặc.

Với nhiều năm kinh nghiệm trong ngành dệt may, nhạy bén nắm bắt thị hiếu của thị trường, cùng với đội ngũ cán bộ công nhân viên được đào tạo thích hợp để có đủ trình độ và năng lực cần thiết hoàn thành công việc được giao, các sản phẩm dệt may của Công ty đưa ra đều được khách hàng đón nhận, tạo sức cạnh tranh trên thị trường. Song hành với đó, Thiên Nam còn đầu tư máy móc thiết bị hiện đại và áp dụng quy trình công nghệ tiên tiến, hệ thống chất lượng được cải tiến liên tục nhằm tạo lòng tin và thỏa mãn mong đợi của người tiêu dùng.

Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất hàng may mặc chủ yếu là áo sơ mi, quần soóc nam,...

Sản xuất và kinh doanh thùng Carton

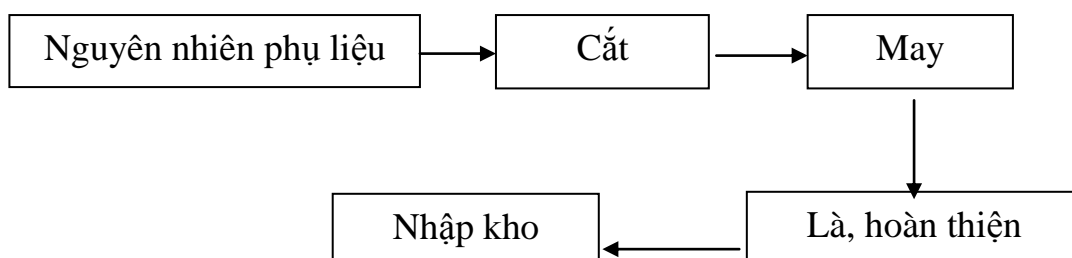
Kinh doanh thương mại vật tư máy móc, thiết bị ngành dệt may,...

Gia công hàng xuất khẩu

Tiếp nhận đầu tư xuất nhập khẩu uỷ thác, làm đại lý mua bán ký gửi hàng hóa.

Sản phẩm chủ yếu của công ty là áo sơ mi phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- **Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất:**



Từ nguyên nhiên phụ liệu chính là vải, qua công đoạn cắt, thêu (nếu có), căn cứ vào kế hoạch sản xuất đi hàng cấp phát bán thành phẩm sang từng chuyên may.

Sau khi may xong được chuyển qua bộ phận kiểm hoá kiểm tra chất lượng
→ May → KCS Công ty → Nhập là → Kiểm hoá là → Đóng gói → Nhập kho.

Những sản phẩm của công ty luôn đảm bảo chất lượng, tạo niềm tin, uy tín với khách hàng.

2.1.3 Khó khăn, thuận lợi, phương hướng sản xuất kinh doanh

**Thuận Lợi:* Do đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty là sản xuất hàng may mặc nên có những thuận lợi như: nguồn nhân lực trẻ, dồi dào, thị trường tiêu thụ trong nước rộng lớn (hơn 80 triệu dân), ngoài ra còn thị trường tiêu thụ tiềm năng tương đối lớn ở nước ngoài. Nguồn nguyên, nhiên liệu dồi dào, đa dạng. Đặc biệt khi Việt Nam ra nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành may mặc phát triển. Tại thị trường nội địa, tuy rằng hiện nay nền kinh tế đang gặp nhiều khó khăn, người dân thắt chặt chi tiêu nhưng công ty vẫn có mức tăng trưởng khá. Điều đó chứng tỏ sản phẩm của công ty đã có chỗ đứng vững chắc trong thị trường nội địa

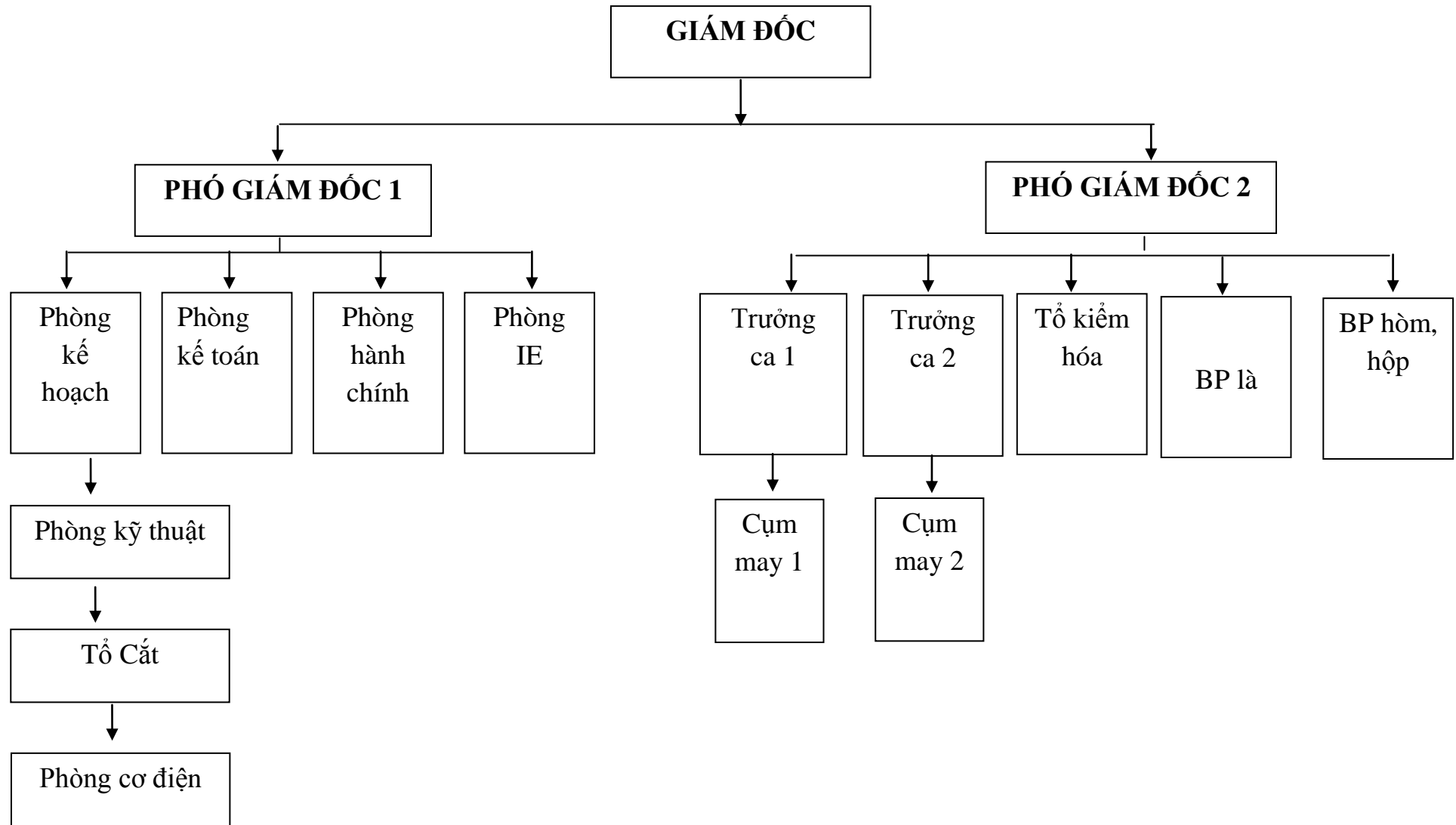
**Khó khăn:* Thời gian gần đây, công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn như: chi phí đầu vào như nguyên, nhiên, phụ liệu, từ điện, xăng dầu, bao nilon, chỉ... đều tăng cao dẫn đến chi phí sản xuất tăng, giá thành tăng. Thị trường cạnh tranh mạnh mẽ. Yêu cầu về mẫu mã, chất lượng, tính năng của sản phẩm ngày càng cao.

Công ty chuyên sản xuất hàng gia công xuất khẩu nên cường độ và thời gian lao động cao, áp lực công việc lớn, trình độ chuyên môn còn hạn chế.

Và khó khăn nữa là sự biến động lao động trong ngành may rất lớn đặc biệt là ở Hải Phòng.

2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh của công ty TNHH may Thiên Nam.

- Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý:



- **Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận:**

Giám đốc công ty : Nguyễn Thị Thiên Lý

Nhiệm vụ: Chịu trách nhiệm chỉ đạo chung và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, xây dựng chiến lược kế hoạch, chiến lược cho công ty phát triển.

Phó giám đốc 1 : Phạm Anh Phương

Chịu sự quản lý của giám đốc, thay mặt giám đốc kiểm soát toàn bộ hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm toàn bộ kế hoạch được đề ra, thường xuyên báo cáo với giám đốc về công việc mà mình đảm nhiệm.

Phó giám đốc 2: Trần Thị Minh Phương

Trực tiếp điều hành sản xuất, quản lý sử dụng lao động, kỹ thuật, vật tư thiết bị, kiểm tra chất lượng sản phẩm, an toàn lao động...Chịu trách nhiệm những phần công việc được phân công trước giám đốc xí nghiệp và công ty. Thường xuyên báo cáo với giám đốc về các công việc mình được phân công phụ trách.

Phòng kế hoạch

Có chức năng tham mưu giúp giám đốc công ty trong lĩnh vực quản lý kinh tế, hợp đồng kinh tế, kế hoạch sản xuất, thiết bị thi công, cung ứng vật tư, tổ chức hệ thống quản lý kho tàng của công ty.

Phòng hành chính

Có chức năng tham mưu cho giám đốc công ty trong lĩnh vực quản lý nhân sự, Sắp xếp, cải tiến tổ chức quản lý, bồi dưỡng, đào tạo và tuyển dụng lao động. Thực hiện chức năng lao động tiền lương và quản lý hành chính văn phòng của công ty.

Phòng kế toán

Chịu trách nhiệm về công tác tài chính kế toán, đảm bảo phản ánh kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Chức năng kiểm tra, giám sát công tác tài chính kế toán của đơn vị trực thuộc, đảm bảo chấp hành đúng quy chế tài chính của công ty và pháp lệnh kế toán thống kê.

Phòng IE

Chịu sự quản lý của phó giám đốc 1, làm nhiệm vụ nghiên cứu, cải tiến các thao tác, tổ chức thiết bị sản xuất,...tại công ty.

Ngoài ra còn có các tổ cắt, là, cụm may 1, cụm may 2, kiểm hóa,...chịu tách nhiệm trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm của công ty.

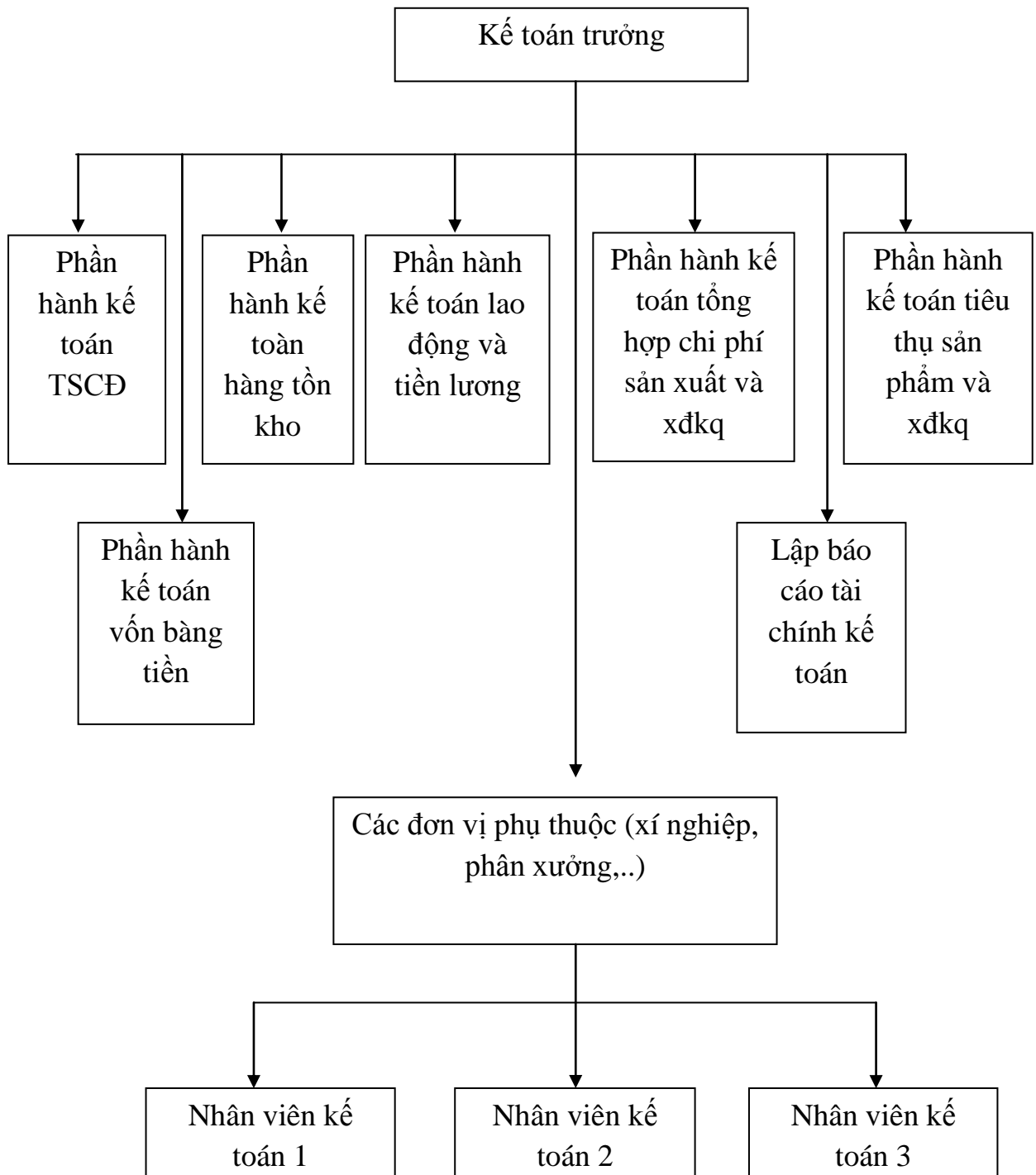
Công ty TNHH May Thiên Nam là công ty mới thành lập, cơ cấu tổ chức của công ty tinh giản, gọn nhẹ,. Các quyền hạn, trách nhiệm của các phòng ban được phân định rõ ràng. Điều đó có thể giúp họ phát huy được sự năng động sáng tạo của mình góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

2.1.5 Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH May Thiên Nam.

2.1.5.1 Tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH May Thiên Nam

Công ty TNHH May Thiên Nam tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kinh tế liên quan đến toàn công ty, thực hiện mọi công tác kế toán, nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

• **Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán**



• **Kế toán trưởng:**

Là người đứng đầu bộ máy kế toán, có nghĩa vụ phụ trách hướng dẫn các kế toán viên thực hiện đúng nhiệm vụ của mình đồng thời giúp cho giám đốc tổ chức lãnh đạo thực hiện công tác thống kê.

- **Phần hành kế toán vốn bằng tiền:**

Vốn bằng tiền là tài sản của doanh nghiệp tồn tại dưới hình thái tiền tệ. Quy mô vốn bằng tiền phản ánh khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp và một bộ phận của vốn lưu động. Hạch toán vốn bằng tiền phải tuân thủ các nguyên tắc, chế độ quản lý khoa học với các nhiệm vụ sau:

Hàng ngày phản ánh tình hình thu chi và tồn quỹ tiền mặt. Thường xuyên đối chiếu tiền mặt tồn quỹ thức tế với sổ sách, phát hiện và xử lý kịp thời sai sót trong việc quản lý và sử dụng tiền mặt.

Phản ánh tình hình tăng giảm và số dư tiền gửi ngân hàng hàng ngày, giám sát việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

Phản ánh các khoản tiền đang chyen, kịp thời phát hiện nguyên nhân làm cho tiền đang chyen bị ách tắc để doanh nghiệp có biện pháp thích hợp, giải phóng nhanh tiền đang chyen kịp thời.

- **Phần hành kế toán TSCĐ:**

TSCĐ là cơ sở vật chất chủ yếu của doanh nghiệp ảnh hưởng tới năng suất lao động và chất lượng sản phẩm giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển. Nhiệm vụ hạch toán TSCĐ:

Ghi chép, phản ánh tổng hợp chính xác, kịp thời số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm và hiện trạng của TSCĐ trong phạm vi doanh nghiệp cũng như từng bộ phận sử dụng TSCĐ, tạo điều kiện cung cấp các thông tin để kiểm tra, giám sát thường xuyên việc giữ gìn, bảo quản, bảo dưỡng TSCĐ và kế hoạch đầu tư đổi mới TSCĐ trong từng doanh nghiệp.

Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của TSCĐ.

Tham gia lập kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ, tập hợp chính xác và phân bổ hợp lý chi phí sửa chữa TSCĐ vào chi phí kinh doanh.

- **Phần hành kế toán hàng tồn kho:**

Ghi chép tính toán phản ánh trung thực kịp thời số lượng, chất lượng và giá thành thực tế của nguyên nhiên phụ liệu, CCDC, thành phẩm nhập kho.

Tập hợp và phản ánh đầy đủ chính xác kịp thời số lượng và giá trị nguyên nhiên phụ liệu, CCDC xuất kho, kiểm tra tình hình chấp hành các định mức tiêu hao.

Phân bổ hợp lý giá trị nguyên nhiên phụ liệu, CCDC vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Hạch toán chi tiết hàng tồn kho phải được thực hiện theo từng kho, từng loại, từng nhóm.

Tính toán phản ánh chính xác số lượng giá trị tồn kho, phát hiện kịp thời thừa thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất để có biện pháp xử lý kịp thời.

- **Phần hành kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:**

Tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu về số lượng lao động, thời gian, kết quả lao động, tính lương và trích các khoản theo lương, phân bổ chi phí nhân công theo đúng đối tượng sử dụng lao động.

Hạch toán lao động tiền lương theo đúng chế độ phương pháp.

Theo dõi tình hình thanh toán tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp, trợ cấp cho người lao động.

- **Phần hành kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:**

Tập hợp chi phí sản xuất phải được tiến hành theo một trình tự hợp lý, khoa học để có thể tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, kịp thời.

Tập hợp các chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng hạch toán. Phân bổ chi phí hợp lý cho từng sản phẩm có liên quan.

Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, xác định ra tổng giá thành và giá thành sản phẩm đơn vị.

- **Phần hành kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng:**

Phản ánh chính xác tình hình xuất bán thành phẩm, tính chính xác các khoản bị giảm trừ và thanh toán với ngân sách các khoản thuế phải nộp.

Tính toán chính xác các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm. Quá trình quản lý doanh nghiệp, quá trình hoạt động tài chính,..

Xác định kết quả tiêu thụ sản phẩm, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1.5.2 Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại công ty TNHH May Thiên Nam

- **Các chế độ và sổ sách kế toán được áp dụng tại công ty:**

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Hình thức kế toán áp dụng: là hình thức Nhật ký chung

Niên độ kế toán ở công ty là 1 năm, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc là ngày 31/12 hàng năm.

Phương pháp kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Công ty tính trị giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

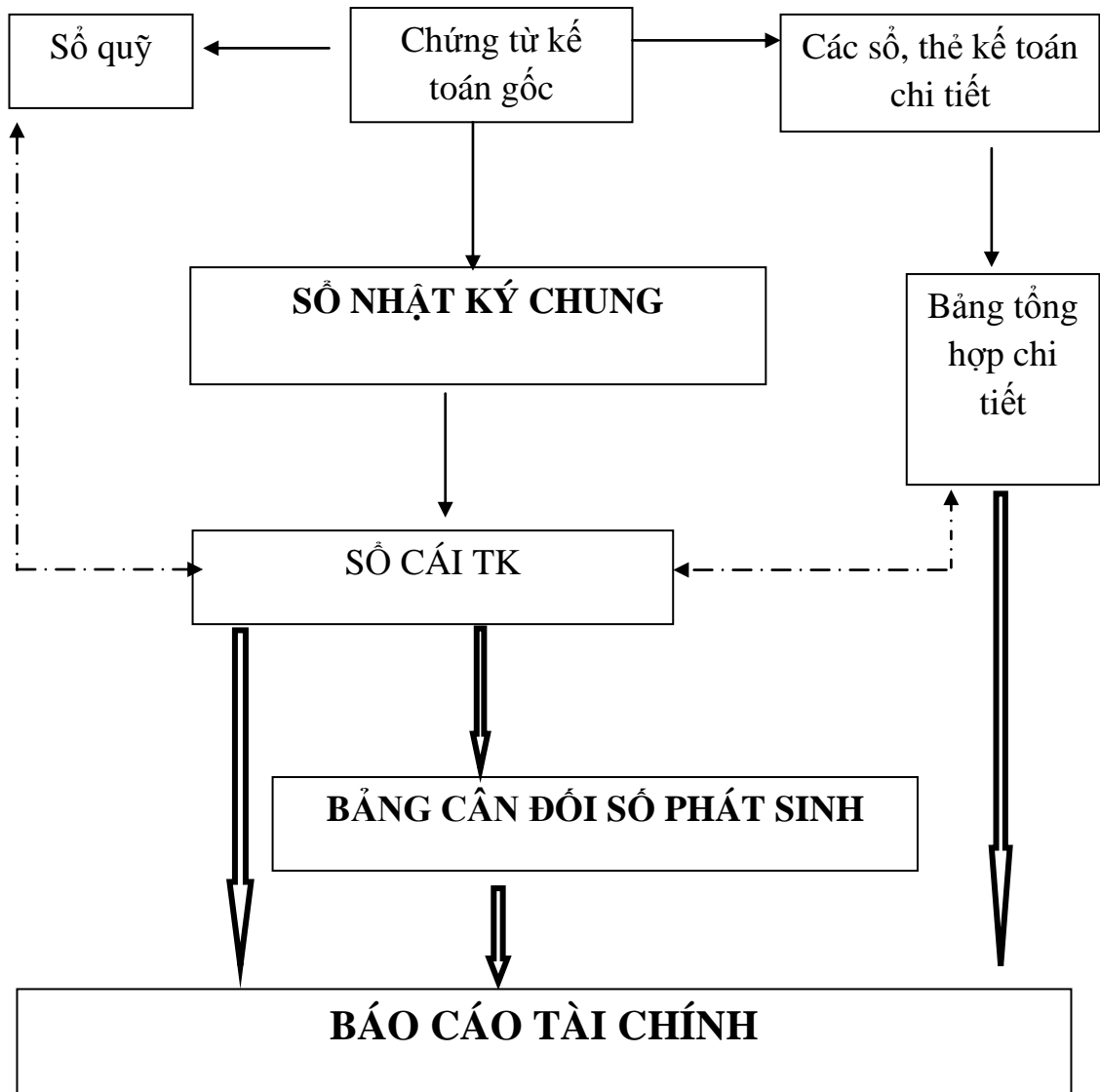
Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Phương pháp đường thẳng.

Đơn vị tiền tệ dùng trong ghi chép kế toán là VNĐ. Nếu có phát sinh các ngoại tệ thì ngoại tệ đó sẽ được quy đổi ra đồng VNĐ theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng hà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bảng cân đối tài khoản.

- Sơ đồ 2.4: Sơ đồ luân chuyển chứng từ tại công ty TNHH may Thiên Nam



Chú thích:

- Ghi hàng ngày:
- Ghi hàng tháng:
- Đối chiếu kiểm tra:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán, kế toán tiến hành ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật Ký Chung, đồng thời kế toán cũng tiến hành ghi vào sổ chi tiết có liên quan sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để tiến hành ghi vào sổ cái.

Cuối năm, căn cứ vào số liệu ghi trên sổ cái, kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng giữa số liệu sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết được lập kế toán tiến hành lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung đó là: Tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH May Thiên Nam.

2.2.1 Kế toán doanh thu tại công ty TNHH may Thiên Nam

Trong năm 2012, kế toán doanh thu của công ty TNHH may Thiên Nam có phát sinh doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu thu nhập khác, không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu

2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty trong năm chủ yếu là doanh thu từ bán gia công hàng xuất khẩu, bán thùng Carton và doanh thu bán hàng nội bộ. Trong đó doanh thu bán gia công hàng xuất khẩu là công ty nhận gia công theo từng đơn hàng do khách hàng và các đối tác nước ngoài đặt.

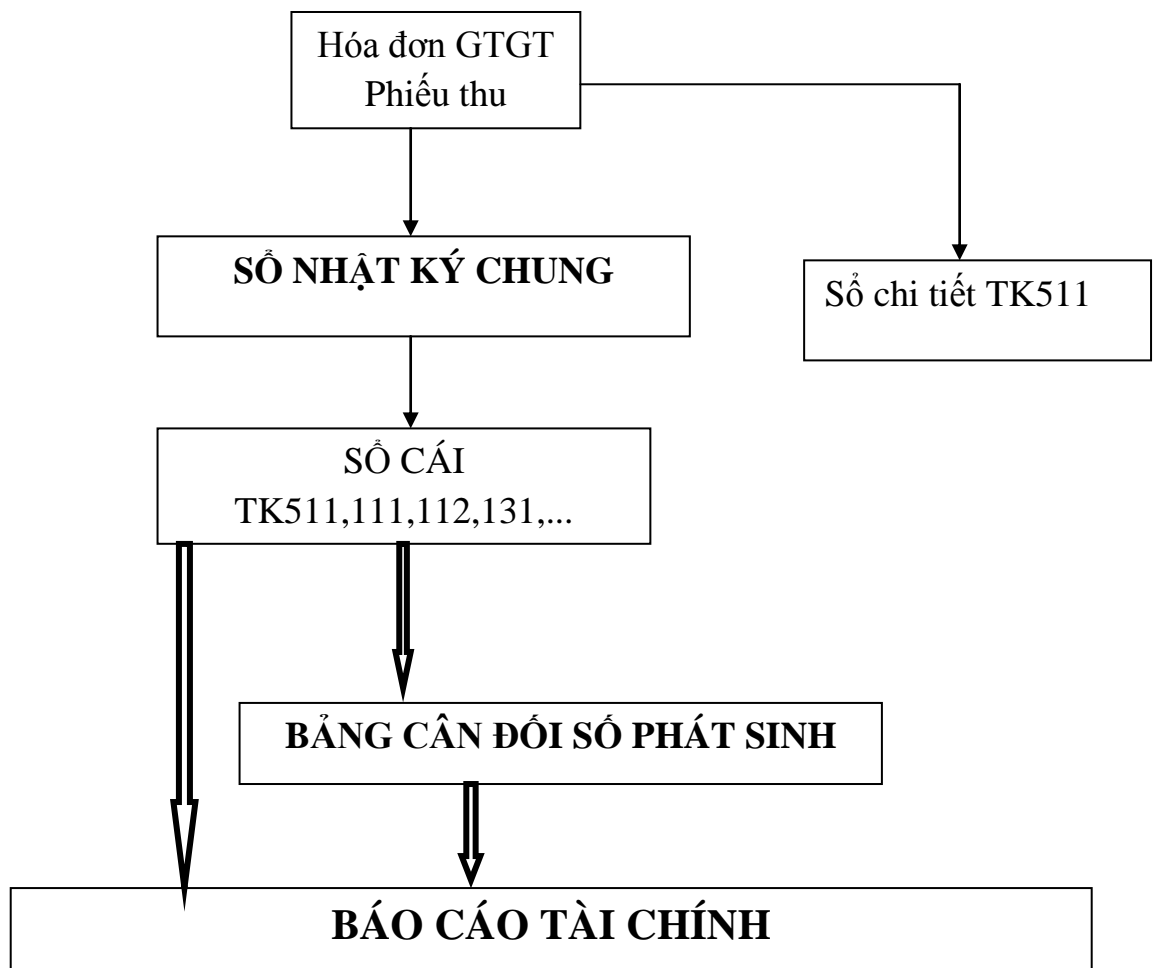
➤ Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế, Đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái và sổ chi tiết TK511
- Các chứng từ và sách liên quan khác

➤ Tài khoản sử dụng:

- ✓ TK 511 : Doanh thu bán hàng
- ✓ Tài khoản cấp 2:
 - TK 5111: Doanh thu May 10
 - TK 5113: Doanh thu bán hàng nội bộ
 - TK 5114: Doanh thu bán gia công hàng xuất khẩu
 - TK 5118: Doanh thu khác
 - TK 5119: Doanh thu bán thùng Carton

- ✓ Phương thức bán hàng của công ty là bán hàng trực tiếp.
- ✓ Hình thức thanh toán
 - Bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt. Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.
 - Chuyển khoản. Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người này sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng.
 - Thanh toán chậm: Phương thức này áp dụng cho khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp.
- Phương pháp hạch toán:
 - **Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng**



Chú thích:

- Ghi hàng ngày: →
- Ghi hàng tháng →
- Đối chiếu kiểm tra: ↔

VD 1: Ngày 03/12/2012, Công ty gia công áo sơ mi SEL-836573 cho công ty Seidensticker International Limtied số tiền 630.109.112 đồng khách hàng chưa thanh toán.

Kế toán lập hóa đơn xuất khẩu số 000126 (Biểu số 01), Căn cứ vào hóa đơn xuất khẩu, kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 02) và đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK5114 (Biểu số 03), Sau đó căn cứ trên số liệu sổ Nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK511 (Biểu số 04)

Cuối kỳ ,đối chiếu sổ cái với sổ chi tiết TK511, kế toán vào bảng cân đối số phát sinh và lập báo cáo tài chính.

Biểu số 01: Hóa đơn xuất khẩu số 000126

HÓA ĐƠN XUẤT KHẨU		Mẫu số 06 HĐ XK 3/001			
Liên 2: Giao cho người mua (to buyer)		KH: AA/12P			
Ngày 03 tháng 12 năm 2012		Số: 000126			
Đơn vị xuất khẩu: Công ty TNHH may Thiên Nam					
Địa chỉ: Phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, Hải Phòng					
Số tài khoản: 109.215.33723.01.9					
Số điện thoại: 031.3581956		MST:			
Đơn vị nhập khẩu (Unit import): Seidensticker International Limtied					
Mã số thuế (Tax code):					
Địa chỉ (Address) :					
Số TK (Account No):.....Ngân hàng(Bank):					
Hình thức thanh toán(Payment Te):					
Số hợp đồng (Contracts number):		Ngày hợp đồng(Contracts Date):			
Địa điểm giao hàng (Locaint):					
Địa điểm nhận hàng (Locaint Returns):					
Số vận đơn (B/L Number):					
Đơn vị vận chuyển (Transport Unit):					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
					USD
01	Áo sơ mi SEL- 836573	Chiếc	10 195	2.97	30 279.15
	(Tỷ giá 1USSD = 20810VNĐ)				
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand Total)					30 279.15
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba mươi ngàn hai trăm bảy mươi chín đô la Mỹ một trăm lăm mươi cent.</i>					
Người mua hàng/ Buyer		Người bán hàng/ Seller		Thủ trưởng đơn vị/Director	
(ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(ký,đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2: Tích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH may Thiên Nam
 Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

Mẫu số S03a – DN
 (Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
...
03/12	HĐ000126	Hạch toán doanh thu gia công áo sơ mi SEL- 836573			
		Phải thu khách hàng	1311	630.109.112	
		Doanh thu bán gia công hàng XK	5114		630.109.112
...
15/12	HĐ000131	Hạch toán doanh thu bán áo sơ mi			
		Phải thu khách hàng may mặc	1311	65.232.321	
		Doanh thu bán hàng nội địa	5113		59.302.110
		Thuế GTGT đầu ra	3331		5.930.211
...
27/12	HĐ000136	Hạch toán doanh thu gia công áo sơ mi SOL- 151211			
		Thu tiền của khách hàng	1121	462.195.046	
		Doanh thu bán gia công hàng XK	5114		462.195.046
...
30/12	HĐ000139	Hạch toán DT bán thùng Carton			
		Phải thu khách hàng bao bì	1312	12.670.429	
		Doanh thu bán thùng Carton	5119		11.518.572
		Thuế GTGT đầu ra	3331		1.151.857
...
		Cộng phát sinh		613.718.096 .387	613.718.096. 387

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 03: Trích sổ chi tiết TK 511

Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số S38 – DN

Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

(Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 5114 – Doanh thu bán gia công hàng xuất khẩu

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ:		–	–
		Số phát sinh:			
...
03/12	HĐ000126	Hạch toán doanh thu gia công áo sơ mi SEL- 836573	1311		630.109.112
10/12	HĐ000129	Hạch toán doanh thu gia công áo sơ mi SEL- 836626	1121		223.166.199
27/12	HĐ000136	Hạch toán doanh thu gia công áo sơ mi SOL- 151211	1121		462.195.046
...
30/12	PKT09/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng gia công 511->9111	911	73.831.275.010	
		Cộng phát sinh		73.831.275.010	73.831.275.010
		Số dư cuối kỳ:		–	–

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 04: Trích sổ cái TK 511

Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số S03b – DN

Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

(Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ:		–	–
...
03/12	HĐ000126	Hạch toán doanh thu gia công áo sơ mi SEL- 836573	1311		630.109.112
...
15/12	HĐ000131	Hạch toán doanh thu bán áo sơ mi cho khách hàng may mặc	1311		59.302.110
...
27/12	HĐ000136	Hạch toán doanh thu gia công áo sơ mi SOL- 151211	1121		462.195.046
...
30/12	HĐ000139	Hạch toán DT bán thùng Carton	1312		11.518.572
...
30/12	PKT09/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng 511->9111	911	78.623.350.736	
		Cộng phát sinh		78.623.350.736	78.623.350.736
		Dư cuối kỳ:		–	–

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

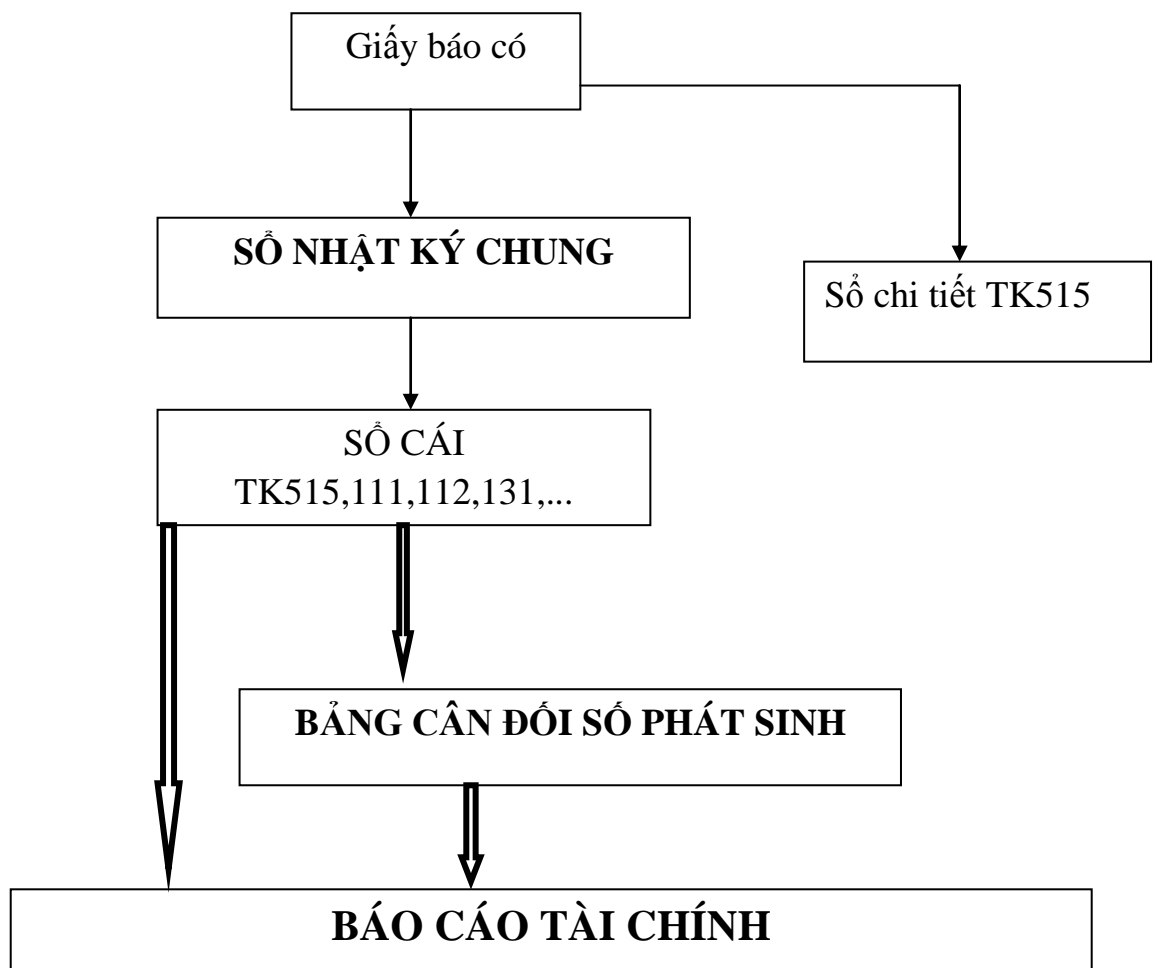
Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

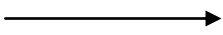
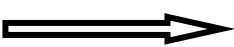
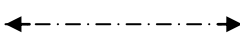
2.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Kế toán doanh thu hoạt động tài chính của công ty là lãi tiền gửi ngân hàng. Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của DN.

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu chi
 - Giấy báo có
 - Các chứng từ và sổ sách liên quan
- Tài khoản sử dụng
 - ✓ Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính
 - ✓ Các tài khoản cấp 2:
 - TK5151 : Doanh thu lãi tiền gửi
 - TK5152 : Doanh thu chênh lệch tỷ giá
- Phương pháp hạch toán
- **Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính**



Chú thích:

Ghi hàng ngày: 
 Ghi hàng tháng 
 Đối chiếu kiểm tra 

VD 2: Ngày 31/12/2012, Công ty nhận được lãi tiền gửi nhân hàng tháng 12/2012 của ngân hàng ACB chi nhánh Hải Phòng, số tiền 6.779.396 VNĐ.

Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng (Biểu số 05), Kế toán ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 06), đồng thời kế toán ghi sổ chi tiết TK 5151(Biểu số 07), Từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK515 (Biểu số 08)

Biểu số 05: Giấy báo có

Ngân hàng ACB
 Chi nhánh: ACB/CN Hải Phòng

Mẫu số 01GTKT 2/004
 Ký hiệu: AA/12T
 Số 160110094916233.000001

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tên khách hàng: Công ty TNHH may Thiên Nam Số TK: 109.21533723.01.9
 Địa chỉ: Anh Dũng, - Dương Kinh- Hải Phòng Loại tiền: VNĐ
 Mã số thuế của khách hàng: 0200593607 Loại TK: Tiền gửi thanh toán

Số bút toán hạch toán: 10921533723.01.9 – 20111031

Số ID khách hàng: 21533723

Thông báo với khách hàng:

Chúng tôi đã ghi có vào tài khoản của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền như sau:

Nội dung	Số tiền
Trả lãi tiền gửi	6.779.396,00
Tổng số tiền:	6.779.396,00

Số tiền viết bằng chữ: *Sáu triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng chẵn./.*

Trích yếu: Trả lãi số dư trên tài khoản trong tháng 12 năm 2012

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu số 06: Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH may Thiên Nam
Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
...
01/12	PC54	Trần Minh nộp tiền vào tài khoản ngân hàng ACB	1121	50.000.000	
			111		50.000.000
01/12	GBN521	Phí quản lý tài khoản			
		Chi phí khác	6428	18.000	
		Tiền VN- Ngân hàng Sacombank	1121		18.000
...
07/12	GBN529	Thanh toán tiền giấy			
		Phải trả người bán	311	103.721.550	
		Tiền VN- Ngân hàng ACB	1121		103.721.550
...
31/12	GBC223	Lãi tiền gửi tháng 11/2012			
		Tiền VN gửi ngân hàng ACB	1121	6.779.396	
		Doanh thu lãi tiền gửi	5151		6.779.396
31/12	GBC225	Lãi nhập vốn			
		Tiền VN- ngân hàng Sacombank	1121	4.161.625	
		Doanh thu lãi tiền gửi	5151		4.161.625
...
		Cộng phát sinh		613.718.096.387	613.718.096.387

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 07: Trích sổ chi tiết TK 5151

Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số S38 – DN

Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

(Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 5151 – Doanh thu lãi tiền gửi

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ:		–	–
		Số phát sinh:			
...
GBC223	Ngân hàng ACB chi nhánh Hải Phòng	Lãi tiền gửi tháng 12/2012	1121		6.779.396
GBC224	Ngân hàng Techcombank	Lãi tiền gửi tháng 12/2012	1121		4.020.857
GBC225	Ngân hàng Sacombank	Lãi tiền gửi tháng 12/2012	1121		4.161.625
PKT10/12		Kết chuyển doanh thu lãi tiền gửi 5151->9111	911	189.542.536	
		Cộng phát sinh		189.542.536	189.542.536
		Số dư cuối kỳ:		–	–

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 08: Trích sổ cái TK 515

Công ty TNHH may Thiên Nam
 Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

Mẫu số S03b – DN
 (Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
 Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:		-	-
			Số phát sinh:			
...
31/12	GBC223	Ngân hàng ACB chi nhánh Hải Phòng	Lãi tiền gửi tháng 12/2012	1121		6.779.396
31/12	GBC224	Ngân hàng Techcombank	Lãi tiền gửi tháng 12/2012	1121		4.020.857
31/12	GBC225	Ngân hàng Sacombank	Lãi tiền gửi tháng 12/2012	1121		4.161.625
31/12	PKT10/12		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính TK515->9111	911	213.701.550	
			Cộng phát sinh		213.701.550	213.701.550
			Số dư cuối kỳ:		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

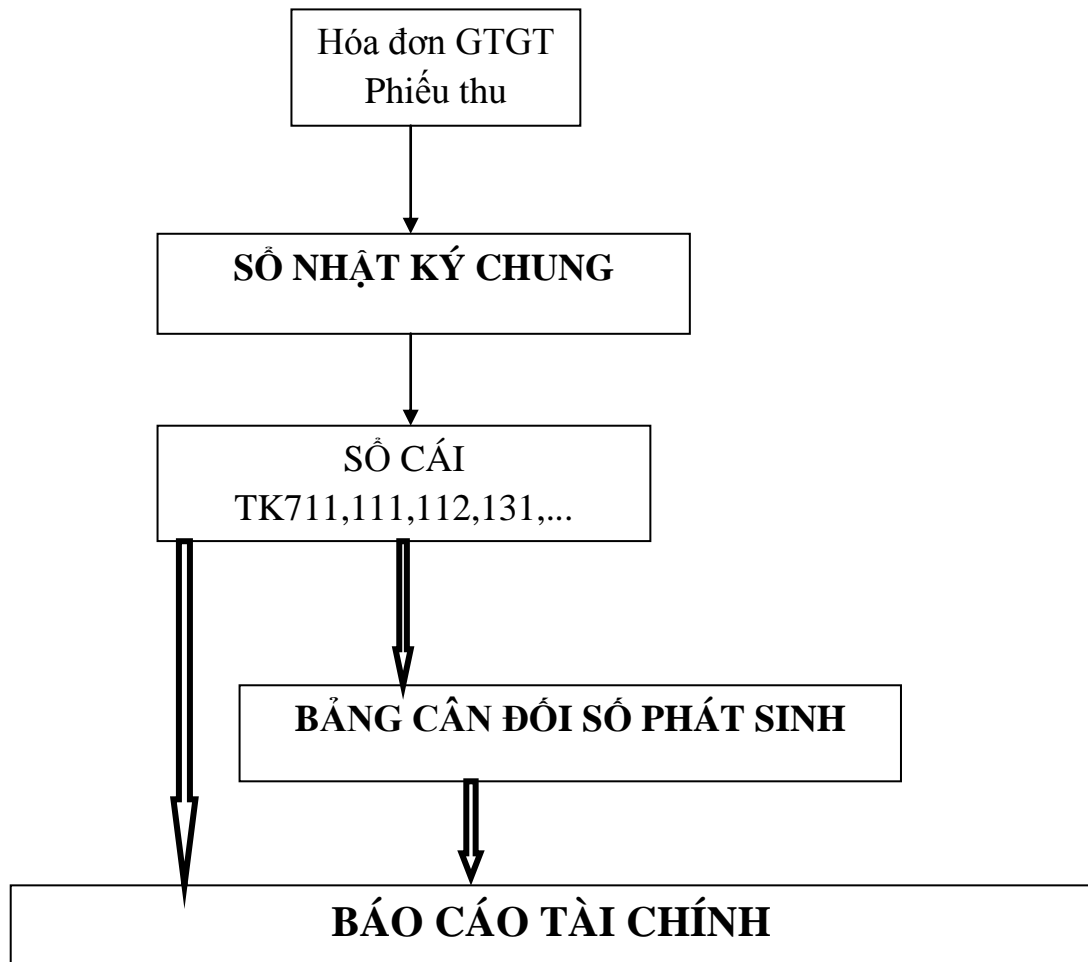
Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.3 Kế toán doanh thu khác.

Thu nhập khác của công ty chủ yếu là thanh lý, nhượng bán TSCĐ và thu phạt từ hợp đồng.

- Chứng từ sử dụng
 - Biên bản họp hội đồng giá
 - Hóa đơn GTGT
 - Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng
 - ✓ Tài khoản 711: Doanh thu từ hoạt động khác
- Phương pháp hạch toán
- **Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu từ hoạt động khác**



Chú thích:

- Ghi hàng ngày:
- Ghi hàng tháng:
- Đối chiếu kiểm tra:

VD 3: Nghiệp vụ ngày 30/12/2012 Công ty TNHH may Thiên Nam đã quyết định cho thanh lý xe ô tô W50 16L .1325 đã sử dụng lâu năm.

Căn cứ vào biên bản thanh lý TSCĐ(Biểu số 09), hóa đơn GTGT(Biểu số 10) và phiếu thu(Biểu số 11), kế toán ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 12),Tờ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK711 (Biểu số 13).Cuối kỳ, đối chiếu sổ nhật ký chung và sổ cái TK711 kế toán lập bảng cân đối sổ phát sinh và báo cáo tài chính.

Biểu số 09: Biên bản thanh lý TSCĐ

Đơn vị: Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số:02- TSCĐ

Địa chỉ: Anh Dũng- Dương Kinh- Hải Phòng

QĐ Số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Hải phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2012

Căn cứ quyết định số 532 ngày 30/12/2012 của Giám đốc công ty về việc thanh lý phương tiện vận tải.

I. Ban thanh lý bao gồm:

1. Bà Nguyễn Thiên Lý – Giám đốc công ty – Trưởng ban thanh lý
2. Ông Nguyễn Mạnh Cường – Tổ trưởng đội xe
3. Bà Nguyễn Thị Hà – Kế toán TSCĐ

II. Tiến hành thanh lý phương tiện vận tải

TT	Loại xe	Biển xe	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại
01	W50	16L.1325	2003	257.000.000	227.000.000	30.000.000

III. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ

Ban thanh lý quyết định thanh lý phương tiện vận tải trên cho ông Nguyễn Đình Tịnh.

Địa chỉ: Quảng Ninh

Ngày 30 tháng 12 năm 2012

Trưởng ban thanh lý:

(Ký. Họ tên)

số 10: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 3 : Nội bộ

Ký hiệu: AA/12P

Ngày 30 tháng 12 năm 2012

Số 000137

Đơn vị bán: Công ty TNHH may Thiên Nam

Mã số thuế:

Địa chỉ: phường Anh Dũng- quận Dương Kinh- Hải Phòng

Số tài khoản:

Số điện thoại:

Họ tên người mua: Nguyễn Đình Tịnh

Địa chỉ: Quảng Ninh

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Xe ô tô 16L.1325	Chiếc	01		30.000.000

	Cộng tiền hàng:	30.000.000
Thuế suất GTGT 10%	Tiền thuế GTGT :	3.000.000
	Tổng cộng tiền thanh toán:	33.000.000

Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi ba triệu đồng chẵn./.

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Biểu số 11: Phiếu thu

Công ty TNHH may Thiên Nam	Mẫu số: 01 – TT	
Địa chỉ: Anh Dũng- Dương Kinh- Hải Phòng	(QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC) Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC	
PHIẾU THU		
Ngày 30 tháng 12 năm 2012		
Số 65		
	Nợ TK 1111: 33.000.000	
	Có TK 711: 30.000.000	
	Có TK 3331: 3.000.000	
Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Đình Tịnh		
Địa chỉ: Quảng Ninh		
Lý do nộp: Thu tiền bán thanh lý ô tô 16L – 1325		
Số tiền: 33.000.000 (đồng)		
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi ba triệu đồng chẵn./.		
Kèm theo hóa đơn: chứng từ gốc		
	Ngày 30 tháng 12 năm 2012	
Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Thủ trưởng
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 12:Trích Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH may Thiên Nam
Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
...
15/12	HĐ000 131	Hạch toán doanh thu bán áo sơ mi			
		Phải thu khách hàng may mặc	1311	65.232.321	
		Doanh thu bán hàng nội địa	5113		59.302.110
		Thuế GTGT đầu ra	3331		5.930.211
...
27/12	HĐ000 136	Hạch toán doanh thu gia công áo sơ mi SOL- 151211			
		Thu tiền của khách hàng	1121	462.195.046	
		Doanh thu bán gia công hàng XK	5114		462.195.046
...
30/12	HĐ000 137	Thanh lý xe ô tô W50 16L .1325			
		Thu tiền mặt	1111	33.000.000	
		Doanh thu thanh lý	711		30.000.000
		Thuế GTGT đầu ra	3331		3.000.000
30/12	HĐ000 139	Hạch toán DT bán thùng Carton			
		Phải thu khách hàng bao bì	1312	12.670.429	
		Doanh thu bán thùng Carton	5119		11.518.572
		Thuế GTGT đầu ra	3331		1.151.857
...
		Cộng phát sinh		613.718.096.387	613.718.096.387

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 13: Trích sổ cái TK 711

Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số S03b – DN

Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

(Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản 711 – Doanh thu khác

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ:		–	–
		Số phát sinh:			
...
25/12	HĐ000071	Thanh lý một máy vắt sổ 2 kim 4 chỉ.			
		Thu bằng tiền mặt	1111		3.250.000
...
30/12	HĐ000137	Thanh lý xe ô tô W50 16L .1325			
		Thu tiền mặt	1111		30.000.000
...
	PKT11/12	Kết chuyển doanh thu khác 711->9111	911	96,680,215	
		Cộng phát sinh		96,680,215	96,680,215
		Số dư cuối kỳ:		–	–

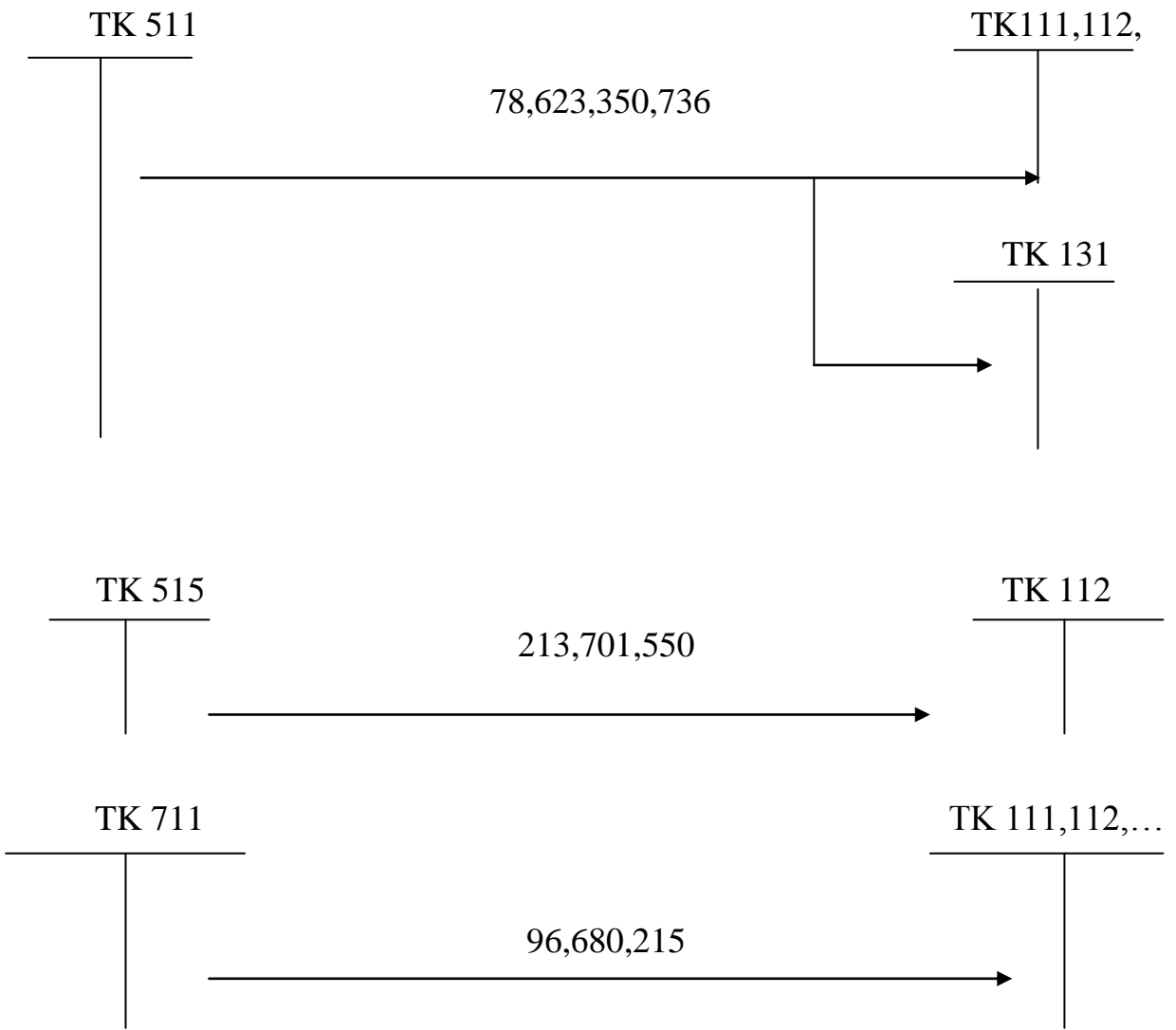
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

✓ Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



2.2.2 Kế toán chi phí tại công ty TNHH may Thiên Nam.

Trong năm 2012, công ty TNHH may Thiên Nam có phát sinh chi phí giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán của công ty TNHH may Thiên Nam được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ (theo tháng), nên giá vốn được tính vào cuối tháng.

Việc ghi nhận giá vốn phải tuân thủ nguyên tắc: Khi phát sinh một khoản doanh thu bán thành phẩm thì mới ghi nhận một khoản giá vốn tương ứng của thành phẩm đó.

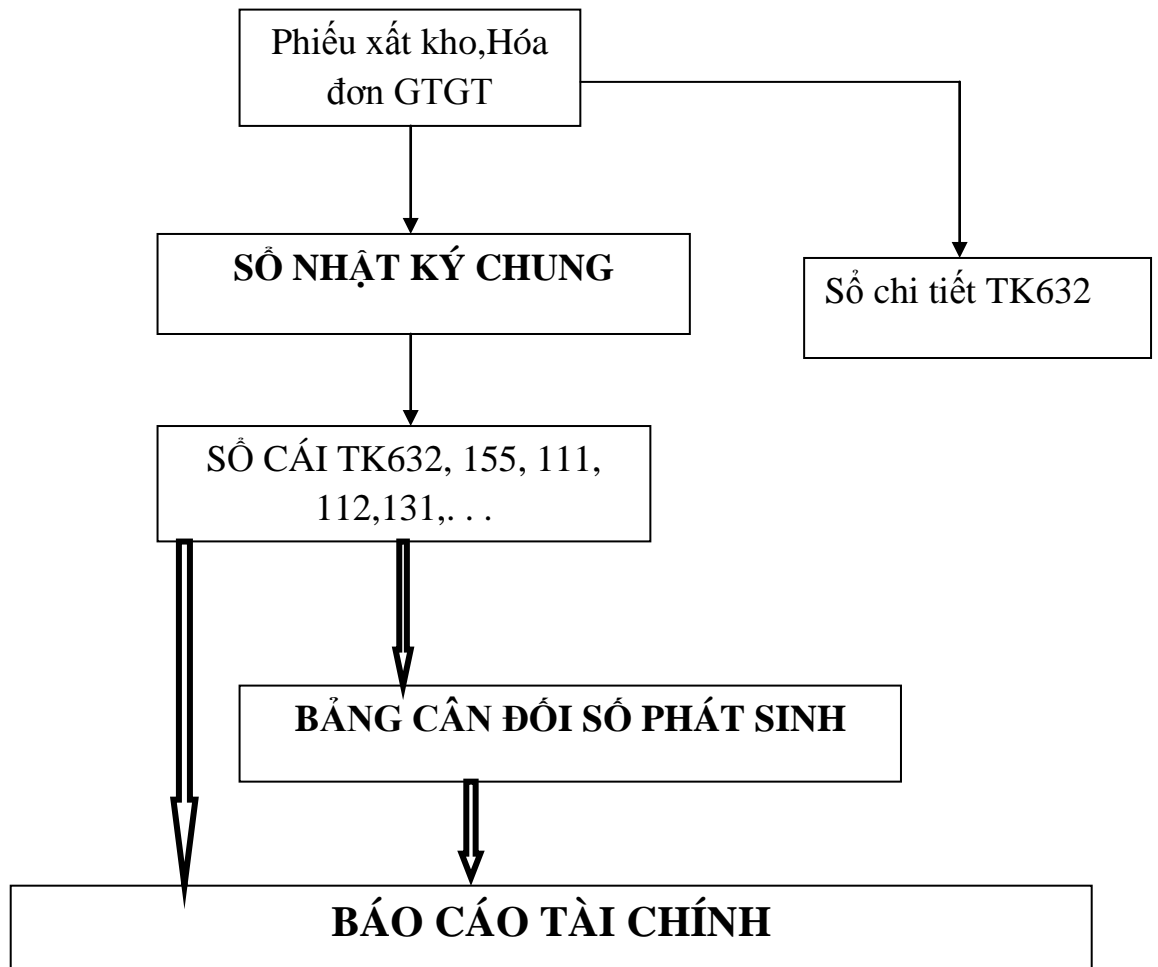
Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào TK911- Xác định kết quả kinh doanh.

Giá vốn hàng bán được cấu thành từ 3 khoản mục chi phí: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu xuất kho
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái tài khoản 632
 - Các sổ sách và chứng từ liên quan
- Tài khoản sử dụng
 - ✓ Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán
 - ✓ Các tài khoản cấp 2:
 - TK6321 : Giá vốn hàng bán của áo somi
- TK6322 : Giá vốn hàng bán của bao bì

Phương pháp hạch toán

➤ **Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán**



Chú thích:

- Ghi hàng ngày:
- Ghi hàng tháng
- Đối chiếu kiểm tra

VD 4: Ngày 03/12/2012, Công ty gia công áo sơ mi SEL-836573 cho công ty Seidensticker International Lintied số tiền 630.109.112 khách hàng chưa thanh toán.

Căn cứ vào phiếu xuất kho(Biểu số 14) và bảng kê xuất- nhập- tồn kho thành phẩm (Biểu số 15), kế toán lập phiếu kế toán số 08/11(Biểu số 16) xác định giá vốn hàng bán và tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung(Biểu số 17), sổ chi tiết TK 6321(Biểu số 18) và sổ cái TK 632(Biểu số 19). Cuối kỳ, kế toán đối chiếu sổ cái và các chứng từ liên quan để lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Biểu số 14: Phiếu xuất kho

Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số 02-VT

Anh Dũng – Dương Kinh – Hải phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày

14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 03 tháng 12 năm 2012

Số : 201

Nợ TK 6321

Có TK 1551

Họ tên người nhận hàng:

Lý do xuất kho: Xuất bán theo đơn đặt hàng

Xuất tại kho: Số 1 Địa điểm: Công ty TNHH may Thiên Nam

ST T	Tên nhãn hiệu, sản phẩm(hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Áo sơ mi SEL	836573	Chiếc	10 195	10 195		
	Cộng			10 195	10 195		

Cộng thành tiền (bằng chữ):

Xuất ngày 03 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 15 : Bảng kê Nhập- Xuất- Tồn

Bảng kê Nhập – Xuất – Tồn kho thành phẩm

Tháng 12 năm 2012

S T T	ĐVT	Tên mã Sp	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Đơn giá	Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			SL	TT	SL	TT		SL	TT	SL	TT
1	Chiếc	Áo sơ mi SEL-207234	1,285	86,255,625			67,125	1,285	86,255,625		
2	Chiếc	Áo sơ mi SEL-207234	334	20,425,770			61,155	334	20,425,770		
3	Chiếc	Áo sơ mi SEL-836563			487	18,327,271	37,633	487	18,327,271		
4	Chiếc	Áo sơ mi SEL-836573	10,195	400,153,750			39,250	10,195	400,153,750		
5	Chiếc	Áo sơ mi SEL-836626			1,820	90,335,700	49,635	1,820	90,335,700		
6	Chiếc	Áo sơ mi SEL-836630			7,465	406,909,685	54,509			7,465	406,909,685
7	Chiếc	Áo sơ mi SEL-836639			11,032	503,169,520	45,610	11,032	503,169,520		
...
8	Chiếc	Áo sơ mi SOL-151211			3,043	120,898,390	39,730			3,043	120,898,390
9	Chiếc	Áo sơ mi SOL-211211			6,185	255,582,755	41,323			6,185	255,582,755
...
Tổng			23,433	1,471,340,006	131,497	6,377,604,505		128,753	6,566,250,161	26,177	1,282,694,350

Biểu số 16: Phiếu kế toán 08/12

Đơn vị: Công ty TNHH may Thiên Nam

Địa chỉ: Anh Dũng – Dương Kinh – Hải phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31/12/2012

Số 08/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	Xác định giá vốn của áo sơ mi	6321	1551	6,566,250,161
	Cộng			6,566,250,161

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Biểu số 17 : Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH may Thiên Nam
Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
...
27/12	HĐ000136	Hạch toán doanh thu gia công áo sơ mi SOL- 151211			
		Thu tiền của khách hàng	1121	462.195.046	
		Doanh thu bán gia công hàng XK	5114		462.195.046
...
30/12	HĐ000139	Hạch toán DT bán thùng Carton			
		Phải thu khách hàng bao bì	1312	12.670.429	
		Doanh thu bán thùng Carton	5119		11.518.572
		Thuế GTGT đầu ra	3331		1.151.857
...
31/12	PKT07/12	Xác định giá vốn sản phẩm bao bì tháng 12/2012	6322	825,769.277	
			1552		825,769.277
31/12	PKT08/12	Xác định giá vốn sản phẩm áo sơ mi tháng 12/2012	6321	6,566,250,161	
			1551		6,566,250,161
...
		Cộng phát sinh		613.718.096.387	613.718.096.387

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 18: Trích sổ chi tiết TK 6321

Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số S38 – DN

Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

(Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 6321 – giá vốn hàng bán áo sơ mi

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ:		–	–
		Số phát sinh:			
...
31/12	PKT08/12	Xác định giá vốn sản phẩm áo sơ mi tháng 12/2012	1551	6,566,250,161	
31/12	PKT12/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán 6321 - >911	911		63,701,242,830
		Cộng phát sinh		63,701,242,830	63,701,242,830
		Số dư cuối kỳ:		–	–

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 19 : Trích sổ cái TK 632

Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số S03b – DN

Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

(Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ:		–	–
		Số phát sinh:			
...
31/12	PKT07/12	Xác định giá vốn sản phẩm bao bì tháng 12/2012	1552	825,769.277	
31/12	PKT08/12	Xác định giá vốn sản phẩm áo sơ mi tháng 12/2012	1551	6,566,250,161	
	PKT12/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán 632 - >911	911		71.995.405.190
		Cộng phát sinh		71.995.405.190	71.995.405.190
		Số dư cuối kỳ:		–	–

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

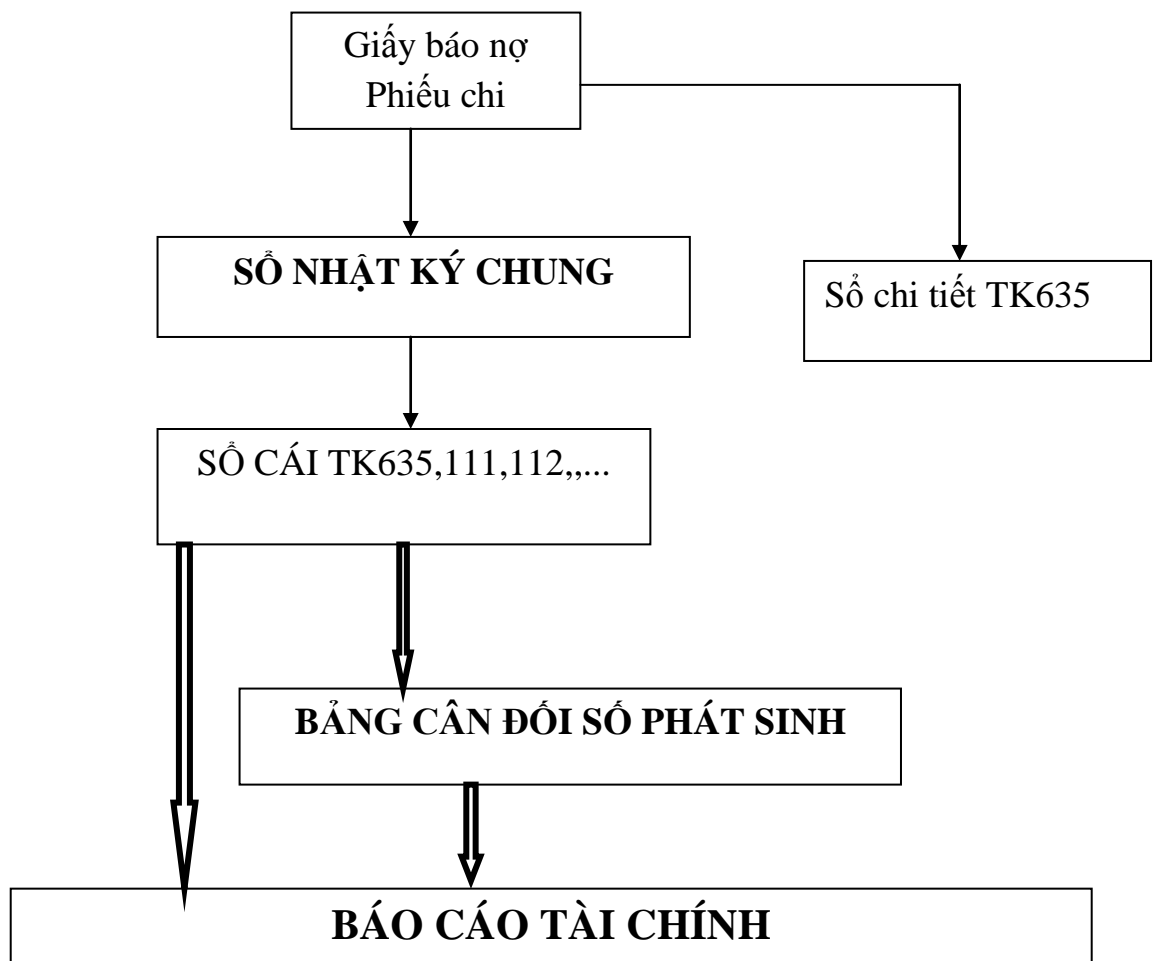
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính



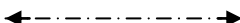
Tại công ty TNHH may Thiên Nam thì chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản trả lãi tiền vay ngân hàng.

- Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo nợ của ngân hàng
 - Phiếu chi
 - Các chứng từ và sổ sách khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng
 - ✓ Tài khoản 635: Chi phí tài chính
 - ✓ Các tài khoản cấp 2::
 - TK 6351: Chi phí lãi vay
 - TK 6352 : Chi phí chênh lệch tỷ giá
- Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 2.9: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí hoạt động tài chính



Chú thích:

Ghi hàng ngày: 
 Ghi hàng tháng 
 Đối chiếu kiểm tra 

VD 5: Ngày 10/12/2012, Công ty nhận được giấy báo nợ của ngân hàng ACB chi nhánh Hải Phòng về lãi tiền vay phải trả tháng 11/2012, số tiền 7.259.415 VNĐ

Căn cứ vào giấy báo nợ (Biểu số 20), Kế toán ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 21) và đồng thời ghi sổ chi tiết TK635(Biểu số 22), Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK635 (Biểu số 23). Cuối kỳ, đối chiếu số liệu lập bảng cân đối số phát sinh và lập báo cáo tài chính.

Biểu số 20 : Giấy báo nợ

Ngân hàng ACB
 Chi nhánh: ACB/CN Hải Phòng

Mẫu số 01GTKT 2/004
 Ký hiệu: AA/12T
 Số 160110094916233.000002

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 10 tháng 12 năm 2012

Tên khách hàng: Công ty TNHH may Thiên Nam Số TK: 109.21533723.01.9
 Địa chỉ: Anh Dũng, - Dương Kinh- Hải Phòng Loại tiền: VNĐ
 Mã số thuế của khách hàng: 0200593607 Loại TK: Tiền gửi thanh toán
 Số bút toán hạch toán: 10921533723.01.9 – 20111031

Số ID khách hàng: 21533723

Thông báo với khách hàng:

Chúng tôi đã ghi nợ vào tài khoản của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền như sau:

Nội dung	Số tiền
Trả lãi vay	7.259.415
Tổng số tiền:	7.259.415

Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu hai trăm lăm mươi chín nghìn bốn trăm mười lăm đồng chẵn./.

Trích yếu: Trả lãi vay tháng 12 năm 2012

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu số 21 : Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số S03a – DN

Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

(Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
...
08/12	GBN5 30	Trả gốc vay và lãi kỳ tháng 12/2012			
		Vay dài hạn – VNĐ	3411	250.000.000	
		Chi phí lãi vay	6351	23.750.000	
		Tiền VN–ngân hàng Techcombank	1121		273.750.000
...
10/12	GBN5 34	Trả tiền lãi vay			
		Chi phí lãi vay ngân hàng ACB	6351	7.259.415	
		Tiền gửi ngân hàng ACB	1121		7.259.415
10/12	PC58	Thanh toán tiền mua vật tư			
		Trả cho người bán	331	15.256.000	
		Tiền VN	1111		15.256.000
...
15/12	PXK2 14	Xuất kho dao thừa phục vụ sản xuất tại xưởng 1	627	1.250.000	
			153		1.250.000
...
		Cộng phát sinh		613.718.096.387	613.718.096.387

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 22: Trích sổ chi tiết TK 6351

Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số S38 – DN

Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

(Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 6351 – Chi phí lãi vay

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
		Dư đầu kỳ:				
...
08/12	GBN530	Ngân hàng Techcombank	Chi phí lãi vay dài hạn	1121	23.750.000	
10/12	GBN534	Ngân hàng ACB -Chi nhánh Hải Phòng	Trả tiền lãi vay tháng 12/2012	1121	7.259.415	
...
31/12	PKT15/12	Kết chuyển chi phí lãi vay 6351 - >911		911		155.259.480
		Tổng phát sinh			155.259.480	155.259.480
		Dư cuối kỳ				–

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 23 : Trích sổ cái TK 635

Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số S03b – DN

Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

(Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản 635– Chi phí tài chính

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
		Dư đầu kỳ:			–	–
		Số phát sinh				
...
08/12	GBN530	Ngân hàng Techcombank	Chi phí lãi vay dài hạn	1121	23.750.000	
10/12	GBN534	Ngân hàng ACB -Chi nhánh Hải Phòng	Trả tiền lãi vay tháng 11/2012	1121	7.259.415	
...
31/12	PKT15/11	Kết chuyển chi phí tài chính 635 - >911		911		155.259.480
		Tổng phát sinh			155.259.480	155.259.480
		Dư cuối kỳ			–	–

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng của công ty TNHH may Thiên Nam bao gồm các chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng như: Chi phí vận chuyển, chi phí quản cáo, chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí điện thoại, văn phòng phẩm,...phát sinh ở bộ phận bán hàng.

Các khoản chi phí phát sinh được phản ánh vào tài khoản này phải có căn cứ hợp pháp và chứng từ hợp lệ, đầy đủ và được tổng hợp vào bên nợ TK641- Chi phí bán hàng.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh. Toàn bộ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào TK911- Xác định kết quả kinh doanh.

➤ Chứng từ sử dụng

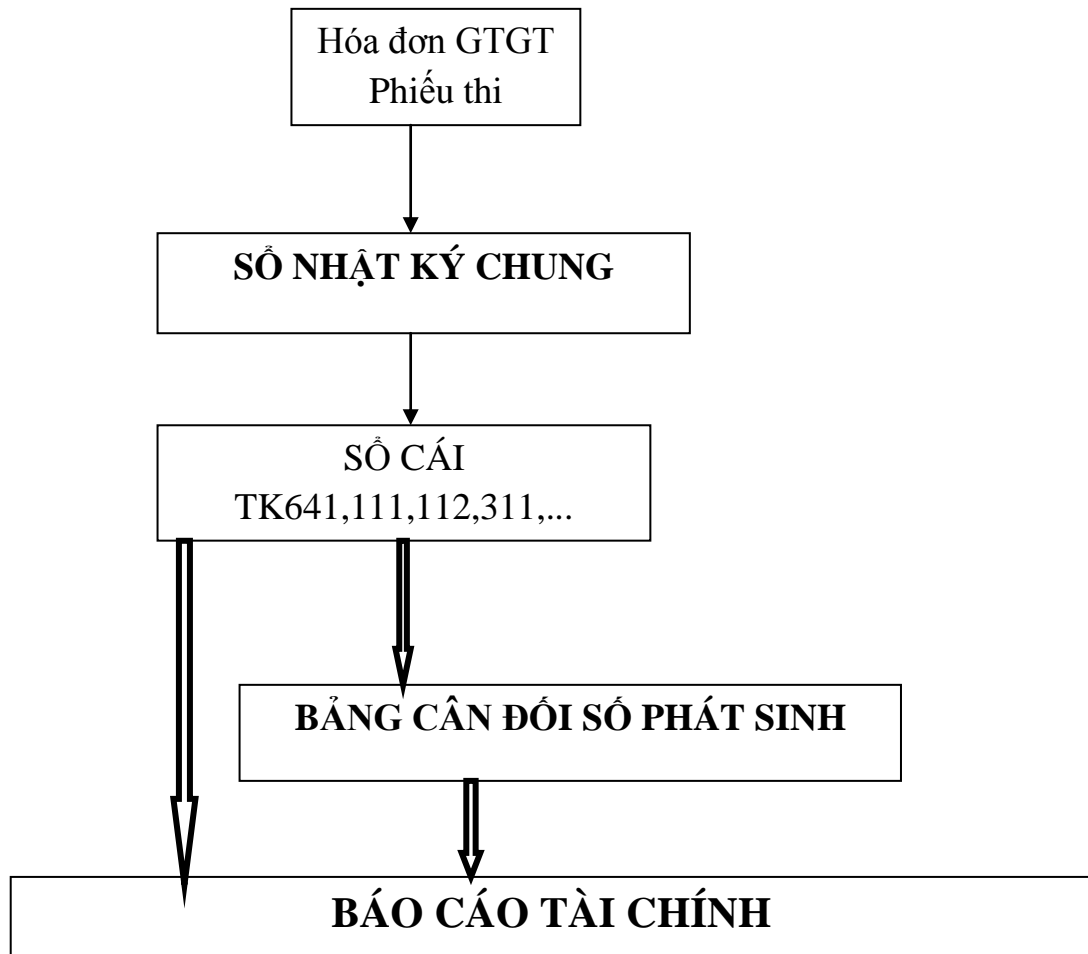
- Giấy đề nghị thanh toán
- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi, iays báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Bảng tính và phân bổ lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ và sổ sách khác có liên quan

➤ Tài khoản sử dụng

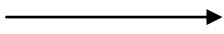
- ✓ Tài khoản 641: Chi phí bán hàng
- ✓ Các tài khoản cấp 2 và cấp 3:
 - TK 6411 : Chi phí vận chuyển thuê ngoài
 - TK 6418 : Chi phí xuất nhập khẩu (XNK)
 - TK 64182 : Chi phí XNK
 - TK 64183 : Chi phí XNK - ngoài


➤ Phương pháp hạch toán

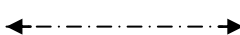
- Sơ đồ 2.10: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí bán hàng



Chú thích:

Ghi hàng ngày: 

Ghi hàng tháng 

Đối chiếu kiểm tra 

VD 6: Ngày 30/12/2012, Công ty thanh toán tiền chi phí xuất nhập khẩu thuế ngoài số tiền 3.740.000 VNĐ.

Căn cứ vào phiếu chi 009/11 (Biểu số 24), kế toán ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 25) và sổ cái TK641(Biểu số 26). Cuối kỳ, kế toán đối chiếu số liệu lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Biểu số 24: Phiếu chi

Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số: 01 – TT

Anh Dũng – Dương Kinh- Hải Phòng

(QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 30 tháng 12 năm 2012

Số56

Nợ TK 64183 : 3.740.000

Có TK 1111 : 3.740.000

Họ tên người nộp tiền :Trần Minh Phương

Địa chỉ : Phòng hành chính công ty TNHH may Thiên Nam

Lý do nộp : Thanh toán tiền chi phí Xuất nhập khẩu ngoài

Số tiền :3.740.000 (đồng)

Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo hóa đơn: chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng

Người nộp tiền

Thủ trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 25 : Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH may Thiên Nam
 Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

Mẫu số S03a – DN
 (Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đổi ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
...
07/12	PC56	Thanh toán tiền chi phí handling XNK			
		Chi phí xuất nhập khẩu	6418	15.694.724	
		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa dịch vụ	1331	1.569.472	
		Tiền VN	1111		17.264.196
...
10/12	PC58	Thanh toán tiền mua vật tư			
		Trả cho người bán	331	15.256.000	
		Tiền VN	1111		15.256.000
...
27/12	PC65	Phí Bill đường biển, THC			
		Chi phí XNK áo sơ mi	6418	14.325.650	
		Thuế GTGT được khấu trừ HHDV	1331	1.125.065	
		Tiền VN	1111		15.450.715
...
30/12	PC68	Thanh toán tiền chi phí XNK ngoài	6418	3.740.000	
			1111		3.740.000
...
		Cộng phát sinh		613.718.096.387	613.718.096.387

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 26: Trích sổ cái TK 641

Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số S03b – DN

Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

(Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ:		–	–
		Số phát sinh:			
...
07/12	PC56	Thanh toán tiền chi phí handing XNK	1111	15.694.724	
...
27/12	PC65	Phí Bill đường biển, THC	1111	14.325.650	
...
30/12	PC68	Thanh toán tiền chi phí XNK ngoài	1111	3.740.000	
		Kết chuyển chi phí bán hàng 641 - > 911	911		872.675.540
		Tổng phát sinh		872.675.540	872.675.540
		Dư cuối kỳ:		–	–

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí về lương, vật liệu văn phòng, dụng cụ văn phòng, thanh toán tiền cước dịch vụ viễn thông,...

Các khoản chi phí phát sinh được phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp phải có căn cứ hợp pháp, chứng từ xác thực và được tổng hợp vào bên nợ TK642

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK911- Xác định kết quả kinh doanh.

➤ Chứng từ sử dụng

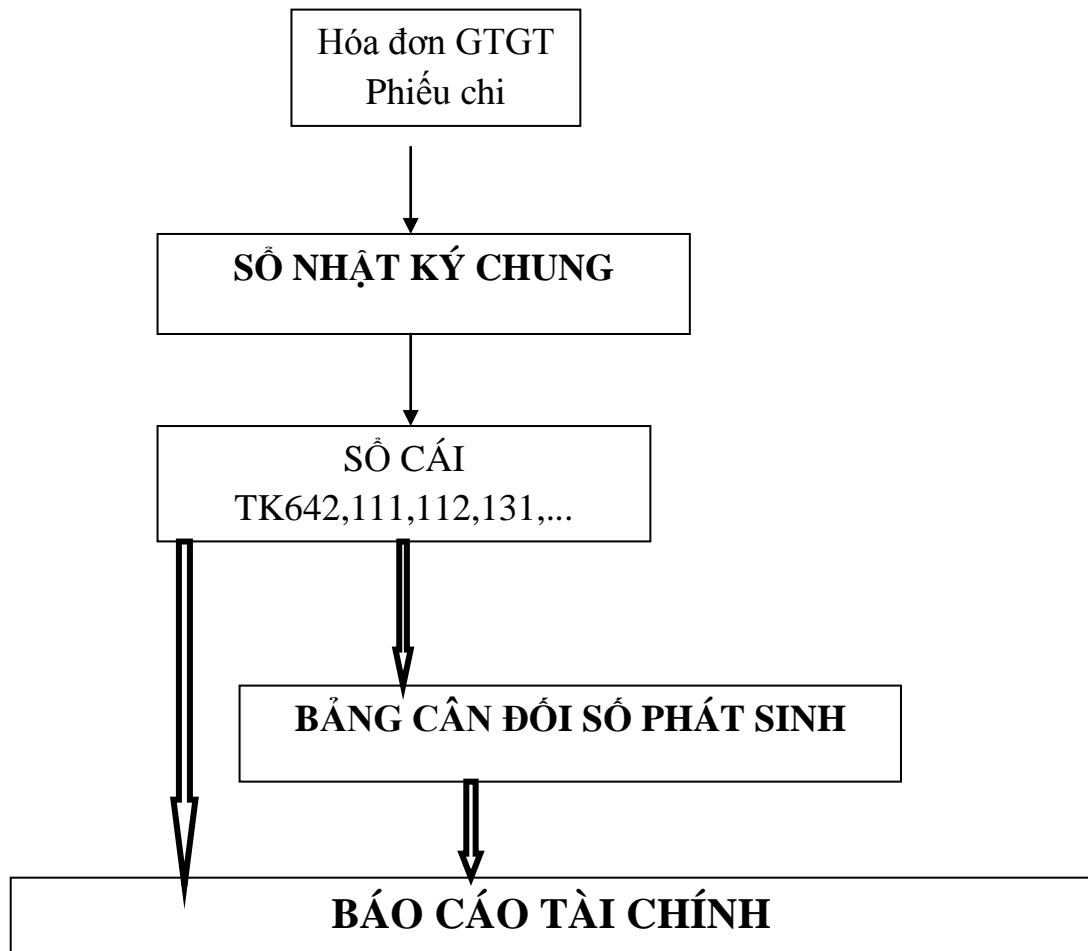
- Hóa đơn GTGT
- Giấy đề nghị thanh toán
- Phiếu chi
- Bảng tổng hợp thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao
- Các chứng từ và sổ sách có liên quan

➤ Tài khoản sử dụng

- ✓ Tài khoản 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp
- ✓ Các tài khoản cấp 2 và cấp 3:
 - TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
 - TK 6422: Chi phí công cụ dụng cụ quản lý
 - TK 6423: Chi phí văn phòng phẩm
 - TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ- Xưởng may
 - TK 64241: Chi phí khấu hao TSCĐ xưởng may
 - TK64242 : Chi phí khấu hao TSCĐ xưởng bao bì
 - TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
 - TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

➤ Phương pháp hạch toán

➤ **Sơ đồ 2.11: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



Chú thích:

- Ghi hàng ngày: →
- Ghi hàng tháng: →
- Đôi chiếu kiểm tra: ←

VD 7: Ngày 27/12/2012, Công ty thanh toán tiền mua lẵng hoa, quả, nước uống phục vụ tiếp khách (Đoàn khách thuộc tổng công ty May 10). Tổng cộng số tiền 1.350.000 đồng.

Căn cứ vào hóa giấy đề nghị thanh toán (Biểu số 27), Kế toán lập phiếu chi số 66 (Biểu số 28), Sau đó kế toán ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 29) và sổ cái TK

642 (Biểu số 30). Cuối kỳ, đối chiếu số liệu lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Biểu số 27: Giấy đề nghị thanh toán

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 25 tháng 12 năm 2012

Kính gửi : Giám đốc công ty TNHH may Thiên Nam

Kế toán trưởng công ty

Họ tên người đề nghị thanh toán : Cao Thị Tiến

Bộ phận : Nhân viên văn phòng xưởng 2

Kính gửi giám đốc duyệt chi các khoản chi phí sau:

STT	Ngày,tháng	Diễn giải	Tiền hàng	Tiền thuế	Tổng	Ghi chú
01	25/122012	Chi tiền mua hoa phục vụ tiếp khách	350.000	—	350.000	
02	25/122012	Chi tiền mua hoa quả phục vụ tiếp khách	750.000	—	750.000	
03	25/122012	Chi tiền mua nước phục vụ tiếp khách	250.000	—	250.000	
...
		Cộng	1.350.000		1.350.000	

Số tiền viết bằng chữ : Một triệu ba trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn./.

Hải Phòng, ngày 27 tháng 12 năm 2012

Giám đốc duyệt
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Người đề nghị
(Ký, họ tên)

Biểu số 28 : Phiếu chi

Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số: 01 – TT

Anh Dũng – Dương Kinh- Hải Phòng

(QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 27 tháng 12 năm 2012

Số 66

Nợ TK 64289 : 1.350.000

Có TK 1111 : 1.350.000

Họ tên người nộp tiền : Cao Thị Tiên

Địa chỉ : Văn phòng xưởng 2 công ty TNHH may Thiên Nam

Lý do nộp : Chi tiền hoa, quả, nước phục vụ tiếp khách

Số tiền : 1.350.000 (đồng)

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu ba trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo hóa đơn: chứng từ gốc

Ngày 27 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng

Người nộp tiền

Thủ trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 29: Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH may Thiên Nam
 Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

Mẫu số S03a – DN
 (Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
...
07/12	PC56	Thanh toán tiền chi phí handing XNK			
		Chi phí xuất nhập khẩu	6418	15.694.724	
		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa dịch vụ	1331	1.569.472	
		Tiền VN	1111		17.264.196
...
10/12	PC58	Thanh toán tiền mua vật tư			
		Trả cho người bán	331	15.256.000	
		Tiền VN	1111		15.256.000
...
15/12	PC61	Chi tiền thanh toán tiền điện thoại Cho VNPT	6427	864.557	
		Thuế GTGT	133	86.456	
		Chi tiền mặt	1111		951.013
...
27/12	PC66	Thanh toán tiền mua hoa, quả, nước tiếp khách	6428	1.350.000	
		Chi tiền mặt	1111		1.350.000
...
		Cộng phát sinh		613.718.096.387	613.718.096.387

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 30: Trích sổ cái TK 642

Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số S03b – DN

Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

(Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ:		–	–
		Số phát sinh:			
...
10/12	PC58	Chi tiền thanh toán tiền chuyển UNC	1111	250.000	
...
13/12	PC59	Thanh toán tiền tiếp khách	1111	4.150.000	
15/12	PC61	Chi tiền thanh toán tiền điện thoại Cho VNPT	1111	864.557	
...
27/12	PC66	Thanh toán tiền mua hoa, quả, nước tiếp khách	1111	1.350.000	
27/12	PC67	Chi tiền mua văn phòng phẩm phòng hành chính xưởng 1 và văn phòng xưởng 3	1111	300.000	
		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp 642 -> 911	911		3.155.481.391
		Tổng phát sinh		3.155.481.391	3.155.481.391
		Dư cuối kỳ:		–	–

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

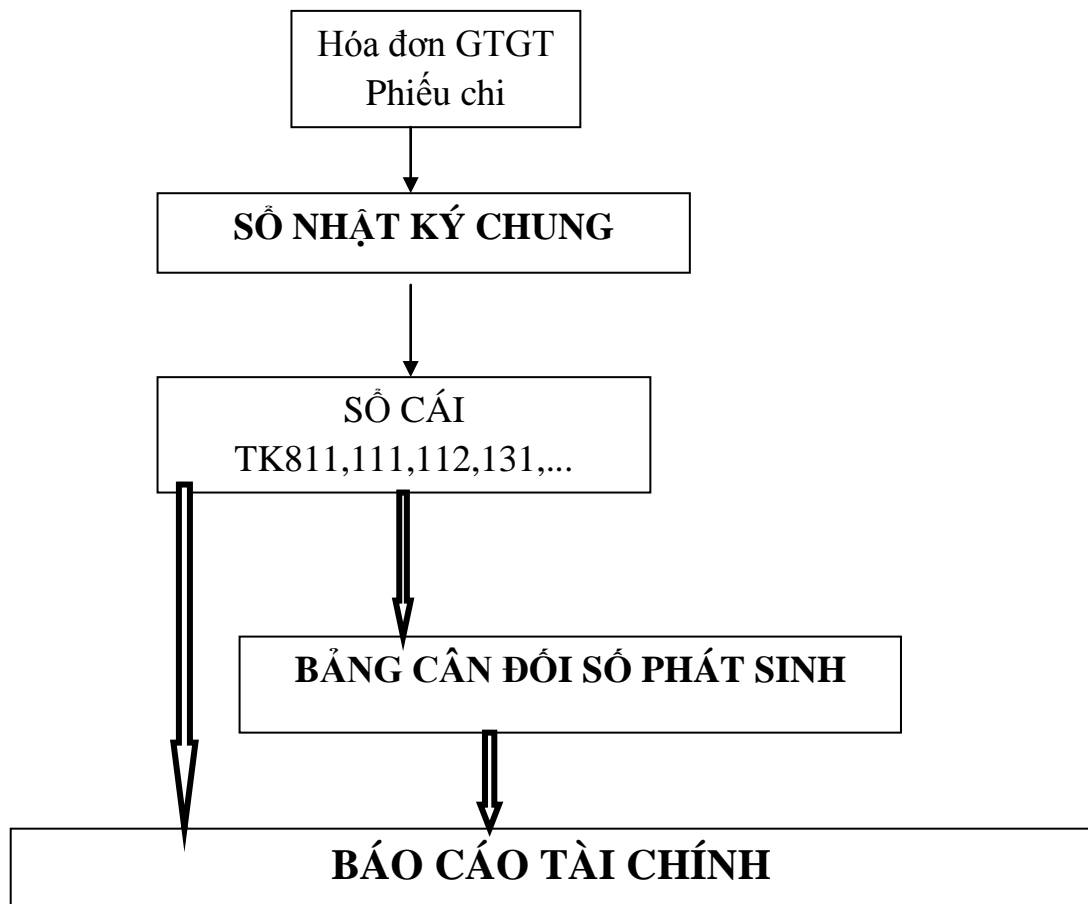
Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.5 Kế toán chi phí khác

Chi phí khác của công ty chủ yếu là giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý nhượng bán, các khoản tiền nộp phạt vi phạm hợp đồng kinh tế.

- Chứng từ sử dụng
 - Biên bản thanh lý TSCĐ
 - Góa đơn GTGT
 - Chứng từ và sổ sách liên quan
- Tài khoản sử dụng
 - ✓ Tài khoản 811 : Chi phí khác
- Phương pháp hạch toán
- **Sơ đồ 2.12: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí khác**

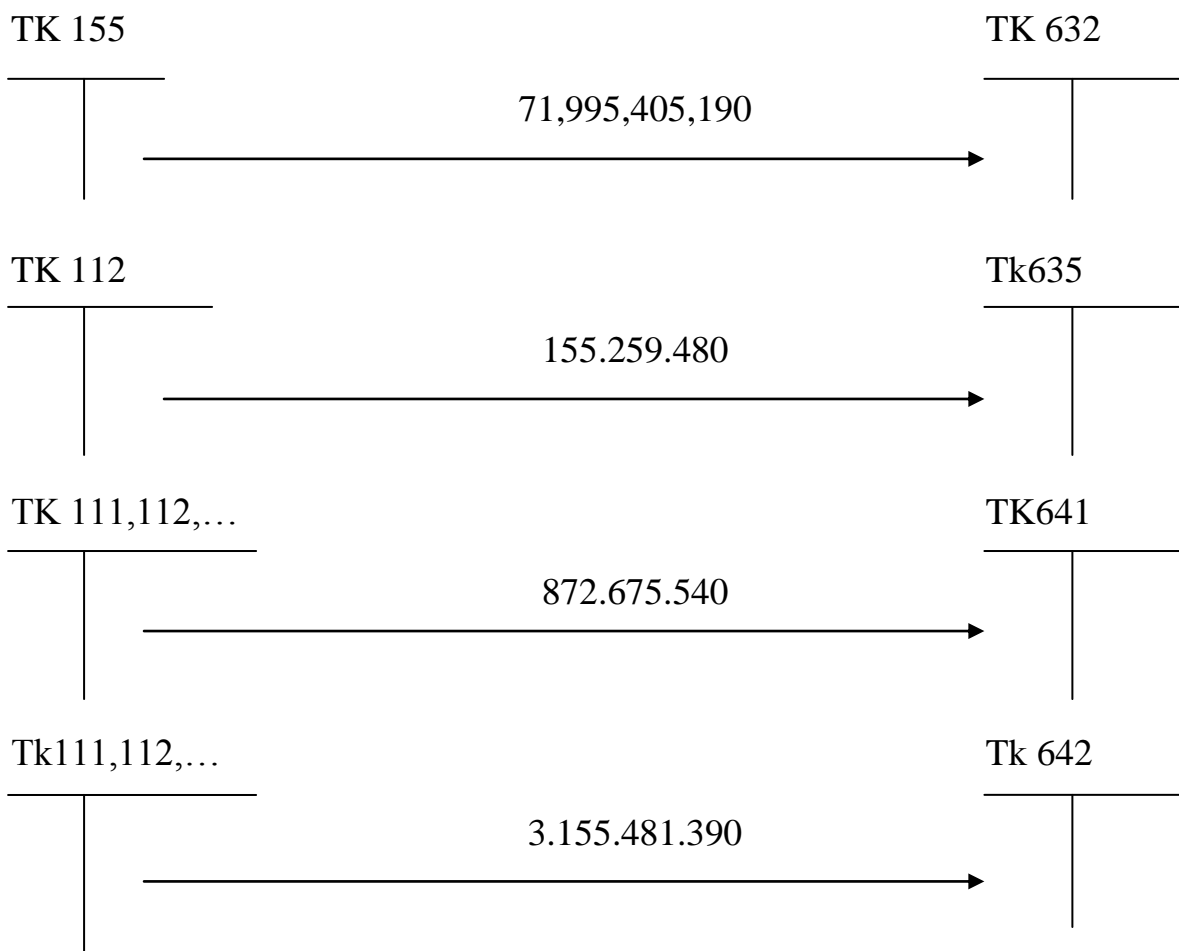


Chú thích:

- Ghi hàng ngày:
- Ghi hàng tháng
- Đối chiếu kiểm tra

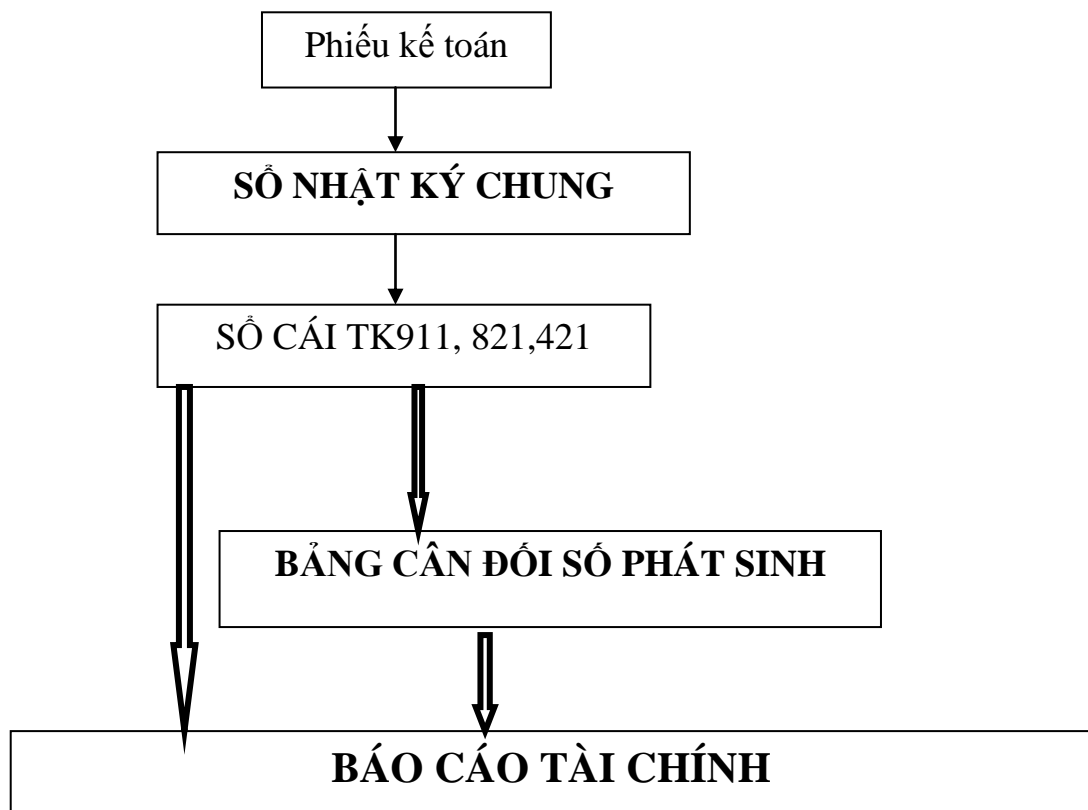
Trong năm công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí khác.

✓ **Sơ đồ kế toán tổng hợp các khoản chi phí**



2.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH may Thiên Nam

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu kế toán
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 911
- Tài khoản sử dụng
 - TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh
 - TK 821 : Chi phí thuế TNDN
 - TK 421 : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Phương pháp hạch toán
- **Sơ đồ 2.12: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh**



Chú thích:

- Ghi hàng ngày:
- Ghi hàng tháng
- Đối chiếu kiểm tra

Căn cứ vào số cái các tài khoản 511, 515, 632, 635, 711, 811, 641, 642,..Cuối kỳ kế toán tiến hành kết chuyển sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kinh doanh đó. Chênh lệch giữa bên nợ và bên có của TK911 sẽ là lãi hay lỗ của hoạt động sản xuất kinh doanh và được kết chuyển sang TK421.

Kết quả kinh doanh = Số phát sinh Có TK911 – Số phát sinh Nợ TK 911

Nếu kết quả kinh doanh nhỏ hơn 0. Vậy tháng đó công ty làm ăn thua lỗ.

Nếu kết quả kinh doanh lớn hơn 0 thì kế toán phải tính thuế TNDN phải nộp nhà nước sau đó hạch toán chi phí thuế TNDN vào TK821.

Sau khi tính được số thuế TNDN thực tế phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên nợ TK911 từ đó xác định lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên có TK421.

Nội dung xác định kết quả kinh doanh của công ty trong kỳ kế toán:

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:

Doanh thu thuần	=	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ DT
	=	78.623.350.736	-	0
	=	78.623.350.736		

Lãi gộp	=	Doanh thu thuần	-	Giá vốn hàng bán
	=	78.623.350.736	-	71.995.405.190
	=	6,627,945,546		

LN thuần	=	Lãi gộp	-	Chi phí BH	-	Chi phí QLDN
	=	6,627,945,546	-	872.675.540	-	3.155.481.391
	=	2,599,788,615				

Đối với hoạt động tài chính:

LN từ hoạt động tài chính	=	Thu nhập từ hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính
	=	213.701.550	-	155.259.480
	=	58,442,070		

Đối với hoạt động khác:

LN từ hoạt động khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
	=	96,680,215	-	0
	=	96,680,215		

Xác định kết quả kinh doanh:

Tổng LNTT	=	LN thuần	+	LN từ hoạt động tài chính	+	LN từ hoạt động khác
	=	2,599,788,615	+	58,442,070	+	96,680,215
	=	2,754,910,900				

Thu nhập chịu thuế = 2,754,910,900 - 541,820,006 = 2,213,090,894

Thuế TNDN nộp	=	Thu nhập chịu thuế	*	25%
	=	2,213,090,894	*	25%
	=	553,272,725		

LN sau thuế TNDN	=	Tổng LNTT	-	Thuế TNDN nộp
	=	2,754,910,900	-	553,272,725
	=	2,201,638,175		

VD 8: Ngày 31/12/2012 từ các phiếu kế toán, kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK911, sổ cái TK821 và sổ cái TK421.

Biểu số 31:

Đơn vị: Công ty TNHH may Thiên Nam

Địa chỉ: Anh Dũng – Dương Kinh – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: PKT 09/12

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c doanh thu thuần	511	911	78.623.350.736
	Cộng			78.623.350.736

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Biểu số 32:

Đơn vị: Công ty TNHH may Thiên Nam

Địa chỉ: Anh Dũng – Dương Kinh – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: PKT 10/12

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c DT hoạt động tài chính	515	911	213.701.550
	Cộng			213.701.550

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Biểu số 33:

Đơn vị: Công ty TNHH may Thiên Nam

Địa chỉ: Anh Dũng – Dương Kinh – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: PKT 11/12

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c doanh thu khác	711	911	96,680,215
	Cộng			96,680,215

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Biểu số 34:

Đơn vị: Công ty TNHH may Thiên Nam

Địa chỉ: Anh Dũng – Dương Kinh – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: PKT 12/12

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c giá vốn hàng bán	911	632	71.995.405.190
	Cộng			71.995.405.190

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Biểu số 35:

Đơn vị: Công ty TNHH may Thiên Nam

Địa chỉ: Anh Dũng – Dương Kinh – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: PKT 13/12

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c chi phí bán hàng	911	641	872.675.540
	Cộng			872.675.540

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Biểu số 36:

Đơn vị: Công ty TNHH may Thiên Nam

Địa chỉ: Anh Dũng – Dương Kinh – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: PKT 14/12

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c chi phí quản lý DN	911	642	3.155.481.391
	Cộng			3.155.481.391

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Biểu số 37:

Đơn vị: Công ty TNHH may Thiên Nam

Địa chỉ: Anh Dũng – Dương Kinh – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: PKT 15/12

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c chi phí HĐTC	911	635	155.259.480
	Cộng			155.259.480

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Biểu số 38:

Đơn vị: Công ty TNHH may Thiên Nam

Địa chỉ: Anh Dũng – Dương Kinh – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: PKT 16/12

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	553,272,725
	Cộng			553,272,725

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Biểu số 39:

Đơn vị: Công ty TNHH may Thiên Nam

Địa chỉ: Anh Dũng – Dương Kinh – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: PKT 17/12

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c thuế TNDN để xđkqkd	911	821	553,272,725
	Cộng			553,272,725

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Biểu số 39:

Đơn vị: Công ty TNHH may Thiên Nam

Địa chỉ: Anh Dũng – Dương Kinh – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: PKT 18/12

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c LN sau thuế TNDN	911	421	2,201,638,175
	Cộng			2,201,638,175

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Biểu số 40: Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH may Thiên Nam
 Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

Mẫu số S03a – DN
 (Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
...
31/12	PKT09	K/c doanh thu thuần	511	78.623.350.736	
			911		78.623.350.736
31/12	PKT10	K/c DT hoạt động tài chính	515	213.701.550	
			911		213.701.550
31/12	PKT11	K/c doanh thu khác	711	96,680,215	
			911		96,680,215
31/12	PKT12	K/c giá vốn hàng bán	911	71.995.405.190	
			632		71.995.405.190
31/12	PKT13	K/c chi phí bán hàng	911	872.675.540	
			641		872.675.540
31/12	PKT14	K/c chi phí quản lý DN	911	3.155.481.391	
			642		3.155.481.391
31/12	PKT15	K/c chi phí HĐTC	911	155.259.480	
			635		155.259.480
31/12	PKT16	Xđ thuế TNDN phải nộp	821	553,272,725	
			3334		553,272,725
31/12	PKT17	K/c thuế TNDN để xđkqkd	911	553,272,725	
			821		553,272,725
31/12	PKT18	K/c LN sau thuế TNDN	911	2,201,638,175	
			421		2,201,638,175
		Cộng phát sinh		613.718.096.387	613.718.096.387

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 41: Trích sổ cái TK 911

Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số S03b – DN

Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

(Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ:		-	-
		Số phát sinh:			
...
31/12	PKT09	K/c doanh thu thuần	511		78.623.350.736
31/12	PKT10	K/c DT hoạt động tài chính	515		213.701.550
31/12	PKT11	K/c doanh thu khác	711		96,680,215
31/12	PKT12	K/c giá vốn hàng bán	632	71.995.405.190	
31/12	PKT13	K/c chi phí bán hàng	641	872.675.540	
31/12	PKT14	K/c chi phí quản lý DN	642	3.155.481.391	
31/12	PKT15	K/c chi phí HĐTC	635	155.259.480	
31/12	PKT17	K/c thuế TNDN để xđkqkd	821	553,272,725	
31/12	PKT18	K/c LN sau thuế TNDN	421	2,201,638,175	
		Cộng phát sinh		78,933,732,501	78,933,732,501

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 42: Trích sổ cái TK 821

Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số S03b – DN

Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

(Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ:		–	–
31/12	PKT16	Xđ thuế TNDN phải nộp	3334	553,272,725	
31/12	PKT17	K/c thuế TNDN để xđkqkd	911		553,272,725
		Cộng phát sinh		553,272,725	553,272,725
		Dư cuối kỳ:		–	–

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 43: Trích sổ cái TK 421

Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số S03b – DN

Anh Dũng- Dương Kinh- Hải phòng

(Ban hành theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ:			163,246,657
31/12	PKT18	K/c LN sau thuế TNDN	911		2,201,638,175
		Cộng phát sinh			2,364,884,832
		Số dư cuối kỳ			2,364,884,832

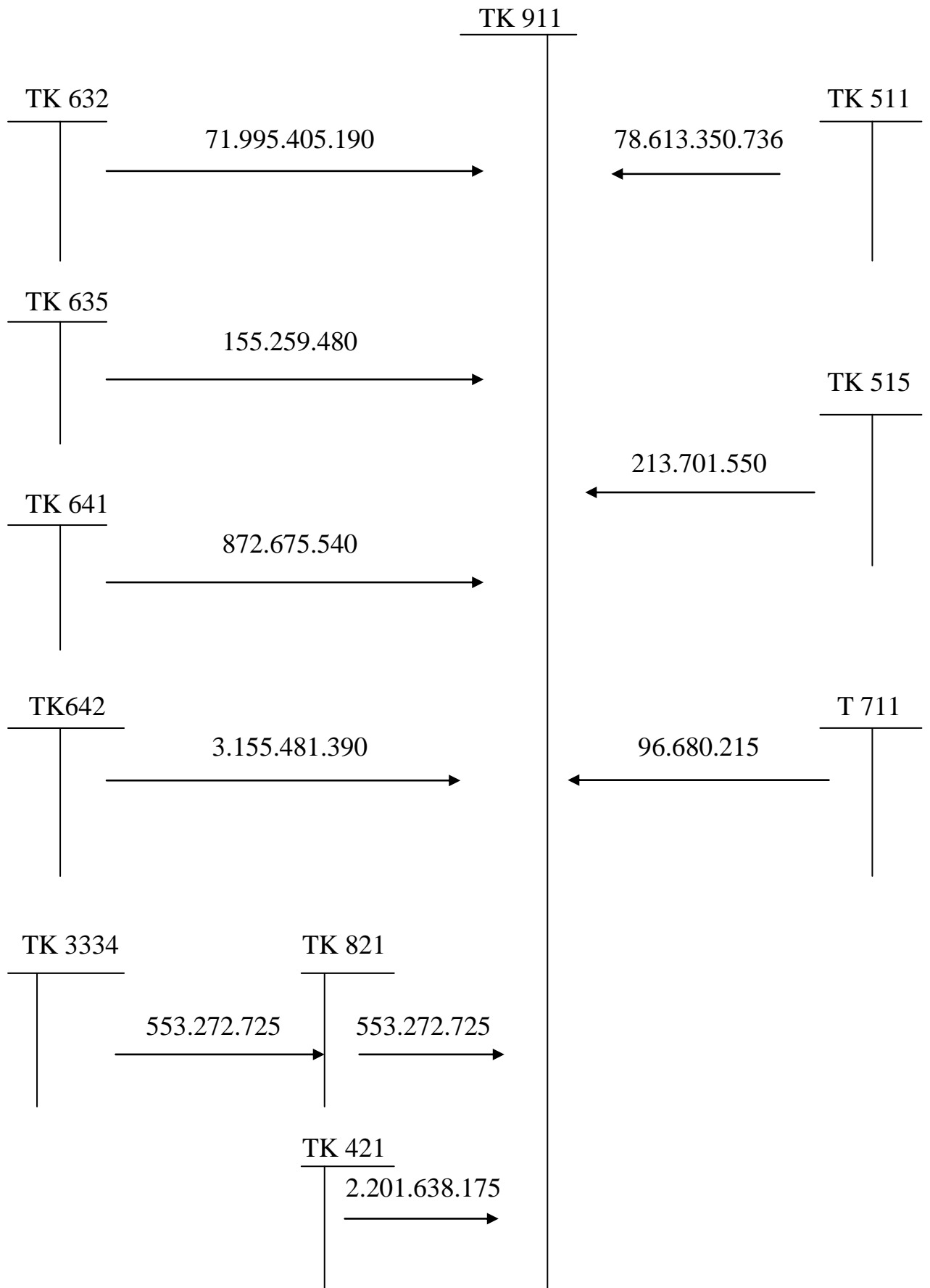
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

✓ Sơ đồ kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh



Biểu số 44: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số B02 – DN

Địa chỉ: Anh Dũng – Dương Kinh – Hải phòng

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC

(Trích) phòng kế toán tài chính

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

(Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	78,623,350,736	76,454,957,514
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		78,623,350,736	76,454,957,514
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	71,995,405,190	69,942,292,580
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6,627,945,546	6,512,664,934
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	213,701,550	127,109,521
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		
Trong đó : chi phí lãi vay	23		155,259,480	155,259,480
8. Chi phí bán hàng	24		872,675,540	821,079,076
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,155,481,391	3,105,124,114
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		2,658,230,685	2,558,311,785
11. Thu nhập khác	31		96,680,215	74,608,215
12. Chi phí khác	32			6,920,000
13. Lợi nhuận khác	40		96,680,215	67,688,215
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,754,910,900	2,626,000,000
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	553,272,725	527,239,442
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2,201,638,175	2,098,760,558
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM

3.1 Đánh giá về công tác sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH may Thiên Nam.

3.1.1 Những ưu điểm và kết quả đạt được của công ty TNHH may Thiên Nam

3.1.1.1 Về sản xuất kinh doanh và quản lý sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp

Ngay từ khi mới thành lập. Công ty TNHH may Thiên Nam đã có rất nhiều cố gắng và nỗ lực hết mình để có được chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đã đạt được kết quả đáng khích lệ với hoạt động chủ yếu về sản xuất hàng may mặc, gia công hàng xuất khẩu, sản xuất bao bì. . . Công ty không ngừng mở rộng quy mô sản xuất bằng chứng là trong năm 2011 và năm 2012 công ty đã thành lập xưởng may 2 + xưởng may 3 và xưởng sản xuất bao bì đã đi vào hoạt động từ tháng 5 năm 2011.

Tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, đạt hiệu quả, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp luôn luôn nhận được các đơn đặt hàng từ khách hàng nước ngoài, mức tiêu thụ vượt kế hoạch đề ra, thu nhập tương đối cao. Bằng chứng là: Tổng doanh thu năm 2010 đạt gần 70 tỷ, năm 2011 đạt 76,656 tỷ, năm 2012 đạt gần 79 tỷ và lợi nhuận đạt được cũng tăng qua từng năm từ 2,085 tỷ năm 2010 đến năm 2012 đạt 2,2016 tỷ.

Tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh phù hợp với sản xuất đơn giản gọn nhẹ. Vận dụng sáng tạo các quy luật hoạt động kinh tế thị trường. Tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm khuyến khích tinh thần lao động của công nhân viên (VD: hoạt động khéo tay hay làm, tổ chức du lịch,...)

Áp dụng khoa học kỹ thuật và kiến thức tiên tiến vào quản lý quá trình sản xuất và quản lý doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản lý nhân sự.

Để đạt được trình độ quản lý, sản xuất như hiện nay và các kết quả đã có được trong thời gian qua đó là cả một quá trình phấn đấu không ngừng của ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên của toàn công ty.

3.1.1.2 Về tổ chức công tác kế toán

- Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung nên hoạt động của bộ máy kế toán sẽ phát huy được hiệu quả tối đa. Mỗi kế toán viên đảm nhiệm chức năng nhiệm vụ riêng. Kế toán trưởng sẽ trực tiếp điều hành lãnh đạo các nhân viên trong phòng kế toán. Và sẽ nắm bắt thông tin một cách nhanh chóng, chính xác để từ đó phát hiện những sai sót và có biện pháp xử lý kịp thời tránh được những nhược điểm của việc điều hành chỉ đạo thông qua khâu trung gian. Mặt khác, giữa các kế toán viên phụ trách các phần hành kế toán khác nhau cũng có sự phối hợp thường xuyên để hạch toán các phần hành kế toán có liên quan. Bộ phận kế toán của công ty có nhiệm vụ thu thập, xử lý các thông tin kinh tế phục vụ cho quá trình hạch toán kế toán và cung cấp thông tin tài chính phục vụ tốt công tác quản lý tài chính của công ty

- Công tác cán bộ, nhân sự, bố trí công việc

Về nhân sự, bộ phận kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động có hiệu quả. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý và phù hợp với trình độ chuyên môn của từng người. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và giàu kinh nghiệm thực tế, nhiệt tình trong công việc. Công tác kế toán tại công ty được thực hiện chính xác, chuyên nghiệp và hiệu quả.

3.1.1.3 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và các định kết quả kinh doanh tại công ty.

✓ Về chứng từ kế toán và tài khoản sử dụng:

Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ, chi tiết.

Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều là phù hợp với yêu cầu kế toán và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời. Các chứng từ được kế toán tổng hợp, lưu trữ và bảo quản cẩn thận.

Các số liệu thông tin, báo cáo từ phòng kế toán đảm bảo chất lượng, chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác quản lý của doanh nghiệp.

✓ Về tổ chức hệ thống sổ sách kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ.

Công ty áp dụng hệ thống kế toán thống nhất theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Đơn giản, gọn nhẹ, dễ làm và phù hợp với quy mô của doanh nghiệp.

Việc lưu trữ các chứng từ kế toán được quan tâm, chú ý, sắp xếp gọn gàng theo đúng nội dung kinh tế, đúng trình tự thời gian và được đảm bảo an toàn theo quy định của Nhà nước.

✓ Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Về kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ, kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh. Công ty sử dụng các tài khoản sau: TK 5111: "Doanh thu may 10", TK 5113 "Doanh thu bán hàng nội bộ", TK 5114 "Doanh thu bán gia công hàng xuất khẩu", TK 5119 "Doanh thu bán thùng Carton", TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính", TK 711 "Doanh thu khác" là phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp.

- Về kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh như: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp,... được cập nhật nhanh chóng chi tiết. Từ năm 2012, do chi phí quản lý kinh doanh là khá lớn nên công ty đã tách chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp để dễ dàng theo dõi và hạch toán, so sánh giúp người quản lý đưa ra những quyết định và điều chỉnh đúng đắn hơn, Tuy quyết định này của công ty không phù hợp với quyết định 48/2006/QĐ - BTC

nhưng nó cũng có thể được coi là một ưu điểm của công ty. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ là phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty.

- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: Cuối mỗi năm, kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty để trình lên ban giám đốc.

3.1.2 Những hạn chế trong công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nói riêng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH may Thiên Nam còn những hạn chế nhất định.

1. Về nhân sự

- Nhân sự trong phòng kế toán còn thiếu, ảnh hưởng tới công việc.

Bộ phận kế toán còn thiếu người, do đặc điểm của công việc nên nhân viên hầu hết là nữ giới, độ tuổi lao động trẻ nên thời gian nghỉ thai sản dài dẫn đến khối lượng công việc ứ đọng, nặng nề, hiệu quả công việc không cao có thể dẫn tới việc cung cấp số liệu không đầy đủ, không chính xác, không kịp thời làm ảnh hưởng tới công tác kế toán và quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

- Việc nâng cao trình độ, bồi dưỡng nghiệp vụ, đào tạo và đào tạo lại chưa được quan tâm.

Công ty chưa có kế hoạch nhằm nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ công nhân viên ở các phòng ban, đặc biệt là phòng kế toán tài chính. điều này đã dẫn đến sự lạc hậu, lỗi thời thiếu tư duy, sáng tạo và đổi mới, không nắm bắt kịp thời sự thay đổi trong chế độ của Nhà nước.

2. Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán:

Tại công ty TNHH may Thiên Nam, công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng thủ công và thực hiện trên phần mềm Excel. Vì vậy việc ghi chép vào sổ chậm, dễ sai sót, vấn đề lưu trữ dữ liệu và lấy dữ liệu rất khó khăn, phức tạp.

- Đối với nhà quản trị: Sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi kế toán phụ trách một phần hành kế toán dẫn đến tốn nhiều nhân sự. Mặt khác khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ thì phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp, vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin một cách nhanh chóng tức thời.

- Đối với nhân viên kế toán, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ, công tác tính toán tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt nên báo cáo tài chính rất vất vả.

3. Chưa áp dụng chính sách thu hút khách hàng chiết khấu thương mại

Hiện tại công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán cho khách hàng chính là một bất lợi lớn đối với công ty bởi sẽ không khuyến khích được khách hàng mua với số lượng lớn hơn, nhằm giữ chân những khách hàng cũ và thu hút những khách hàng mới có tiềm năng từ đó sẽ tăng được lượng hàng bán ra, tăng được doanh thu tiêu thụ của công ty.

4. Chưa trích lập một số khoản dự phòng

Việc trích lập các khoản dự phòng đồng nghĩa với việc dự kiến trước các tổn thất, để khi những rủi ro kinh tế bất ngờ xảy ra, công ty có nguồn kinh phí bù đắp thời những rủi ro này, hoạt động kinh doanh sẽ không phải chịu ảnh hưởng nặng nề, không phải chịu những tổn thất không đáng có. Tuy nhiên hiện tại công ty chưa chú trọng đến việc trích lập các khoản dự phòng.

3.1.3 Những nguyên nhân cơ bản của tồn tại

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thiếu sót, tồn tại trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH may Thiên Nam trong đó bao gồm cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan.

➤ Nguyên nhân chủ quan

Do tài chính của công ty còn khó khăn, chưa có khả năng và điều kiện thích hợp để nâng cấp công tác hạch toán kế toán.

Đội ngũ lao động trẻ, chưa có bề dày kinh nghiệm.

Ý thức lao động chưa cao, chưa tập trung trong công việc (còn nghỉ vặt, nói chuyện, dùng điện thoại, ra ngoài trong giờ nhiều...)

➤ ***Nguyên nhân khách quan***

Trong năm 2012, Sự biến động của thị trường về giá cả của các mặt hàng thiết yếu tăng cao đã có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Do trình độ và thói quen công việc của cán bộ nhân viên phòng kế toán đã ăn sâu vào nếp nghĩ nếp làm việc của họ.

Do chính sách, chế độ thay đổi của nhà nước trong khi doanh nghiệp chưa tiếp nhận được kịp thời.

Chưa cập nhật được các kiến thức mới kịp thời.

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

3.2.1 Tính tất yếu phải hoàn thiện

Sai phải sửa

Chưa đúng phải làm cho đúng.

Chính sách, chế độ thay đổi thì phải thay đổi kịp thời và hoàn thiện.

Ngày nay với sự tiến bộ của khóa học kỹ thuật và sự hội nhập quốc tế diễn ra ngày càng sâu sắc và mở rộng, đòi hỏi mỗi cá nhân nói chung và mỗi doanh nghiệp nói riêng không thể hài lòng với những gì mình đã đạt được. Để chiếm lĩnh trên thị trường các doanh nghiệp đang cạnh tranh hết sức gay gắt và sự thành bại của doanh nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào công tác kế toán.

Thông qua việc kiểm định ghi chép, tính toán tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học của kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp cân đối có thể biết các thông tin một cách đầy đủ, chính xác, toàn diện về tài sản và sự vận động của tài sản. Các báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính, triển vọng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư

đúng đắn, kịp thời trong từng thời kỳ. Vì vậy phải hoàn thiện và đổi mới không ngừng công tác kế toán để phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Trong hoạt động kinh doanh thương mại, quá trình tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp được đưa lên hàng đầu đồng thời quá trình này còn là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Vì vậy phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một vấn đề hết sức quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

Mặt khác, kế toán tài chính giống như “quả tim” của doanh nghiệp, nó cho biết được “Tình trạng sức khỏe” của doanh nghiệp. Bộ máy kế toán yếu kém thì tình hình hoạt động kinh doanh của công ty cũng không thể hiệu quả. Về lâu dài thì điều này là không tốt cho doanh nghiệp. Bởi vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là hết sức cần thiết.

3.2.2 Mục đích, yêu cầu, phạm vi và nguyên tắc của hoàn thiện

➤ Mục đích của hoàn thiện

Khắc phục những thiếu sót

Đưa ra những giải pháp để từ đó doanh nghiệp có những bước đi đúng đắn trong tương lai

➤ Yêu cầu của hoàn thiện

Do tầm quan trọng của phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên hoàn thiện phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Thứ nhất: hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Thứ hai: hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Thứ ba: hoàn thiện phải đáp ứng nhu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Thứ tư: việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp với thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

➤ ***Nguyên tắc của hoàn thiện***

- Không làm ảnh hưởng tới các hoạt động khác trong doanh nghiệp
- Tôn trọng các chuẩn mực Nhà nước đưa ra
- Đúng chế độ chính sách
- Sai đến đâu thì hoàn thiện đến đó
- Căn cứ vào đặc điểm tình hình sản xuất kinh doanh, quản lý của doanh nghiệp.
- Có những vấn đề hoàn thiện được ngay, có những vấn đề phải có quá trình.

➤ ***Phạm vi của hoàn thiện***

Có thể là bộ phận chính hay từng bộ phận có liên quan trong công ty TNHH may Thiên Nam hay toàn xí nghiệp.

3.2.3 Những kiến nghị của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH may Thiên Nam.

Sau thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế về tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH may Thiên Nam, dưới góc độ là một sinh viên em mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hơn tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Kiến nghị 1: Hoàn thiện về nhân sự ở các phòng ban nói chung và phòng kế toán nói riêng

Công ty cần bổ sung nhân sự cho phòng kế toán. Số lượng nhân viên kế toán của công ty hiện nay còn thiếu sót so với quy mô và khối lượng công việc thực tế đòi hỏi. Mặc dù các nhân viên phòng kế toán đều là những cán bộ trẻ, năng động,

có trình độ chuyên môn, luôn hoàn thiện nhiệm vụ của mình góp phần không nhỏ vào sự nghiệp phát triển của công ty. Mặt khác, hình thức ghi sổ kế toán là hình thức nhật ký chung nên công việc thường dồn vào cuối kỳ mà khối lượng công việc lại hoàn toàn do kế toán trưởng đảm nhiệm, việc cung cấp thông tin cần thiết cho ban giám đốc sẽ không đảm bảo về mặt thời gian cũng như độ chính xác. Do đó, yêu cầu cấp thiết đặt ra cho công ty là phải tuyển thêm nhân viên kế toán. Bởi vì khi số lượng nhân viên kế toán được bổ sung, khối lượng công việc của kế toán sẽ được san sẻ bớt. Sẽ không còn tình trạng nhân viên phải mang công việc về nhà để làm, sẽ đảm bảo được cho chất lượng cũng như tiến bộ của công việc theo yêu cầu. Có thể bổ sung nhân sự cho phòng kế toán bằng cách tuyển thêm nhân viên mới, chuyển chuyên và đào tạo, bồi dưỡng nhân viên trong phòng, từ phòng khác cho phù hợp với khối lượng công việc. Hoặc có thể thuê thêm người có trình độ chuyên môn ở ngoài làm một lượng công việc nhất định vào cuối kỳ kế toán để giảm áp lực cho kế toán trưởng. Điều đó sẽ dẫn đến công việc đạt hiệu quả cao hơn và chính xác kịp thời hơn.

Kiến nghị 2: Công ty nên áp dụng phần mềm vi tính vào trong công tác kế toán.

Kinh tế thị trường ngày càng phát triển thì quy mô hoạt động của doanh nghiệp càng phát triển, mối quan hệ kinh tế mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu thu nhập xử lý, cung cấp thông tin ngày càng khó khăn và phức tạp. Vì vậy việc ứng dụng tin học trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng có ý nghĩa rất lớn.

Việc ứng dụng phần mềm kế toán có những lợi ích như sau:

- Giảm bớt khối lượng công việc ghi chép một cách đáng kể.
- Tiết kiệm lao động và thời gian: Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết được tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần đưa số liệu vào và tạo tác.
- Chính xác: các công thức kế toán có độ chính xác cao và hiếm khi gây ra lỗi. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho đối tượng bên ngoài.

- Dễ sử dụng: Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm đều có hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán có thể sử dụng một cách dễ dàng.

Để áp dụng phần mềm vi tính vào trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng thì trước hết doanh nghiệp phải chuẩn bị:

- Chuẩn bị về vốn để mua máy tính, mua phần mềm kế toán

- Chuẩn bị về vốn để đào tạo nhân viên trực tiếp sử dụng và nhân viên quản lý, điều hành.

- Nâng cao trình độ tin học cho cán bộ công nhân viên trong công ty

- Có người quản lý, sửa chữa các thiết bị tin học.

Đặc trưng cơ bản của kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Công ty phải lựa chọn phần mềm được thiết kế phù hợp theo nguyên tắc ghi sổ tại công ty. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán, em xin giới thiệu một số phần mềm phổ biến hiện nay, công ty có thể lựa chọn phần mềm phù hợp:

- Phần mềm kế toán Fast Accounting. Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ

- Phần mềm kế toán ACMAN: ACMAN được thiết kế và lập trình trên công nghệ hiện đại theo quy định chuẩn của bộ tài chính. Với phần mềm này người sử dụng chỉ cần cập nhật số liệu đầu vào phát sinh theo hệ thống chứng từ. Máy tính sẽ tự động tính toán và đưa vào các sổ sách, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phần mềm kế toán MISA: Đây là phần mềm được phát triển trên cơ sở phân tích tỉ mỉ, bao trùm hết các phần hành kế toán của nhiều loại hình doanh nghiệp. Với tiêu chí đơn giản hóa, dễ sử dụng, đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý kế toán của doanh nghiệp. MISA được đánh giá là phần mềm có hiệu quả cao trong công tác kế toán quản trị kinh doanh.

- Với sự thay đổi này, ban lãnh đạo hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán tài chính, nắm được cơ chế hoạt động và khả năng đáp ứng, từ đó có thể yêu cầu các bộ phận có liên quan báo cáo các thông tin cần thiết một cách chính xác.

- Đối với bộ phận kế toán tài chính: Có được giải pháp chuẩn, quy trình chuẩn và kế toán tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của BTC và pháp luật VN.

Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách thao quy định.

Khả năng trả lời nhanh các câu hỏi của ban lãnh đạo liên quan đến các con số doanh thu, chi phí, lãi/lỗ, tiền lại quỹ và ngân hàng, công nợ, kho hàng hóa,...

Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng.

- Đối với các bộ phận khác: Quan hệ giữa các phòng ban trở lên thuận tiện hơn, có thông tin nhanh, phối kết hợp thông tin giữa các phòng ban, tránh các công việc trùng lặp.

Kiến nghị 3: Công ty nên sử dụng chính sách thu hút khách hàng như chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán,

Việc sử dụng hình thức chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và giảm giá hàng bán sẽ làm tăng hiệu quả của công tác bán hàng, tăng lượng hàng bán ra, thu hút khách hàng, tăng sức cạnh tranh trên thị trường, việc thu hồi vốn nhanh dẫn đến đẩy nhanh vòng quay vốn, giảm lãi vay ngân hàng.

Để áp dụng chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Có thể quy định mức chiết khấu như sau:

- Nếu khách hàng thanh toán tiền hàng trước thời hạn 15 ngày thì được hưởng chiết khấu 1% tính trên tổng giá thanh toán.

- Nếu khách hàng thanh toán tiền hàng trước thời hạn 1 tháng thì được hưởng chiết khấu 1% tính trên tổng giá thanh toán.

✓ *Chiết khấu thương mại được phản ánh vào TK521 như sau:*

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 521 – Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (nếu có)

Có TK 111,112,131,...

Cuối kỳ, kết chuyển tổng số chiết khấu thương mại đã chấp thuận phát sinh trong kỳ sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 – Chiết khấu thương mại

Khoản chiết khấu thương mại phải được ghi rõ trong hợp đồng giữa 2 bên.

✓ *Chiết khấu thanh toán được phản ánh vào TK 6351:*

Khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng hóa, dịch vụ được hưởng do thanh toán trước hạn phải thanh toán theo thỏa thuận khi mua, bán hàng, ghi:

Nợ TK 6351 – Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có TK 131, 111, 112,...

Cuối kỳ, kết chuyển số chiết khấu thanh toán cho khách hàng sang TK 9112

Nợ TK 9112 - Kết quả từ hoạt động tài chính

Có TK 6351 – Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

✓ *Giảm giá hàng bán được phản ánh vào TK 532 như sau:*

Nợ TK 532 – Giảm giá hàng bán

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (nếu có)

Có TK 111, 112, 131,...

Cuối kỳ, kết chuyển tổng số giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 532 – Giảm giá hàng bán

Tuy nhiên, các doanh nghiệp thường đưa ra mức giảm giá hàng bán khi hàng bị khách hàng phản ứng do kém phẩm chất, không đúng quy cách, chất lượng,... như trong hợp đồng.

Kiểm nghị 4: Công ty nên trích lập một số khoản dự phòng.

1. Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Theo thông tư **228/2009/TT-BTC** ban hành ngày 07/12/2009 hướng dẫn việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

✓ Điều kiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi:

- Khoản nợ phải thu có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

✓ Phương pháp kế toán dự phòng phải thu khó đòi:

Công ty phải theo dõi riêng và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn phải chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng không có khả năng thanh toán. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

✓ Nguyên tắc trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

+ Khi các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định tại điểm 2 Điều này; nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp không phải trích lập;

+ Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch;

Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

✓ Chứng từ sử dụng: chứng từ gốc, đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

➤ **Tài khoản sử dụng:** TK 139 - "Dự phòng phải thu khó đòi"

▪ **Kết cấu TK 139**

Bên Nợ:

- + Hoàn nhập dự phòng giảm thu khó đòi đã lập cuối năm trước
- + Xử lý xoá nợ các khoản phải thu khó đòi không thể đòi được

Bên Có:

Số dự phòng nợ giảm thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp

Số dư bên Có: Số dư phòng nợ giảm thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

✓ **Trình tự hạch toán:**

- Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được, tính toán mức dự phòng nợ phải thu khó đòi cần lập lần đầu.

Nợ TK 642: Số tiền trích lập dự phòng

Có TK 139: Số tiền trích lập dự phòng

- Cuối kỳ kế toán sau, nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này nhỏ hơn số đã lập:

+ *Cuối kỳ trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập:*

Nợ TK 139: Số tiền hoàn nhập

Có TK 642: Số tiền hoàn nhập

+ *Còn nếu lớn hơn thì số chênh lệch lớn hơn sẽ phải trích lập thêm:*

Nợ TK 642: Số tiền trích lập thêm

Có TK 139: Số tiền trích lập thêm

- Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự không đòi được sẽ được phép xoá nợ theo chính sách tài chính hiện hành:

Nợ TK 139 (Nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131,138

Đồng thời ghi Nợ TK 004 - "Nợ khó đòi đã xử lý"

- Đối với các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá nợ, nếu sau đó lại thu hồi được:

Nợ TK 111,112.... Số tiền thực tế đã thu hồi được

Có TK 711 Số tiền thực tế đã thu hồi được

Đồng thời ghi Có TK 004 - "Nợ khó đòi đã xử lý"

✓ **Sổ kế toán:** Sổ cái TK 139

2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty nên tiến hành lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để đảm bảo hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị trong tương lai.

Dự phòng được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ vào cuối kỳ kế toán năm khi lập BCTC. Cuối kỳ kế toán năm, căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng hàng hoá để xác định khoản dự phòng.

Phương pháp kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

✓ **Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn, chứng từ phản ánh giá gốc của hàng tồn kho được lập dự phòng.
- Biên bản kiểm kê số lượng hàng tồn kho tại thời điểm lập dự phòng.
- Bảng tổng hợp mức lập dự phòng.
- Bảng chứng tin cậy về giá bán ước tính hàng tồn kho được lập dự phòng.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Nội dung và kết cấu của TK 159:

Bên Nợ:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư bên Có: Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ

✓ **Trình tự hạch toán:**

Cuối kỳ kế toán năm, căn cứ vào những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc hàng tồn kho, tính toán mức dự phòng cần lập lần đầu, ghi:

Nợ TK 632: Số tiền trích lập dự phòng

Có TK 159: Số tiền trích lập dự phòng

Cuối kỳ kế toán năm tiếp theo:

+ Nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này lớn hơn khoản dự phòng đã trích lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn phải được trích lập thêm:

Nợ TK 632: Số tiền trích lập thêm

Có TK 159: Số tiền trích lập thêm

+ Nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập, ghi:

Nợ TK 159: Số tiền hoàn nhập

Có TK 632: Số tiền hoàn nhập

✓ **Sổ kế toán:**

Sổ cái TK 159, sổ chi tiết TK 159

Như vậy, việc lập nên các khoản dự phòng sẽ giúp cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ổn định, tăng độ chính xác tin cậy cho các thông tin kế toán đưa ra.

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp giữ vị trí, vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua số liệu doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp biết được doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết sách về mặt chiến lược làm cho doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, phát triển và đứng vững trên thị trường. Khoá luận: "Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH may Thiên Nam" đã đề cập tới sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH may thiên Nam nói riêng, khoá luận đã đưa ra những vấn đề cơ bản sau:

1. Về mặt lý luận: Khoá luận đã hệ thống những lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh và những vấn đề mấu chốt về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

2. Về thực tiễn: Khoá luận đã phản ánh thực trạng khách quan, đầy đủ công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH may Thiên Nam và được minh chứng bằng những tài liệu, số liệu của năm 2012.

3. Đối chiếu lý luận cơ bản với thực tiễn của công ty TNHH Thiên Nam khoá luận đã đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thiên Nam nói riêng và các doanh nghiệp khác nói chung, các đề xuất, kiến nghị đều xuất phát từ thực tế của doanh nghiệp có cơ sở thực tế nên mang tính khả thi cao.

Do điều kiện thời gian nghiên cứu ngắn, trình độ kiến thức thực tế còn hạn chế nên không tránh khỏi những khiếm khuyết, em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của Ban giám đốc, các cô chú anh chị trong phòng kế toán công ty TNHH may Thiên Nam, của các thầy, cô giáo và thầy giáo hướng dẫn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Khoá luận được hoàn thành là nhờ sự tạo điều kiện, sự giúp đỡ của Ban giám đốc, Phòng kế toán công ty TNHH may Thiên Nam, sự chỉ bảo hướng dẫn của các thầy cô giáo trong khoa, trong trường và của thầy giáo hướng dẫn trực tiếp. Em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc công ty, các anh chị cô chú trong phòng kế toán, các anh chị cô chú trong công ty có liên quan. Em xin cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa, trong trường và thầy giáo hướng dẫn đã hỗ trợ, chỉ dẫn cho em hoàn thành khoá luận này./.

Sinh viên

Phan Thị Vấn

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1, quyển .) Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính – Nhà xuất bản Tài chính năm 2006.
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
3. Các chứng từ và sổ sách kế toán năm 2012 của công ty TNHH may Thiên Nam.
4. Khóa luận của các khóa tại thu viện trường Đại học dân lập Hải Phòng.
5. Webside : webketoan.vn
Ketoantaichinh.com.vn

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

<i>STT</i>	<i>Ký hiệu viết tắt</i>	<i>Chữ viết tắt</i>
	BH, QLDN	Bán hàng, Quản lý doanh nghiệp
	BHXH	Bảo hiểm xã hội
	CKTM	Chiết khấu thương mại
	Công ty TNHH may Thiên Nam	Công ty trách nhiệm hữu hạn may Thiên Nam
	HDSXKD	Hoạt động sản xuất kinh doanh
	Hóa đơn GTGT	Hóa đơn Giá trị gia tăng
	KQKD	Kết quả kinh doanh
	NSNN	Ngân sách nhà nước
	Thuế GTGT	Thuế Giá trị gia tăng
	Thuế TNDN	Thuế Thu nhập doanh nghiệp
	Thuế TTĐB	Thuế Tiêu thụ đặc biệt
	Thuế XK	Thuế Xuất khẩu
	TK	Tài khoản
	TSCĐ	Tài sản cố định

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	10
1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	10
1.1.1 Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	10
1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	11
1.2 Một số vấn đề cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	12
1.2.1 Một số vấn đề cơ bản về doanh thu	12
1.2.1.1 Khái niệm doanh thu.....	12
1.2.1.2 Vai trò, vị trí doanh thu	12
1.2.1.3 Các nguyên tắc xác định doanh thu	13
1.2.1.4 Điều kiện ghi nhận doanh thu.....	14
1.2.1.5 Thời điểm ghi nhận doanh thu.....	14
1.2.1.6 Phân loại doanh thu	15
1.2.1.7 Các khoản giảm trừ doanh thu.....	17
1.2.1.8 Doanh thu thuần.....	17
1.2.1.9 Các biện pháp nhằm tăng doanh thu.....	18
1.2.2 Một số vấn đề về chi phí.....	18
1.2.2.1 Khái niệm chi phí	18
1.2.2.2 Vai trò và vị trí của chi phí.....	18
1.2.2.3 Nguyên tắc, điều kiện ghi nhận chi phí	19
1.2.2.4 Các loại chi phí trong doanh nghiệp.....	20
1.2.2.5 Các biện pháp nhằm giảm chi phí	21
1.2.3 Kết quả kinh doanh.....	22
1.2.3.1 Khái niệm kết quả kinh doanh.....	22
1.2.3.2 Ý nghĩa, vai trò và tác dụng của việc xác định kết quả kinh doanh.....	23

1.2.3.3 Phương pháp xác định kết quả kinh doanh.....	23
1.2.4 Quan hệ giữa doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh và vấn đề phân đầu tăng kết quả kinh doanh (Lợi nhuận) trong doanh nghiệp.....	24
1.2.4.1 Quan hệ giữa doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh	24
1.2.4.2 Vấn đề phân đầu để tăng kết quả kinh doanh.....	25
1.3 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	25
1.3.1 Các trường hợp hạch toán hàng tồn kho và tính thuế GTGT	25
1.3.2 Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập trong doanh nghiệp	26
1.3.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26
1.3.2.2 Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ.....	30
1.3.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	32
1.3.2.4 Kế toán thu nhập khác trong doanh nghiệp.....	35
1.3.3 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	37
1.3.3.1 Chiết khấu thương mại – Tài khoản 521	37
1.3.3.2 Hàng bán bị trả lại – Tài khoản 531	38
1.3.3.3 Giảm giá hàng bán – Tài khoản 532.....	39
1.3.4 Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp.....	40
1.3.4.1 Kế toán giá vốn hàng bán	40
1.3.4.2 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	44
1.3.4.3 Kế toán chi phí tài chính.....	48
1.3.4.4 Kế toán chi phí khác	50
1.3.4.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	52
1.3.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	54
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM	57
2.1 Tổng quan về công ty TNHH May Thiên Nam.....	57
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH May Thiên Nam... 57	
2.1.1.1 Quá trình hình thành của công ty	57
2.1.1.2 Quá trình phát triển của công ty.....	58

2.1.2	Đặc điểm sản xuất Kinh doanh, quy trình công nghệ.	59
2.1.3	Khó khăn, thuận lợi, phương hướng sản xuất kinh doanh	60
2.1.4	Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh của công ty TNHH may Thiên Nam.	60
2.1.5	Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH May Thiên Nam.	63
2.1.5.1	Tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH May Thiên Nam	63
2.1.5.2	Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại công ty TNHH May Thiên Nam	67
2.2	Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH May Thiên Nam.	69
2.2.1	Kế toán doanh thu tại công ty TNHH may Thiên Nam.....	69
2.2.1.1	Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	69
2.2.1.2	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	76
2.2.1.3	Kế toán doanh thu khác.	81
2.2.2	Kế toán chi phí tại công ty TNHH may Thiên Nam.	88
2.2.2.1	Kế toán giá vốn hàng bán.	88
2.2.2.2	Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	96
2.2.2.3	Kế toán chi phí bán hàng	101
2.2.2.4	Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	106
2.2.2.5	Kế toán chi phí khác	112
2.2.3	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH may Thiên Nam.....	114
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM		125
3.1	Đánh giá về công tác sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH may Thiên Nam.....	125
3.1.1	Những ưu điểm và kết quả đạt được của công ty TNHH mayThiên Nam.....	125
3.1.1.1	Về sản xuất kinh doanh và quản lý sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp..	125
3.1.1.2	Về tổ chức công tác kế toán.....	126

3.1.1.3 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và các định kết quả kinh doanh tại công ty.	126
3.1.2 Những hạn chế trong công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nói riêng.	128
3.1.3 Những nguyên nhân cơ bản của tồn tại	129
3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	130
3.2.1 Tính tất yếu phải hoàn thiện	130
3.2.2 Mục đích, yêu cầu, phạm vi và nguyên tắc của hoàn thiện.....	131
3.2.3 Những kiến nghị của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH may Thiên Nam.	132
KẾT LUẬN	141
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	143
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	143